

**BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI**



**CẨM NANG VỀ PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI
CHO DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU SANG
CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN CPTPP**

Hà Nội - Năm 2022

MỤC LỤC

DANH MỤC VIẾT TẮT.....	4
DANH MỤC BIỂU ĐỒ	5
DANH MỤC BẢNG	6
CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI	7
1. Khái niệm về phòng vệ thương mại	8
2. Khuôn khổ pháp luật về phòng vệ thương mại	10
2.1. Pháp luật quốc tế	10
2.1. Pháp luật Việt Nam	10
3. Các biện pháp phòng vệ thương mại	11
3.1. Biện pháp chống bán phá giá	11
3.2. Biện pháp chống trợ cấp	13
3.3. Biện pháp tự vệ.....	14
3.4. Chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại.....	16
CHƯƠNG II: HIỆP ĐỊNH CPTPP VÀ NỘI DUNG PVTM.....	19
1. Khái quát về Hiệp định CPTPP	20
2. Quy định của Hiệp định CPTPP về các biện pháp PVTM	22
3. Quy định về PVTM của các thành viên CPTPP.....	24
3.1. Pháp luật PVTM của Úc.....	24
3.2. Pháp luật PVTM của Brunei.....	28
3.3. Pháp luật PVTM của Chile	29
3.4. Pháp luật PVTM của Nhật Bản.....	31
3.5. Pháp luật PVTM của Canada.....	35
3.6. Pháp luật PVTM của Malaysia.....	38
3.7. Pháp luật PVTM của Mexico.....	40
3.8. Pháp luật PVTM của New Zealand.....	42

3.9. Pháp luật PVTM của Peru.....	45
3.10. Pháp luật PVTM của Singapore.....	59
CHƯƠNG III: THỰC TIỄN ĐIỀU TRA PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI CỦA CÁC THÀNH VIÊN CPTPP	52
1. Tình hình xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang các nước đối tác CPTPP	53
2. Thực tiễn điều tra áp dụng biện pháp PVTM của các đối tác thành viên CPTPP đối với hàng hóa nhập khẩu trên thế giới	56
3. Thực tiễn điều tra áp dụng biện pháp PVTM của các đối tác thành viên CPTPP đối với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam	58
CHƯƠNG 4. HƯỚNG DẪN DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU SANG CÁC NƯỚC CPTPP ỨNG PHÓ VỚI CÁC VỤ VIỆC PVTM	60
1. Thông tin đầu mối hỗ trợ doanh nghiệp	61
2. Khuyến nghị chung dành cho doanh nghiệp	62
2.1. Lưu ý các thông tin cảnh báo	62
2.2. Chủ động xây dựng chiến lược ứng phó	63
2.3. Hợp tác với các bên có cùng lợi ích	64
3. Quy trình ứng phó với các vụ việc PVTM	64
3.1. Đối với vụ việc điều tra chống bán phá giá của nước ngoài.....	64
3.2. Đối với vụ việc điều tra chống trợ cấp của nước ngoài.....	73
3.3. Đối với vụ việc điều tra tự vệ	81
3.4. Đối với biện pháp tự vệ chuyển tiếp theo Hiệp định CPTPP	83
3.5. Đối với biện pháp khẩn cấp dành cho hàng dệt may	83
PHỤ LỤC 1: NỘI DUNG PVTM TRONG HIỆP ĐỊNH CPTPP	86
PHỤ LỤC 2: THÔNG TƯ 19/2019/TT-BCT NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2019 CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG QUY ĐỊNH VỀ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP TỰ VỆ ĐẶC BIỆT ĐỂ THỰC THI HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN VÀ TIẾN BỘ XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG	97

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

CBPG	Chống bán phá giá
CBSA	Cơ quan dịch vụ biên mậu Canada
CPTPP	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
CITT	Tòa án thương mại Quốc tế Canada
CTC	Chống trợ cấp
INDECOPI	Viện quốc gia về phòng vệ Cạnh tranh và bảo vệ sở hữu trí tuệ
MBIE	Bộ Kinh doanh – Đổi mới và Lao động New Zealand
MFN	Nguyên tắc tối huệ quốc
PVTM	Phòng vệ thương mại
PMC	Điều kiện thị trường đặc biệt
PMS	Tình hình thị trường đặc biệt
FTA	Hiệp định thương mại tự do
SIMA	Đạo luật về các biện pháp nhập khẩu đặc biệt của Canada
WTO	Tổ chức thương mại thế giới

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Quy trình điều tra chống bán phá giá/chống trợ cấp của Úc.....	25
Biểu đồ 2: Quy trình điều tra tự vệ của Úc.....	27
Biểu đồ 3: Quy trình điều tra chống bán phá giá/chống trợ cấp của Nhật Bản.....	32
Biểu đồ 4: Quy trình điều tra vụ việc tự vệ của Nhật Bản.....	33
Biểu đồ 5: Thời gian biểu điều tra chống bán phá giá/chống trợ cấp của Canada.....	36
Biểu đồ 6: Quy trình điều tra chống bán phá giá/chống trợ cấp của Malaysia.....	38
Biểu đồ 7: Quy trình điều tra tự vệ của Malaysia.....	39
Biểu đồ 8: Quy trình điều tra biện pháp tự vệ của Mexico.....	40
Biểu đồ 9: Quy trình điều tra chống bán phá giá/chống trợ cấp của Mexico.....	41
Biểu đồ 10: Quy trình điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp	43
Biểu đồ 11: Quy trình điều tra tự vệ của New Zealand.....	44
Biểu đồ 12: Quy trình điều tra chống bán phá giá/chống trợ cấp của Peru.....	47
Biểu đồ 13: Quy trình điều tra biện pháp tự vệ của Peru.....	48
Biểu đồ 14: Quy trình điều tra chống trợ cấp của Singapore.....	50
Biểu đồ 15: Quy trình điều tra chống bán phá giá của Singapore.....	50
Biểu đồ 16: Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang CPTPP.....	50
Biểu đồ 17: Số lượng vụ việc PVTM được các nước đối tác CPTPP khởi xướng/áp dụng.....	57
Biểu đồ 18: Số lượng vụ việc điều tra của các đối tác CPTPP với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam theo năm.....	59

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Phân biệt ba biện pháp PVTM.....	8
Bảng 2: Thông tin về các biện pháp PVTM trong Hiệp định CPTPP.....	23
Bảng 3: Danh mục các văn bản pháp luật PVTM Úc.....	24
Bảng 4: Danh mục văn bản pháp luật PVTM Chile.....	29
Bảng 5: Danh mục văn bản pháp luật PVTM Nhật Bản	31
Bảng 6: Danh mục văn bản pháp luật PVTM Canada.....	35
Bảng 7: Danh mục văn bản pháp luật PVTM của Malaysia.....	38
Bảng 8: Danh mục văn bản pháp luật của Mexico.....	40
Bảng 9 : Danh mục văn bản pháp luật của New Zealand.....	42
Bảng 10: Danh mục văn bản pháp luật PVTM của Peru.....	46
Bảng 11: Danh mục văn bản pháp luật PVTM của Singapore.....	49
Bảng 12: Xuất khẩu 7 tháng đầu năm 2021 sang các nước CPTPP.....	53
Bảng 13: 08 nhóm hàng xuất khẩu lớn nhất sang CPTPP 07 tháng đầu năm 2021.....	55
Bảng 14: Số lượng vụ việc PVTM do các đối tác CPTPP khởi xướng điều tra và áp dụng biện pháp tính đến hết năm 2020	56
Bảng 15: Số vụ việc PVTM do các đối tác CPTPP điều tra và áp dụng đối với Việt Nam tính đến hết năm 2021	58
Bảng 16: Thông tin liên hệ các Thương vụ Việt Nam tại các nước thành viên CPTPP.....	76



CHƯƠNG I

TỔNG QUAN VỀ PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

CHƯƠNG I

TỔNG QUAN VỀ PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

1. Khái niệm về phòng vệ thương mại

Phòng vệ thương mại (PVTM) là một thuật ngữ để chỉ các biện pháp hạn chế nhập khẩu một loại hàng hóa cụ thể nhằm bảo vệ ngành sản xuất hàng hóa đó tại nước nhập khẩu. Hiện nay, trong khuôn khổ của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), có ba biện pháp PVTM được công nhận và thể chế

hóa cụ thể: (i) tự vệ (áp dụng khi hàng hóa nhập khẩu gia tăng đột biến, gây thiệt hại nghiêm trọng cho sản xuất trong nước); (ii) chống bán phá giá (CBPG) (áp dụng khi hàng hóa nhập khẩu bán phá giá gây thiệt hại đáng kể cho sản xuất trong nước; và (iii) chống trợ cấp (CTC) (áp dụng khi hàng hóa nhập khẩu được trợ cấp gây thiệt hại đáng kể cho sản xuất trong nước).

Sự khác biệt giữa các biện pháp này được thể hiện ở bảng dưới sau:

Bảng 1: Phân biệt ba biện pháp PVTM

Tiêu chí	CBPG	Chống trợ cấp	Tự vệ
Bản chất	Ứng phó với hành vi không lành mạnh (doanh nghiệp bán phá giá)	Ứng phó với hành vi không lành mạnh (trợ cấp của Chính phủ)	Ứng phó với hành vi lành mạnh (nhưng lượng nhập khẩu tăng đột biến)
Điều kiện áp dụng	- Hàng nhập khẩu bị bán phá giá - Ngành sản xuất trong nước bị thiệt hại đáng kể - Có mối quan hệ nhân quả giữa hàng nhập khẩu bán phá giá và thiệt hại	- Hàng nhập khẩu được trợ cấp - Ngành sản xuất trong nước bị thiệt hại đáng kể - Có mối quan hệ nhân quả giữa hàng nhập khẩu được trợ cấp và thiệt hại	- Lượng hàng nhập khẩu gia tăng đột biến - Ngành sản xuất trong nước bị thiệt hại nghiêm trọng - Có mối quan hệ nhân quả giữa việc hàng nhập khẩu gia tăng đột biến và thiệt hại
Biện pháp áp dụng	- Áp thuế - Cam kết về giá của nhà xuất khẩu nước ngoài	- Áp thuế - Cam kết ngừng trợ cấp của Chính phủ nước xuất khẩu	- Áp thuế - Hạn ngạch - Hạn ngạch thuế quan - Các biện pháp khác

Tiêu chí	CBPG	Chống trợ cấp	Tự vệ
Mức độ áp dụng	Không vượt quá biên độ phá giá	Không vượt quá biên độ trợ cấp	Không quy định
Thời gian áp dụng	5 năm và được gia hạn nhiều lần	5 năm và được gia hạn nhiều lần	4 năm và được gia hạn (tối đa 8 năm cho thành viên WTO thông thường và 10 năm cho thành viên WTO đang phát triển)
Nước bị áp dụng	Nước bị điều tra	Nước bị điều tra	Toàn cầu

Nguồn: Bộ Công Thương

Đây là 03 biện pháp được pháp luật quốc tế coi là ngoại lệ của cam kết mở cửa thị trường. Theo đó, dưới những điều kiện nhất định, nước nhập khẩu tiến hành điều tra và có thể ban hành các quyết định áp dụng biện pháp PVTM phù hợp nhằm bảo vệ ngành sản xuất trong nước trước sự gia tăng hàng hóa nhập khẩu (biện pháp tự vệ) hoặc các hành vi cạnh tranh không lành mạnh của hàng hóa nhập khẩu (biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp).

Như vậy, PVTM là các biện pháp hỗ trợ các ngành sản xuất, các doanh nghiệp trong quá trình hội nhập, được phép sử dụng có thời hạn nhằm thiết lập môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa hàng hóa nhập khẩu và hàng hóa sản xuất trong nước. Tuy nhiên, để tránh việc các nước lạm dụng các biện pháp PVTM nhằm bảo hộ quá mức các ngành sản

xuất trong nước, WTO và các FTA đưa ra các quy định khá chặt chẽ đối với việc điều tra, áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại. Cụ thể, việc điều tra biện pháp PVTM phải dựa trên hồ sơ đề nghị của đại diện ngành sản xuất trong nước (không phải của từng doanh nghiệp cụ thể), cơ quan điều tra phải thực hiện điều tra và chứng minh được: (i) hành vi phá giá, trợ cấp hoặc hàng hóa nhập khẩu gia tăng đột biến; (ii) ngành sản xuất trong nước bị thiệt hại nghiêm trọng; và (iii) hàng nhập khẩu cạnh tranh không lành mạnh là nguyên nhân chính gây thiệt hại cho sản xuất trong nước. Ngoài ra, nếu áp dụng biện pháp tự vệ thì còn có khả năng bị các nước yêu cầu bồi thường, đền bù hoặc trả đũa do đây là hành vi hạn chế nhập khẩu trong điều kiện thương mại lành mạnh và do đó đi ngược lại các nguyên tắc tự do hóa thương mại.

2. Khuôn khổ pháp luật về phòng vệ thương mại

2.1. Pháp luật quốc tế

Để tạo ra khuôn khổ cho các thành viên WTO trong việc sử dụng các công cụ trên, WTO đã ban hành 03 Hiệp định thể chế hóa 3 biện pháp phòng vệ thương mại, cụ thể như sau:

- Hiệp định thực thi Điều VI Hiệp định GATT 1994 hay còn gọi là Hiệp định chống bán phá giá (ADA)¹;

- Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng hay còn gọi là Hiệp định chống trợ cấp (SCM)²;

- Hiệp định tự vệ (SG)³.

Các Hiệp định này quy định các nguyên tắc thống nhất bắt buộc đối với tất cả các nước thành viên khi xây dựng pháp luật và thực thi pháp luật về phòng vệ thương mại.

2.1. Pháp luật Việt Nam

Hệ thống pháp luật PVTM Việt Nam hiện nay được xây dựng tương đối hoàn chỉnh với trụ cột chính là 03 văn bản sau:

- Luật số 05/2017/QH14 về Quản lý ngoại thương (Luật Quản lý ngoại

thương 2017), trong đó, Chương IV (33 Điều từ Điều 67 đến Điều 99) quy định các nội dung chính liên quan đến điều tra, áp dụng, xử lý các vụ việc PVTM. Luật Quản lý ngoại thương đã quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều tra do Chính phủ thành lập thuộc cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương⁴;

- Nghị định số 10/2018/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 15 tháng 01 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại (Nghị định 10/2018/NĐ-CP) với 96 điều quy định về căn cứ tiến hành, trình tự, thủ tục, thời hạn, nội dung, căn cứ chấm dứt điều tra vụ việc PVTM; cách xác định thiệt hại của ngành sản xuất trong nước; chống lẫn tránh biện pháp PVTM; áp dụng, rà soát biện pháp PVTM; trách nhiệm phối hợp của các cơ quan liên quan trong quá trình điều tra; miễn trừ áp dụng biện pháp PVTM; xử lý biện pháp PVTM áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam⁵;

- Thông tư 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại⁶.

¹ https://www.wto.org/english/docs_e/legal_e/19-adp_01_e.htm

² https://www.wto.org/english/docs_e/legal_e/24-scm_01_e.htm

³ https://www.wto.org/english/docs_e/legal_e/25-safeg_e.htm

⁴ <http://www.pvtm.gov.vn/default.aspx?page=legal&do=detail&id=28db08ce-20a2-4292-a5ce-d3e57277283c>

⁵ <http://www.pvtm.gov.vn/default.aspx?page=legal&do=detail&id=f13ddca5-1135-4a9c-8edd-3c5c3e23a896>

⁶ <http://www.pvtm.gov.vn/default.aspx?page=legal&do=detail&id=2731d742-0317-4267-b2e6-0f8c24ffa71b>

Bên cạnh đó, để thực thi Hiệp định CPTPP, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 19/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2019 về áp dụng biện pháp tự vệ đặc biệt để thực thi CPTPP⁷.

3. Các biện pháp phòng vệ thương mại

3.1. Biện pháp chống bán phá giá

Một biện pháp chống bán phá giá sẽ khởi đầu bằng việc cơ quan có thẩm quyền tiến hành khởi xướng điều tra chống bán phá giá, trả lời cho 03 câu hỏi:

- Hàng hóa bị điều tra có bán phá giá hay không?

- Ngành sản xuất trong nước có bị thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa bị thiệt hại đáng kể hay không?

- Có mối quan hệ giữa hàng hóa bán phá giá và thiệt hại/đe dọa thiệt hại của ngành sản xuất trong nước hay không.

Xoay quanh các nội dung này, chúng ta cần quan tâm tìm hiểu một số khái niệm như sau:

1

Hàng hóa bán phá giá và biên độ bán phá giá

- Hàng hóa được xác định là bán phá giá khi hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam với giá xuất khẩu thấp hơn giá thông thường.
- Biên độ bán phá giá là mức chênh lệch tính được giữa giá xuất khẩu và giá thông thường
- Việc xác định hàng hóa bán phá giá và biên độ bán phá giá bao gồm: xác định giá thông thường, xác định giá xuất khẩu, so sánh giữa giá thông thường và giá xuất khẩu ở cùng cấp độ thương mại.

2

Giá thông thường

- Giá thông thường là:
 - Giá có thể so sánh được của hàng hóa tương tự hàng hóa bị điều tra chống bán phá giá được bán tại nước xuất khẩu hoặc tại nước thứ ba trong các điều kiện thương mại thông thường; hoặc
 - Mức giá mà cơ quan điều tra xác định bằng phương pháp tự tính toán.
 - Việc lựa chọn phương pháp xác định giá thông thường sẽ dựa trên:
- ⇒ Lượng bán hàng hóa tương tự tại nước xuất khẩu: Nếu lượng hàng hóa này quá thấp, số liệu về giá của hàng hóa tương tự sẽ không được sử dụng để xác định giá thông thường của hàng hóa bị điều tra.
- ⇒ Xem xét áp dụng quy định về kinh tế phi thị trường hoặc tình hình thị trường đặc biệt khi xác định giá thông thường của hàng hóa bị điều tra

⁷ <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/14206-thong-tu-so-192019tt-bct-quy-dinh-ve-ap-dung-cac-bien-phap-tu-ve-dac-biet-de-thuc-thi-hiep-dinh-cptpp>

3

Giá xuất khẩu

- Giá xuất khẩu là giá của hàng hóa bị điều tra được bán sang nước nhập khẩu. Mức giá này trong quá trình điều tra sẽ được tính toán về mức so sánh công bằng với giá thông thường được áp dụng.

4

Thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước

- Thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước là tình trạng suy giảm đáng kể hoặc kìm hãm tăng trưởng hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành sản xuất trong nước.

5

Đe dọa gây thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước

- Là khả năng trước mắt và chứng minh được về nguy cơ gây thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước.

6

Ngăn cản sự hình thành của ngành sản xuất trong nước

- Là tình trạng dẫn đến khó khăn cho việc hình thành hoặc phát triển một ngành sản xuất trong nước.

7

Quy định về lượng nhập khẩu không đáng kể

- Trong trường hợp hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ một nước có khối lượng hoặc số lượng không vượt quá 3% tổng khối lượng hoặc số lượng hàng hóa nhập khẩu vào nước điều tra và tổng số lượng hoặc khối lượng hàng hóa đáp ứng điều kiện trên không vượt quá 7% tổng khối lượng hoặc số lượng hàng nhập khẩu thì các nước này sẽ được loại khỏi phạm vi áp dụng biện pháp chống bán phá giá.

8

Quy định về biên độ bán phá giá không đáng kể

- Không áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với hàng hóa nhập khẩu có biên độ bán phá giá không vượt quá 2% giá xuất khẩu hàng hóa.

3.2. Biện pháp chống trợ cấp

Tương tự biện pháp chống bán phá giá, một biện pháp chống trợ cấp sẽ khởi đầu bằng việc cơ quan có thẩm quyền tiến hành khởi xướng điều tra chống trợ cấp, trả lời cho 03 câu hỏi:

- Hàng hóa nhập khẩu bị điều tra có được hưởng lợi từ các chương trình trợ cấp bị cấm/có thể bị đối kháng có tính riêng biệt của Chính phủ/tổ chức công hay không?

- Ngành sản xuất trong nước có bị thiệt hại hoặc đe dọa bị thiệt hại đáng kể hay không?

- Có mối quan hệ nhân quả giữa hàng hóa nhập khẩu bị điều tra chống trợ cấp với thiệt hại của ngành sản xuất trong nước hay không.

Với các nội dung này, doanh nghiệp cần nắm rõ một số khái niệm như sau:

1

Trợ cấp

- Trợ cấp là sự đóng góp của Chính phủ hoặc bất kỳ tổ chức công nào ở quốc gia có hàng hóa nhập khẩu vào thị trường nước điều tra dưới các hình thức đem lại lợi ích cho tổ chức, cá nhân nhận trợ cấp.
- Đối tượng của vụ việc điều tra chống trợ cấp là hàng hóa nhập khẩu được hưởng các trợ cấp bị cấm / trợ cấp có thể đối kháng.
- Trợ cấp bị cấm:
 - ⇒ Trợ cấp xuất khẩu
 - ⇒ Trợ cấp ưu tiên sử dụng hàng hóa sản xuất trong nước hơn hàng hóa nhập khẩu
- Trợ cấp có thể đối kháng: bao gồm các trợ cấp bị cấm và các trợ cấp có đặc điểm sau:
 - ⇒ Có sự đóng góp tài chính của Chính phủ hoặc cơ quan công
 - ⇒ Có mang lại lợi ích cho doanh nghiệp
 - ⇒ Có yếu tố riêng biệt cho một số doanh nghiệp, một nhóm hoặc một ngành, một khu vực cụ thể.

2

Mức trợ cấp không đáng kể

- Biện pháp chống trợ cấp sẽ không được áp dụng đối với nhà sản xuất xuất khẩu ở các nước có mức trợ cấp không đáng kể, mức không đáng kể đối với từng nhóm nước như sau:
 - ⇒ nước phát triển: 01%
 - ⇒ nước đang phát triển: 02%
 - ⇒ nước kém phát triển: 03%

3

Thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước

- Thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước là tình trạng suy giảm đáng kể hoặc kìm hãm tăng trưởng hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành sản xuất trong nước.

4

Đe dọa gây thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước

- Là khả năng trước mắt và chứng minh được về nguy cơ gây thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước.

5

Lượng nhập khẩu không đáng kể

- Không áp dụng biện pháp chống trợ cấp đối với hàng hóa xuất xứ từ nước đang phát triển nếu:
 - ⇒ lượng nhập khẩu không vượt quá 4%
 - ⇒ Tổng lượng nhập khẩu từ các nước đủ điều kiện không vượt quá 9%.

3.3. Biện pháp tự vệ

3.3.1. Biện pháp tự vệ toàn cầu

Tương tự hai biện pháp trên, biện pháp tự vệ được bắt đầu khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành khởi xướng điều tra vụ việc tự vệ, trả lời cho 03 câu hỏi:

- Có lượng gia tăng hàng hóa nhập khẩu hay không (gia tăng tuyệt đối và gia tăng tương đối)?
- Có thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước không?
- Có mối quan hệ giữa hàng hóa nhập khẩu và thiệt hại của ngành sản xuất trong nước không?

Với các vụ việc điều tra tự vệ toàn cầu, doanh nghiệp cần nắm rõ một số khái niệm:

1

Thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước

- Thiệt hại này phải rõ ràng và lớn hơn so với thiệt hại đáng kể trong vụ việc chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp
- Là tình trạng suy giảm tổng thể hoạt động sản xuất, kinh doanh của ngành sản xuất trong nước.

2

Đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước

- Là khả năng trước mắt, rõ ràng và chứng minh được về nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước.

3

Quy định về lượng nhập khẩu không đáng kể đối với nước đang phát triển

- Không áp dụng biện pháp tự vệ đối với hàng hóa xuất khẩu từ nước đang phát triển nếu khối lượng hoặc số lượng hàng hóa nhập khẩu không vượt quá 3% tổng số lượng hoặc số lượng hàng hóa nhập khẩu và tổng khối lượng hoặc số lượng hàng hóa có khối lượng hoặc số lượng nhập khẩu đủ điều kiện không vượt quá 9% tổng khối lượng hoặc số lượng hàng nhập khẩu.

4

Quy định về bồi thường

- Do biện pháp tự vệ là biện pháp được áp dụng trong điều kiện thương mại cạnh tranh công bằng (không có vi phạm pháp luật thương mại quốc tế), nước xuất khẩu có doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi biện pháp tự vệ có quyền bảo lưu quyền được bồi thường. Việc bồi thường và mức độ bồi thường được xác định trên cơ sở tham vấn giữa các bên liên quan.

3.3.2. Biện pháp tự vệ đặc biệt

Bên cạnh biện pháp tự vệ toàn cầu được WTO đưa ra để áp dụng cho tất cả các nguồn nhập khẩu, việc các nước tăng cường đàm phán, ký kết các hiệp định thương mại tự do (FTA) đã làm nảy sinh một số vấn đề về sự mất cân đối trong năng lực cạnh tranh nhưng chỉ trong nội bộ các nước tham gia FTA chứ không từ các nguồn nhập khẩu bên ngoài. Chính vì vậy, nhiều FTA đã đưa ra các quy định về biện pháp tự vệ đặc biệt để xử lý vấn đề này. Một số FTA gọi đó là "biện pháp tự vệ chuyển tiếp", "biện pháp tự vệ song phương", "biện pháp tự vệ riêng", "biện pháp tự vệ đặc biệt" hoặc "biện pháp tự vệ theo Hiệp định". So với biện pháp tự vệ toàn cầu, biện pháp tự vệ đặc biệt yêu cầu doanh nghiệp nắm rõ một số khái niệm như sau:

1

Thời gian chuyển tiếp

- Là khoảng thời gian tính từ khi Hiệp định có hiệu lực đến một thời điểm cam kết mà các nước thành viên Hiệp định được áp dụng biện pháp tự vệ đặc biệt.

2

Áp dụng biện pháp tự vệ đặc biệt

- Hầu hết các Hiệp định đều quy định biện pháp tự vệ đặc biệt áp dụng dưới dạng thuế nhập khẩu bổ sung hoặc tạm dừng giảm thuế.
- Biện pháp tự vệ đặc biệt không được áp dụng cùng lúc với biện pháp tự vệ toàn cầu.

3

Điều kiện áp dụng biện pháp tự vệ đặc biệt

- Có sự gia tăng nhập khẩu hàng hóa từ các nước đối tác thành viên FTA;
- Có thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước;
- Có mối quan hệ nhân quả giữa sự gia tăng nhập khẩu hàng hóa từ các nước đối tác thành viên FTA và thiệt hại của ngành sản xuất trong nước.

3.4. Chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại

Chống lẫn tránh biện pháp PVTM về cơ bản không phải là một biện pháp phòng vệ thương mại nguyên gốc mà là một biện pháp phòng vệ thương mại phái sinh từ biện pháp ban đầu (hoặc có thể coi là việc mở rộng phạm vi áp dụng của biện pháp ban đầu). Khi một nước bị áp dụng biện pháp PVTM, các doanh nghiệp nước này có xu thế tìm cách tiếp tục xuất khẩu hàng hóa sang nước áp dụng biện pháp đó (thường là những thị trường xuất khẩu lớn, chủ đạo), từ đó nảy sinh các hành vi lẫn tránh thuế PVTM, đặc biệt là gian lận xuất xứ, chuyển tải qua nước thứ ba, dịch chuyển đầu tư. Hầu hết các cuộc điều tra lẫn tránh biện pháp PVTM là liên quan đến các biện pháp CBPG và CTC. Trong trường hợp phát hiện hành vi gian lận, nước áp dụng biện pháp PVTM có xu hướng điều tra lẫn tránh biện pháp PVTM để mở rộng áp dụng phạm vi áp dụng cho hàng hóa tương tự của quốc gia mà tại đó hành vi gian lận xảy ra, gây ảnh hưởng tới các doanh nghiệp xuất khẩu chân chính.

Cho đến nay, nội dung về quy định về điều tra chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại chưa được đưa các Hiệp định quốc tế thuộc khuôn khổ WTO. Tuy nhiên, đã rất nhiều phiên họp do WTO đưa ra nhằm thảo luận về nội dung này. Trong đó, các nước thậm chí đã xây dựng Dự thảo Điều 9 bis của Hiệp định ADA quy định một số điều khoản về điều kiện xác định hành vi lẫn tránh biện pháp CBPG/CTC:

- + Sau khi khởi xướng cuộc điều tra áp dụng biện pháp CBPG hiện tại, lượng nhập khẩu sản phẩm từ các quốc gia chịu thuế đã bị thay thế (thay thế một phần hoặc thay thế tất cả).

- + Nguyên nhân chính của thay đổi này là do thuế CBPG đang có hiệu lực chứ không phải một yếu tố thương mại hay kinh tế nào khác không liên quan đến thuế này.

- + Lượng nhập khẩu thay thế hàng nhập khẩu thuộc đối tượng áp thuế làm giảm hiệu quả phòng vệ thương mại của thuế này.

Dự kiến Điều 9bis Hiệp định ADA xác định 3 loại lẫn tránh thuế:

- + Nhập khẩu từ những nước chịu thuế chống bán phá giá những bộ phận hoặc

dạng chưa hoàn thiện của một sản phẩm để lắp ráp hoặc hoàn thiện sản phẩm thuộc đối tượng áp thuế.

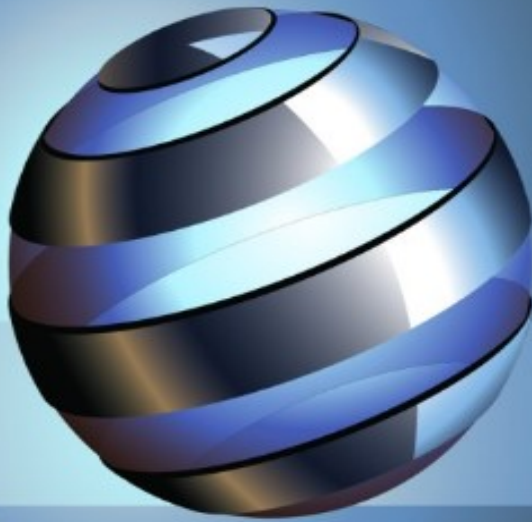
- + Hàng hóa nhập khẩu tương tự như sản phẩm thuộc đối tượng chịu thuế và được lắp ráp, hoàn thiện ở nước thứ 3 từ các bộ phận hoặc dạng không hoàn thiện của một sản phẩm nhập khẩu từ nước chịu thuế CBPG hiện tại.

- + Nhập khẩu hàng hóa được điều chỉnh nhỏ từ nước là đối tượng áp thuế CBPG hiện tại.

Tuy nhiên, dự thảo không nhận được sự đồng thuận của tất cả các Thành viên WTO, đặc biệt là những nền kinh tế mới nổi hướng về xuất khẩu như Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan... Do thiếu khung pháp lý quốc tế đồng nhất, một số thành viên WTO đã tự ban hành và thực thi các quy định về lẫn tránh thuế như Hoa Kỳ, EU, Brasil, Thổ Nhĩ Kỳ... Hiện nay, trong Luật Quản lý ngoại thương và các văn bản hướng dẫn thi hành của Việt Nam, nội dung về điều tra lẫn tránh biện pháp PVTM cũng đã bước đầu được quy định và triển khai trên thực tiễn.

Tính đến nay, trong khi Việt Nam mới khởi xướng 02 vụ việc điều tra chống lẫn tránh thuế tự vệ, kinh nghiệm điều tra

còn rất hạn chế hoặc gần như chưa có thì các nước đã điều tra 19 vụ việc điều tra chống lẩn tránh thuế CBPG/CTC với Việt Nam, trong đó EU: 6 vụ, Thổ Nhĩ Kỳ: 6 vụ, Hoa Kỳ: 6 vụ, Brazil: 02 vụ. Số lượng vụ việc điều tra chống lẩn tránh thuế CBPG/CTC trên thế giới cũng không hề nhỏ, thể hiện quan điểm bảo vệ ngành sản xuất trong nước của các thành viên WTO. Hoa Kỳ là thành viên tích cực tiến hành điều tra chống lẩn tránh biện pháp PVTM với khoảng 30 vụ điều tra chống lẩn tránh thuế CBPG/CTC đối với lệnh áp thuế dành cho Trung Quốc (20 vụ), Canada (1 vụ), Việt Nam (6 vụ), UAE (1 vụ), Đài Loan (1 vụ), Mexico (1 vụ) và nhóm nhiều nước cùng liên quan (2 vụ).



CHƯƠNG II

HIỆP ĐỊNH CPTPP VÀ NỘI DUNG PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

CHƯƠNG II

HIỆP ĐỊNH CPTPP VÀ NỘI DUNG PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

1. Khái quát về Hiệp định CPTPP

Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương gọi tắt là Hiệp định CPTPP, là một hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới, gồm 11 nước thành viên là: Ôt-xtrây-li-a (Úc), Bru-nây, Ca-na-đa, Chi-lê, Nhật Bản, Ma-lai-xi-a, Mê-hi-cô, Niu Di-lân, Pê-ru, Xinh-ga-po và Việt Nam. Hiệp định đã được ký kết ngày 08 tháng 3 năm 2018 tại thành phố San-ti-a-gô, Chi-lê, và chính thức có hiệu lực từ ngày 30 tháng 12 năm 2018 đối với nhóm 6 nước đầu tiên hoàn tất thủ tục phê chuẩn Hiệp định gồm Mê-hi-cô, Nhật Bản, Xinh-ga-po, Niu Di-lân, Ca-na-đa và Ôt-xtrây-li-a. Đối với Việt Nam, Hiệp định có hiệu lực từ ngày 14 tháng 01 năm 2019.

Hiệp định CPTPP gồm 07 Điều và 01 Phụ lục quy định về mối quan hệ với Hiệp định TPP đã được 12 nước gồm 11 nước kể trên và Hoa Kỳ ký ngày 06 tháng 2 năm 2016 tại Niu Di-lân; cũng như xử lý các vấn đề khác liên quan đến tính hiệu lực, rút khỏi hay gia nhập Hiệp định CPTPP.

Về cơ bản, Hiệp định CPTPP giữ nguyên nội dung của Hiệp định TPP (gồm 30 chương và 9 phụ lục) nhưng

cho phép các nước thành viên tạm hoãn 20 nhóm nghĩa vụ để bảo đảm sự cân bằng về quyền lợi và nghĩa vụ của các nước thành viên trong bối cảnh Hoa Kỳ rút khỏi Hiệp định TPP. 20 nhóm nghĩa vụ tạm hoãn này bao gồm 11 nghĩa vụ liên quan tới Chương Sở hữu trí tuệ, 2 nghĩa vụ liên quan đến Chương Mua sắm của Chính phủ và 7 nghĩa vụ còn lại liên quan tới 7 Chương là Quản lý hải quan và Tạo thuận lợi Thương mại, Đầu tư, Thương mại dịch vụ xuyên biên giới, Dịch vụ Tài chính, Viễn thông, Môi trường, Minh bạch hóa và Chống tham nhũng. Tuy nhiên, toàn bộ các cam kết về mở cửa thị trường trong Hiệp định TPP vẫn được giữ nguyên trong Hiệp định CPTPP.

Giá trị đóng góp vào GDP và thương mại toàn cầu của Hiệp định CPTPP tương ứng là 15% và 15%. Việc các nước, trong đó có các thị trường lớn như Nhật Bản và Ca-na-đa giảm thuế nhập khẩu về 0% cho hàng hóa của ta sẽ tạo ra những tác động tích cực trong việc thúc đẩy kim ngạch xuất khẩu. Theo đó, doanh nghiệp Việt Nam khi xuất khẩu hàng hóa sang thị trường các nước thành viên Hiệp định CPTPP sẽ được hưởng cam kết cắt giảm thuế quan rất ưu đãi.

Về cơ bản, các mặt hàng xuất khẩu có thế mạnh của ta như nông thủy sản, điện, điện tử đều được xóa bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Với mức độ cam kết như vậy, theo nghiên cứu chính thức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, xuất khẩu của Việt Nam có thể sẽ tăng thêm 4,04% đến năm 2035.

Việc có quan hệ FTA với các nước CPTPP sẽ giúp Việt Nam có cơ hội cơ cấu lại thị trường xuất nhập khẩu theo hướng cân bằng hơn. Theo một nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới được công bố vào tháng 3 năm 2018, dự báo đến năm 2030, xuất khẩu của Việt Nam sang các nước CPTPP sẽ tăng từ 54 tỷ đô-la Mỹ lên 80 tỷ đô-la Mỹ, chiếm 25% tổng lượng xuất khẩu.

Bên cạnh đó, các nước CPTPP chiếm 13,5% GDP toàn cầu với tổng kim ngạch thương mại hơn 10.000 tỷ USD, lại bao gồm các thị trường lớn như Nhật Bản, Ca-na-đa, Ôt-xtrây-li-a sẽ mở ra nhiều cơ hội khi chuỗi cung ứng mới hình thành. Tham gia CPTPP sẽ giúp xu hướng này phát triển ngày càng mạnh mẽ hơn, là điều kiện quan trọng để nâng tầm trình độ phát triển của nền kinh tế, tăng năng suất lao động, giảm dần việc gia công lắp ráp, tham gia vào các công đoạn sản xuất có giá trị gia tăng cao hơn, từ đó

bước sang giai đoạn phát triển các ngành điện tử, công nghệ cao, sản phẩm nông nghiệp xanh... Đây là cơ hội rất lớn để nâng tầm nền kinh tế Việt Nam trong 5 - 10 năm tới.

Các ngành dự kiến có mức tăng trưởng lớn sẽ là thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, dệt may, một số phân ngành sản xuất và dịch vụ. Trong đó, mức tăng trưởng lớn nhất là ở các ngành thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, dệt may, hóa chất, sản phẩm nhựa và đồ da, trang thiết bị vận tải, máy móc và các trang thiết bị khác. Theo nghiên cứu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, với các ngành công nghiệp nhẹ và thâm dụng lao động khác, CPTPP có thể tạo ra mức tăng trưởng bình quân từ 4% - 5% và mức tăng xuất khẩu có thể đạt từ 8,7% - 9,6%.

Với việc tham gia Hiệp định CPTPP, Việt Nam trở thành đối tác của 10 Thành viên: Úc, Brunei, Canada, Chile, Nhật, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru và Singapore. Trong số các nước này, ngoại trừ Brunei không nội luật hóa các quy định về PVTM cũng như không thành lập cơ quan chuyên trách điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, hầu hết các thành viên còn lại đã chủ động xây dựng các văn bản pháp luật nhằm thực thi các cam kết về phòng

vệ thương mại. Về mặt thực tiễn kinh nghiệm điều tra PVTM, trong nhóm các đối tác thành viên CPTPP, Úc, Canada nổi bật là hai quốc gia có số lượng lớn các vụ việc điều tra PVTM đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

Việc nghiên cứu, nắm rõ các quy định PVTM của các nước đóng vai trò quan trọng giúp cho các doanh nghiệp có liên quan có thể theo dõi cũng như hợp tác với cơ quan có thẩm quyền trong quá trình điều tra. Trong nội dung này, Cẩm nang sẽ giới thiệu sơ lược về hệ thống các văn bản pháp luật PVTM có liên quan của các nước cũng như dẫn chiếu một số quy định quan trọng nhằm hỗ trợ doanh nghiệp bước đầu tìm hiểu về các quy định PVTM của các thị trường CPTPP.

2. Quy định về PVTM trong Hiệp định CPTPP

Hiệp định CPTPP đưa ra các quy định về PVTM (chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ) trong Chương 6 - PVTM gồm 2 phần, 8 Điều khoản và một phụ lục khuyến nghị về thực tiễn điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại. Bên cạnh đó, tại Chương 4 – Sản phẩm dệt may, các nước Thành viên đã thống nhất về việc có thể áp dụng biện pháp khẩn cấp trong trường hợp cần thiết

với các điều kiện có nhiều điểm tương đồng với biện pháp tự vệ chuyển tiếp.

Do đó, các biện pháp PVTM được quy định tại Hiệp định CPTPP gồm có 5 biện pháp:

- Biện pháp tự vệ toàn cầu;
- Biện pháp tự vệ chuyển tiếp;
- Biện pháp chống bán phá giá;
- Biện pháp chống trợ cấp;
- Biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may.

Như vậy, so với 03 biện pháp PVTM cơ bản (tự vệ toàn cầu, chống bán phá giá và chống trợ cấp), các thành viên CPTPP đã đàm phán bổ sung 02 biện pháp phòng vệ thương mại. Trong đó, biện pháp tự vệ chuyển tiếp là biện pháp tự vệ áp dụng trong trường hợp cam kết của Hiệp định dẫn đến việc gia tăng hàng hóa nhập khẩu, gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước. Bên cạnh đó, trong Chương Dệt may (Chương 4) của Hiệp định, các thành viên có quy định về biện pháp khẩn cấp, áp dụng riêng với hàng dệt may. Biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may có nhiều điểm tương đồng với biện pháp tự vệ chuyển tiếp. Các điểm khác biệt giữa hai biện pháp này gồm có:

- Về thời gian chuyển tiếp của hai biện pháp: Biện pháp tự vệ chuyển tiếp được áp dụng trong thời gian chuyển tiếp là ba năm kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực, trừ trường hợp việc cắt giảm thuế hoặc giảm thuế hàng hóa diễn ra trong thời gian dài hơn, trong trường hợp đó giai đoạn chuyển tiếp sẽ là thời gian cắt giảm thuế theo giai đoạn đối với hàng hóa đó. Đối với biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may, thời gian chuyển tiếp dài hơn khá nhiều, thời gian chuyển tiếp được xác định là là giai đoạn bắt đầu từ khi Hiệp định có hiệu lực giữa các bên liên quan cho đến 05 năm sau ngày Bên nhập khẩu xóa bỏ thuế cho hàng hóa của Bên xuất khẩu theo Hiệp định này.

Về đối tượng áp dụng: biện pháp tự vệ chuyển tiếp áp dụng với tất cả các ngành hàng (bao gồm cả sản phẩm dệt may) còn biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may chỉ áp dụng riêng với hàng dệt may.

Bảng 2: Thông tin về các biện pháp PVTM trong Hiệp định CPTPP

Biện pháp tự vệ toàn cầu

- Quy định tại Điều 6.2 Hiệp định
- Bảo lưu quyền và nghĩa vụ của các thành viên theo Hiệp định tự vệ của WTO
- Không áp dụng đối với hàng hóa áp dụng hạn ngạch
- Không áp dụng hoặc duy trì áp dụng biện pháp tự vệ toàn cầu cùng với 1 hoặc các biện pháp sau: (1) biện pháp tự vệ chuyển tiếp, (2) biện pháp tự vệ theo Phụ lục B trong Biểu Phụ lục 2-D; và (3) biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may

Biện pháp tự vệ chuyển tiếp

- Quy định tại Điều 6.3 Hiệp định
- Là biện pháp tự vệ áp dụng trong giai đoạn chuyển tiếp.
- Giai đoạn chuyển tiếp: Liên quan tới một hàng hóa cụ thể, là thời gian **ba năm** kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực, trừ trường hợp việc cắt giảm thuế hoặc giảm thuế hàng hóa diễn ra trong thời gian dài hơn, trong trường hợp đó giai đoạn chuyển tiếp sẽ là thời gian cắt giảm thuế theo giai đoạn đối với hàng hóa đó.
- Các biện pháp tự vệ chuyển tiếp gồm có : (1) đình chỉ việc tiếp tục giảm bất kỳ thuế suất nào theo quy định của Hiệp định này đối với hàng hóa đó; hoặc tăng thuế suất đối với hàng hóa đó đến một mức không cao hơn mức thấp hơn trong các mức sau: (i) thuế suất theo nguyên tắc tối huệ quốc (MFN) có hiệu lực tại thời điểm áp dụng biện pháp này; và (ii) thuế suất theo nguyên tắc tối huệ quốc có hiệu lực vào ngày liên trước ngày Hiệp định này có hiệu lực cho Bên đó.

Biện pháp chống bán phá giá

- Quy định tại Điều 6.8 Hiệp định
- Nhấn mạnh nghĩa vụ của các bên tuân thủ theo quy định của các hiệp định liên quan trong khuôn khổ WTO

Biện pháp chống trợ cấp

- Quy định tại Điều 6.8 Hiệp định
- Nhấn mạnh nghĩa vụ của các bên tuân thủ theo quy định của các hiệp định liên quan trong khuôn khổ WTO

Biện pháp khẩn cấp đối với sản phẩm dệt may

- Điều 4.3
- Là biện pháp áp dụng trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hàng dệt may.
- Thời gian chuyển tiếp: là giai đoạn bắt đầu từ khi Hiệp định có hiệu lực giữa các bên liên quan cho đến 05 năm sau ngày Bên nhập khẩu xóa bỏ thuế cho hàng hóa của Bên xuất khẩu theo Hiệp định này.
- Biện pháp khẩn cấp: tăng thuế suất đối với hàng hóa đó đến một mức không cao hơn mức thấp hơn trong các mức sau: (i) thuế suất theo nguyên tắc tối huệ quốc (MFN) có hiệu lực tại thời điểm áp dụng biện pháp này; và (ii) thuế suất theo nguyên tắc tối huệ quốc có hiệu lực vào ngày liền trước ngày Hiệp định này có hiệu lực cho Bên đó.

3. Quy định về PVTM của các thành viên CPTPP

3.1. Pháp luật PVTM của Úc

3.1.1. Quy trình điều tra

Bảng 3: Danh mục các văn bản pháp luật PVTM Úc

Pháp luật chống bán phá giá, chống trợ cấp	Pháp luật về biện pháp tự vệ
- Đạo luật Hải quan 1901 (sửa đổi 1988, 1999, 2003, 2011, 2012, 2013)	Quy trình điều tra tự vệ 1998
Quy định Hải quan 1926 (sửa đổi năm 1998, 1999, 2003, 2004)	Đạo luật về Ủy ban năng suất 1998 (Productivity Commission Act)
Đạo luật Thuế quan (chống bán phá giá) 1975 (sửa đổi 1998, 1999, 2012, 2013)	
Hướng dẫn của Bộ trưởng về thiệt hại đáng kể trong điều tra chống bán phá giá (Phụ lục của Đạo luật Hải quan 1901)	
<i>Link tham khảo văn bản pháp luật:</i> https://www.industry.gov.au/regulations-and-standards/anti-dumping-and-countervailing-system https://www.dfat.gov.au/trade/organisations/wto/Pages/trade-remedies	

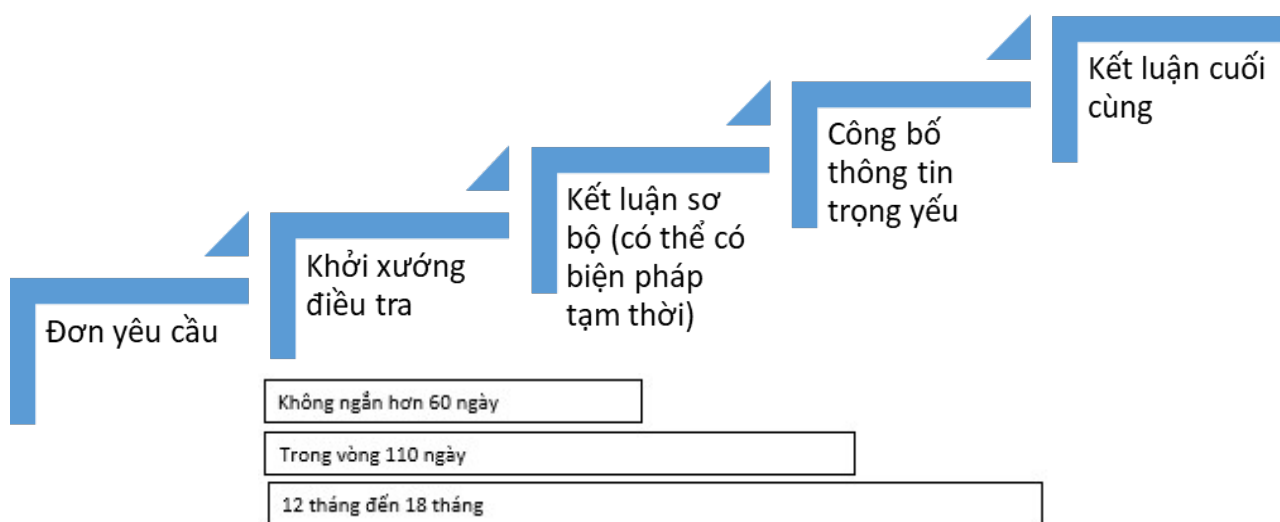
Úc là một thành viên CPTPP sớm xây dựng các văn bản hướng dẫn chi tiết việc điều tra, áp dụng các biện pháp PVTM trước cả khi các biện pháp này được đưa vào cam kết trong khuôn khổ WTO. Trong đó, Úc duy trì và hoàn thiện 03 văn bản hướng dẫn về điều tra áp dụng các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp và 02 văn bản hướng dẫn điều tra áp dụng biện pháp tự vệ. Cùng với đó, các khái niệm, hướng dẫn cụ thể về việc điều tra, áp dụng các biện pháp PVTM cũng được xây dựng thành cẩm nang hướng dẫn công khai, giúp cho doanh nghiệp cũng như các bên liên quan có thể dễ dàng theo tiến trình điều tra⁸.

Về quy trình điều tra, Úc đưa ra các quy định khung thời gian cơ bản và phù hợp với các cam kết tại WTO:

Vụ việc điều tra chống bán phá giá/chống trợ cấp

Để phục vụ cho hoạt động điều tra chống bán phá giá/chống trợ cấp, Úc đã xây dựng chi tiết và thống nhất về các nội dung liên quan đến thủ tục cũng như nội dung điều tra. Theo đó, trong cuộc điều tra của Úc, Cơ quan điều tra sẽ tuân thủ chặt chẽ các mốc thời gian liên quan đến Kết luận sơ bộ, công bố thông tin trọng yếu và kết luận cuối cùng.

Biểu đồ 1: Quy trình điều tra chống bán phá giá/chống trợ cấp của Úc



⁸ Link tài liệu cẩm nang của Úc hướng dẫn về điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp:

<https://www.industry.gov.au/data-and-publications/dumping-and-subsidy-manual>

Nội dung quy định pháp luật về điều tra chống bán phá giá chống trợ cấp có một số điểm đáng quan tâm như sau:

- Quy định về nền kinh tế phi thị trường: Úc có quy định về việc sử dụng phương pháp tính toán giá trị thông thường đối với hàng hóa xuất xứ từ các nước có nền kinh tế phi thị trường. Với các phương pháp này, biên độ bán phá giá được tính toán thường rất cao, gây bất lợi cho hàng hóa nhập khẩu. Năm 2008, Việt Nam đã được Úc công nhận nền kinh tế thị trường và sẽ không chịu ảnh hưởng bởi quy định này của Úc. Tuy nhiên, Úc vẫn có thể xem xét áp dụng việc tính toán riêng trong trường hợp xác định ngành hàng liên quan có tình hình thị trường đặc biệt (particular market economy) hoặc nền kinh tế chuyển đổi (economy in transition).

- Điều tra chống lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp: Úc đã sớm có quy định về điều tra chống lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp, gồm (1) Hàng lắp ráp hàng xuất khẩu vào Úc; (2) Hàng lắp ráp ở nước thứ ba; (3) Xuất khẩu hàng hóa qua một hoặc nhiều nước thứ ba; (4) Thỏa thuận giữa các nhà xuất khẩu; (5) Lẩn tránh tác động của các biện pháp; và (6) Sửa đổi hàng hóa.

- Điều tra lại: Căn cứ trên quy định về việc rà soát lại các quy định về biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp, các vụ việc điều tra có thể được tiến hành điều tra lại và quyết định của vụ việc điều tra lại sẽ thay thế cho quyết định ban đầu.

- Cho đến nay Úc đã tiến hành điều tra 37 vụ việc điều tra chống bán phá giá và 04 vụ việc điều tra chống trợ cấp. Thực tiễn cho thấy Úc rất thận trọng trong việc đưa ra quyết định áp dụng các biện pháp PVTM với 17 biện pháp chống bán phá giá và 02 biện pháp chống trợ cấp.

Vụ việc điều tra tự vệ

Pháp luật Úc không đưa ra một văn bản cụ thể về việc điều tra áp dụng biện pháp tự vệ. Thủ tục điều tra được ban hành dưới dạng một thông báo kèm theo Đạo luật về Ủy ban năng suất (Productivity act). Theo đó, trong vụ việc điều tra áp dụng biện pháp tự vệ cần đảm bảo:

- Về thủ tục điều tra: (1) Đảm bảo tổ chức tham vấn và các hình thức phù hợp để các bên liên quan cung cấp bằng chứng và lập luận; (2) Công khai các kết quả điều tra đảm bảo đúng luật và thực tiễn; và (3) Bảo mật các thông tin mật do các bên liên quan cung cấp.

- Về điều kiện áp dụng: (1) áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu vào Úc có lượng gia tăng (tương đối và tuyệt đối) gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước; (2) loại trừ áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu từ các nước đang phát triển với điều kiện về tỷ lệ nhập khẩu theo quy định.

- Biện pháp tự vệ được áp dụng: (1) Hạn ngạch; (2) Hạn ngạch thuế quan; và (3) Thuế bổ sung.

• Trên thực tiễn, mặc dù là một Thành viên tích cực sử dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, Úc lại không ưu tiên áp dụng biện pháp tự vệ. Cho đến nay, Úc chỉ mới điều tra áp dụng 04 vụ việc tự vệ. Vụ việc gần nhất mà Úc tiến hành điều tra được thực hiện từ năm 2013.

Biểu đồ 2: Quy trình điều tra tự vệ của Úc



3.1.2. Cơ quan có thẩm quyền điều tra

Thẩm quyền điều tra áp dụng biện pháp PVTM Úc được giao cho hai cơ quan:

- Ủy ban chống bán phá giá (Anti-dumping Commission)⁹: Đây là đơn vị trực thuộc Bộ Công nghiệp – Khoa học – Năng lượng và Nguồn lực của Úc. Ủy ban được giao nhiệm vụ điều tra áp dụng các biện pháp chống bán phá giá và/hoặc chống trợ cấp. Ủy ban chống bán phá giá chịu trách nhiệm tiến hành điều tra và đưa ra khuyến nghị để Bộ ban hành quyết định áp dụng biện pháp. Các quyết định của Bộ và Ủy ban về biện pháp chống bán phá giá sẽ được rà soát bởi Ban hội thẩm rà soát biện pháp chống bán phá giá nếu có yêu cầu của các bên liên quan trong vòng 30 ngày kể từ ngày ban hành quyết định có liên quan.

⁹ Trang điện tử : <https://www.industry.gov.au/regulations-and-standards/anti-dumping-and-countervailing-system>

Thông tin liên hệ của Ủy ban:

⇒ Email clientsupport@adcommission.gov.au

⇒ Phone 13 28 46 or +61 2 6213 6000

⇒ Fax +61 3 8539 2499

⇒ Địa chỉ hòm thư: GPO Box 2013, Canberra ACT 2600

- Ủy ban năng suất (Productivity Commission)¹⁰: Là đơn vị thuộc Chính phủ, chuyên trách điều tra, nghiên cứu và đánh giá về tình hình, thực trạng các ngành sản xuất. Ủy ban gồm có Chủ tịch và các ủy viên được phân công thực hiện các vụ việc cụ thể.

Thông tin liên hệ của Ủy ban:

⇒ Địa chỉ:

Level 8, Two Melbourne Quarter
697 Collins Street
Docklands Vic 3008, Australia

⇒ Địa chỉ thư tín:

Locked Bag 2, Collins St East
Melbourne Vic 8003, Australia

⇒ Điện thoại:

Telephone: (03) 9653 2100
Fax: (03) 9653 2199
Freecall: 1800 020 083

3.2. Pháp luật PVTM của Brunei

Cho đến nay, Brunei chưa xây dựng pháp luật PVTM cũng như thành lập cơ quan PVTM. Do đó, trong trường hợp Brunei khởi xướng điều tra PVTM, vụ việc sẽ được tiến hành dựa trên các cam kết của WTO với khung thời gian cơ bản.

- Điều tra tự vệ: 9 tháng – 12 tháng

- Điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp: 12 tháng – 18 tháng

¹⁰ Trang điện tử: <https://www.pc.gov.au/>

3.3. Pháp luật PVTM của Chile

3.3.1. Quy trình điều tra

Pháp luật PVTM của Chile gồm có Luật số 18.525 quy định về nhập khẩu hàng hóa và các văn bản hướng dẫn thi hành về chống bóp méo thị trường. Theo pháp luật của Chile, các biện pháp PVTM là các biện pháp nhằm chống lại sự bóp méo giá cả, ảnh hưởng đến cạnh tranh trên thị trường. Các quy định của Chile bám sát các cam kết WTO.

Bảng 4: Danh mục văn bản pháp luật PVTM Chile

STT	Tên văn bản
1	Quy định về hàng nhập khẩu 1995 (sửa đổi năm 1999)
2	Quy định về chống bóp méo 2012
Link tài liệu tham khảo: https://docs.wto.org/dol2fe/Pages/FE_Search/FE_S_S005.aspx	
Hoặc: https://www.cndp.cl/sitios_interes.asp?inferior=interior_mapasitio.asp	

Pháp luật PVTM của Chile chia 03 biện pháp PVTM thành 02 thủ tục điều tra:

- Thủ tục điều tra áp dụng biện pháp tự vệ toàn cầu:

+ Căn cứ tiến hành điều tra dựa trên đơn yêu cầu của đại diện ngành sản xuất trong nước.

+ Nội dung điều tra, thời gian điều tra, tham vấn, bảo mật thông tin là các quy định mà Chile tuân thủ chặt chẽ cam kết theo các Hiệp định WTO.

+ Quyết định về việc áp dụng biện pháp sẽ dựa trên kết quả bỏ phiếu của Ủy ban theo nguyên tắc đa số.

- Thủ tục điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp

+ Căn cứ tiến hành điều tra dựa trên đơn yêu cầu của đại diện ngành sản xuất trong nước

+ Các quy định về thủ tục điều tra, nội dung điều tra tuân thủ chặt chẽ các cam kết theo các Hiệp định WTO.

+ Chile có quy định về tình hình thị trường đặc biệt nhưng không có nội dung áp

dụng chi tiết.

+ Quyết định áp dụng biện pháp cũng được dựa trên kết quả bỏ phiếu của Ủy ban theo nguyên tắc đa số.

Về cơ bản, pháp luật PVTM quy định gần như nguyên văn các nội dung cam kết theo WTO, do đó, một số nội dung về mặt pháp lý như quy định về tình hình thị trường đặc biệt chưa được làm rõ và phụ thuộc vào các phán quyết của cơ quan điều tra.

3.3.2. Cơ quan có thẩm quyền điều tra

Cơ quan điều tra của Chile được thành lập dưới dạng một Ủy ban quốc gia, gồm đại diện của nhiều đơn vị Bộ ngành (Tổng Thanh tra Kinh tế, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp, Bộ Ngoại Giao, Ngân hàng nhà nước, Bộ phát triển du lịch và cả Cơ quan Hải quan)¹¹. Chủ tịch của Ủy ban này là Lãnh đạo của Tổng Thanh tra Kinh tế. Thư ký của Ủy ban do đại diện Bộ Ngoại giao đảm nhiệm.

Ủy ban quốc gia của Chile chịu trách nhiệm tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp lập hồ sơ yêu cầu và tiến hành các bước điều tra áp dụng biện pháp PVTM theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ của Ủy ban quốc gia:

Tên tiếng Tây Ban Nha: Comisión Nacional encargada de investigar la existencia de distorsiones en el precio de las mercaderías importadas Morandé

Địa chỉ: 115, 1^o piso Santiago

Tel.: +56 2 2670 2564

Fax: +56 2 2670 2419

E-mail: sectec@bcentral.cl

Trang điện tử:

https://www.cndp.cl/sitios_interes.asp?inferior=interior_mapasitio.asp

¹¹ Văn bản thông báo WTO số G/ADP/N/1/CHL/2/Suppl.1 G/SCM/N/1/CHL/2/Suppl.1 G/SG/N/1/CHL/2/Suppl.2

3.4. Pháp luật PVTM của Nhật Bản

3.4.1. Quy trình điều tra

Đối với lĩnh vực phòng vệ thương mại, Nhật Bản đã quy định tại Điều 8 Luật Thuế quan, Pháp lệnh và hướng dẫn về biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp và biện pháp khẩn cấp (biện pháp Tự vệ).

Bảng 5: Danh mục văn bản pháp luật PVTM Nhật Bản

STT	Tên văn bản
1	Luật Thuế quan – 1910
2	Quy định về biện pháp chống bán phá giá và biện pháp chống trợ cấp số 416 – 1994
3	Hướng dẫn về quy trình điều tra các biện pháp PVTM -1997 (sửa đổi, bổ sung vào các năm 2016, 2019)
4	Quy định về biện pháp khẩn cấp số 110 – 2009 ¹²
Link tài liệu tham khảo: Results list (wto.org)	
Hoặc: Relevant laws and regulations : Japan Customs	

Các quy định và hướng dẫn của Nhật Bản rất rõ ràng và tuân thủ chặt chẽ cam kết của WTO. Ngoài ra, trong văn bản hướng dẫn về thủ tục quy trình điều tra, Nhật Bản có những quy định rất chặt chẽ liên quan đến:

- Tỷ lệ đa số của đại diện ngành sản xuất trong nước có quyền nộp đơn yêu cầu điều tra áp dụng các biện pháp PVTM (trên 50% sản lượng sản xuất trong nước, quy định này chặt hơn so với quy định của WTO);
- Doanh nghiệp nắm quyền kiểm soát doanh nghiệp khác khi xem xét vấn đề doanh nghiệp liên kết;
- Mô tả chi tiết các yêu cầu về chứng minh các điều kiện áp dụng biện pháp trong hồ sơ yêu cầu.
- Xác định ngành sản xuất trong nước.
- Hướng dẫn chi tiết về cách thức yêu cầu tham vấn, bao gồm cả đơn vị phụ trách tham vấn.

¹² Cabinet Order on Emergency Duty, etc. (kanzei.or.jp)

- Hướng dẫn chi tiết về các nội dung thẩm định hồ sơ yêu cầu áp dụng các biện pháp PVTM.

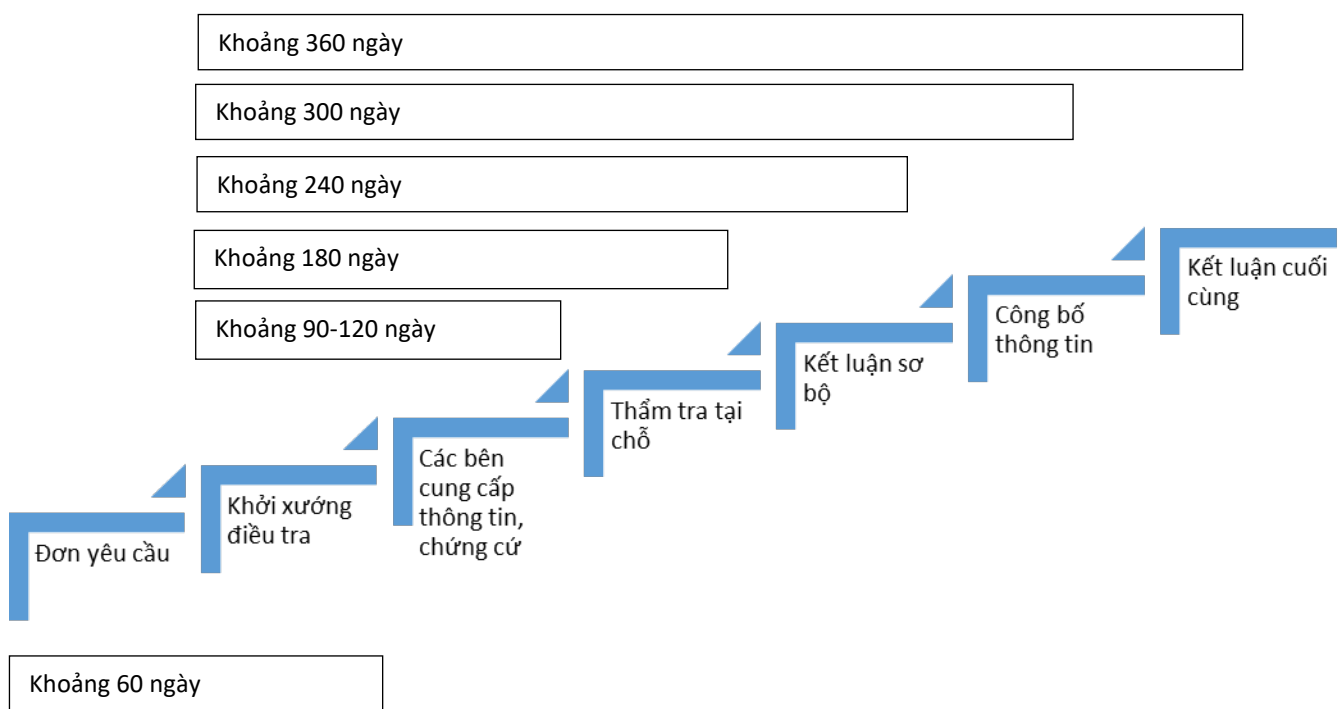
- Hướng dẫn về nội dung điều tra, thời gian điều tra, vấn đề chấm dứt điều tra đều rất chi tiết như một bản cẩm nang điều tra vụ việc.

- Đặc biệt, với quy trình điều tra chống trợ cấp, Nhật Bản quy định chi tiết việc xác định và tính toán mức trợ cấp đối với từng dạng chương trình cụ thể.

Như vậy, Nhật Bản có khung thời gian cụ thể cho từng bước điều tra các vụ việc chống bán phá giá và chống trợ cấp. Thời gian điều tra kéo dài trong vòng 1 năm với các hoạt động điều tra thông qua thông tin được cung cấp và hoạt động điều tra tại chỗ. Các hoạt động điều tra gồm có:

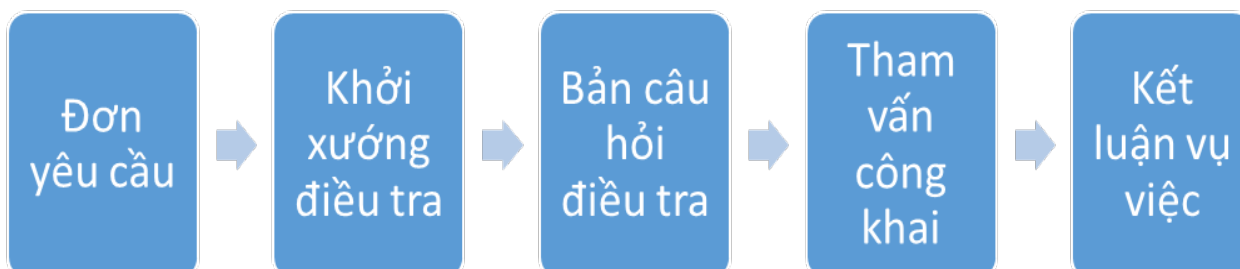
- Khởi xướng điều tra;
- Tổng hợp thông tin do các bên cung cấp;
- Thẩm tra tại chỗ;
- Kết luận sơ bộ;
- Công bố thông tin trọng yếu;
- Kết luận cuối cùng.

Biểu đồ 3: Quy trình điều tra chống bán phá giá/chống trợ cấp của Nhật Bản



Đối với vụ việc điều tra biện pháp tự vệ (Nhật Bản gọi là biện pháp khẩn cấp), quy trình điều tra được cân đối gồm các bước như sau:

Biểu đồ 4: Quy trình điều tra vụ việc tự vệ của Nhật Bản



Hiện nay, trong cẩm nang và các quy định pháp luật của Nhật Bản không đưa ra các mốc thời gian cụ thể như đối với các vụ việc điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp. Do đó, thời gian điều tra của một vụ việc tự vệ của Nhật Bản sẽ tuân thủ theo pháp luật WTO (kéo dài không quá 01 năm).

Về mặt thực tiễn, Nhật Bản cũng không phải là một quốc gia tích cực sử dụng biện pháp tự vệ để bảo vệ ngành sản xuất trong nước (khởi xướng 01 vụ việc và áp dụng 0 vụ việc), có thể đây là lý do Nhật Bản chưa xây dựng khung thời gian chi tiết với các vụ việc điều tra này. Do đó, các bước điều tra sẽ được linh hoạt và đảm bảo tổng thời gian điều tra theo cam kết WTO.

3.4.2. Cơ quan có thẩm quyền điều tra

Việc điều tra các vụ việc PVTM của Nhật Bản được thực hiện do các nhóm điều tra (bao gồm Bộ Tài Chính, Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp và các đơn vị Bộ ngành quản lý khác có liên quan). Trong đó, Bộ Tài Chính và Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp đóng vai trò cơ quan đầu mối. Đơn vị đầu mối cụ thể như sau:

- Phòng chính sách và pháp luật thuế của Tổng Cục Thuế - Bộ Tài chính

Địa chỉ: Tariff Policy and Legal Division of the Customs and Tariff Bureau, Ministry of Finance 3-1-1 Kasumigaseki, Chiyoda-ku, Tokyo, 100-8940 Japan

Điện thoại: +81-3-3581-4786

Số fax: +81-3-5251-2173

Email: anti.dumping@mof.go.jp

- Phòng điều tra PVTM – Cục hợp tác kinh tế thương mại – Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp

Địa chỉ: Office for Trade Remedy Investigations of the Trade Control Department of the Trade and Economic Cooperation Bureau, Ministry of Economy, Trade and Industry 1-3-1 Kasumigaseki, Chiyoda-ku, Tokyo, 100-8901 Japan

Điện thoại: +81-3-3501-3462

Số Fax: +81-3-3501-0992

Email: qqfcbk@meti.go.jp

Về cơ chế làm việc, nhóm điều tra sẽ được thành lập sau khi vụ việc được khởi xướng điều tra và kết luận điều tra của nhóm sẽ là căn cứ để ban hành các Quyết định áp dụng biện pháp tạm thời và chính thức. Các Quyết định này sẽ do Bộ Tài chính ban hành.

3.5. Pháp luật PVTM của Canada

3.5.1. Quy trình điều tra

Bảng 6: Danh mục văn bản pháp luật PVTM Canada

STT	Tên văn bản
1	Đạo luật về các biện pháp nhập khẩu đặc biệt
2	Đạo luật Tòa án Quốc tế Canada
3	Quy định về các biện pháp nhập khẩu đặc biệt
4	Các quy định miễn áp dụng các biện pháp chống bán phá giá đối với hàng hóa của Chile
5	Quy tắc của Tòa án Thương mại Quốc tế Canada
Link tài liệu: https://docs.wto.org/dol2fe/Pages/FE_Search/FE_S_S006.aspx?Query=%40Symbol%3d+g%2fadt%2fn%2f*+and++%40Symbol%3d+can&Language=ENGLISH&Context=FomerScriptedSearch&languageUIChanged=true	

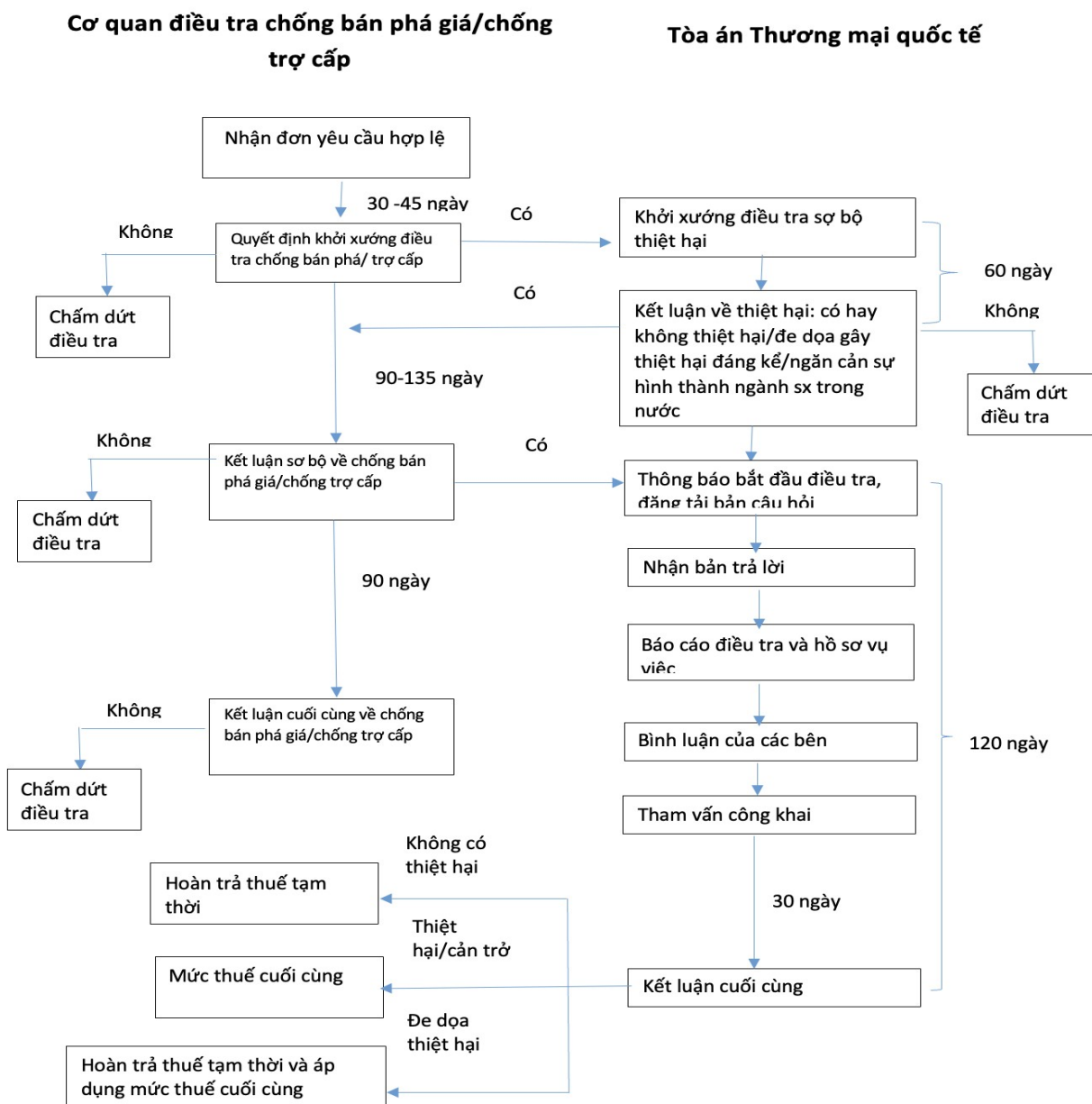
Trong số các văn bản được liệt kê trong bảng trên, Đạo luật về các biện pháp nhập khẩu đặc biệt là văn bản quan trọng nhất, được ban hành vào năm 2004, sửa đổi vào năm 2016, 2017 và năm 2019. Gần đây nhất, năm 2020, Canada đã ban hành bổ sung một số quy định liên quan đến các biện pháp nhập khẩu đặc biệt áp dụng trong thời kỳ nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19. Các văn bản pháp luật đều được thông báo đầy đủ trên trang thông tin điện tử của WTO. Trong giai đoạn 2016, 2017, Canada đã bổ sung nhiều quy định hoàn thiện pháp luật phòng vệ thương mại, đặc biệt là các nội dung về điều tra, áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp:

- Điều tra chống lẫn tránh thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp: Canada bổ sung quy trình điều tra chống lẫn tránh thuế chống bán phá giá/ chống trợ cấp làm cơ sở mở rộng phạm vi áp dụng biện pháp nhằm bảo đảm hiệu lực của biện pháp trên thực tế.
- Rà soát phạm vi sản phẩm: Canada đưa ra quy trình xem xét đánh giá một sản phẩm cụ thể nhằm xem xét việc có đưa sản phẩm này vào phạm vi áp dụng biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp hay không.
- Giá bị bóp méo: Pháp luật Canada đưa ra quy định về việc áp dụng phương pháp tính toán thay thế trong trường hợp tình hình thị trường đặc biệt

(Particular market situation – PMS).

- Sự tham gia của Công đoàn: Công đoàn lao động được xác định là một bên liên quan có quyền xem xét đưa ra các khiếu nại cần thiết liên quan đến việc áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại.

Biểu đồ 5 : Thời gian biểu điều tra chống bán phá giá/chống trợ cấp của Canada



- Quy trình điều tra chống bán phá giá/chống trợ cấp: Canada xác định việc điều tra áp dụng các biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp là hết sức quan trọng trong công tác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ngành sản xuất trong nước trước các hành vi thương mại không công bằng. Quy trình điều tra của Canada rất cụ thể và được quy định chặt chẽ. Trong đó, việc điều tra thiệt hại và điều tra hành vi bán phá giá/ trợ cấp được thực hiện độc lập.

3.5.2. Cơ quan có thẩm quyền điều tra

Đối với công tác điều tra áp dụng các biện pháp PVTM tại Canada, 02 cơ quan được giao nhiệm vụ độc lập:

- Cơ quan dịch vụ biên mậu Canada (Canada Border Services Agency –CBSA): Đây là cơ quan có chức năng cung cấp đa dịch vụ liên quan đến biên giới, bao gồm bảo đảm an ninh quốc gia, an toàn công cộng cũng như bảo đảm các hoạt động lưu thông hàng hóa và con người. Về lĩnh vực phòng vệ thương mại, CBSA là Cơ quan chịu trách nhiệm điều tra hành vi bán phá giá và trợ cấp. Đây là một nội dung trong nhóm các nhiệm vụ liên quan đến thương mại của CBSA.

Thông tin liên hệ của CBSA đối với vấn đề chống bán phá giá và chống trợ cấp được công khai trên trang điện tử theo đường link: <https://www.cbsa-asfc.gc.ca/sima-lmsi/contact-eng.html> :

SIMA Registry and Disclosure Unit

Trade and Anti-dumping Programs Directorate

Canada Border Services Agency

Địa chỉ: 11-100 Metcalfe St Ottawa ON K1A 0L8

Điện thoại: 613-948-4605

Email: simaregistry-depotlmsi@cbsa-asfc.gc.ca (non-secure E-mail)

- Tòa án Thương mại Quốc tế (Canadian International Trade Tribunal – CITT): Tòa án có thể bao gồm tối đa bảy thành viên chuyên trách, gồm 01 chủ tịch được chỉ định với nhiệm kỳ lên đến năm năm. Ngoài ra, các thành viên tạm thời có thể được bổ nhiệm. Tòa án Thương mại Quốc tế chịu trách nhiệm xem xét vấn đề thiệt hại trong các vụ việc điều tra phòng vệ thương mại. Thông tin liên hệ của Tòa án Thương mại Quốc tế đăng tải trên trang điện tử của cơ quan: <https://efiling-depote-pub.citt-tcce.gc.ca/popup-contactUs-eng.htm>

Điện thoại: 613-993-3595/1-855-307-2488

Email: CITT-TCCE@tribunal.gc.ca

Địa chỉ: Canadian International Trade Tribunal 15th Floor

333 Laurier Avenue West; Ottawa, Ontario K1A 0G7, Canada

3.6. Pháp luật PVTM của Malaysia

3.6.1. Quy trình điều tra

Các văn bản PVTM của Malaysia gồm có:

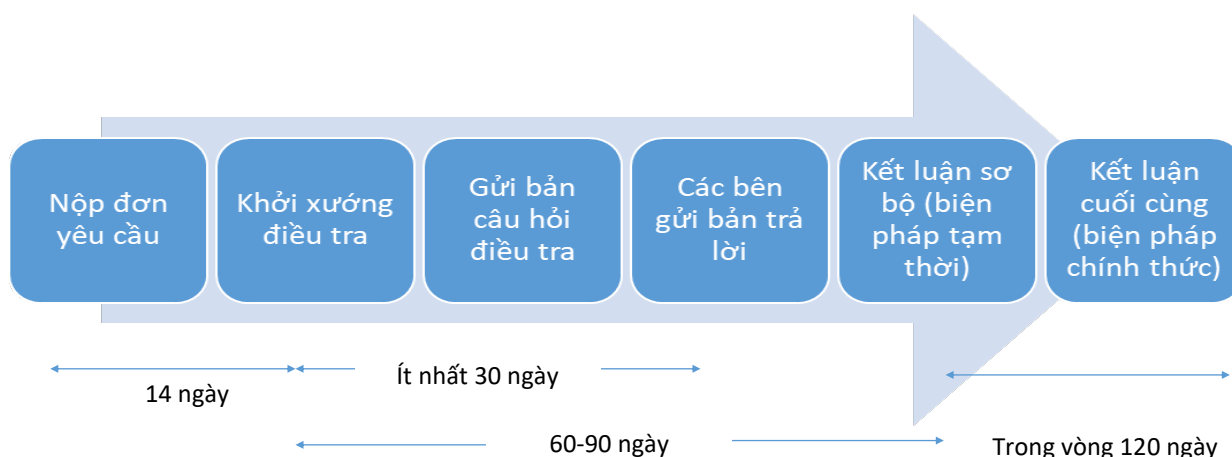
Bảng 7: Danh mục văn bản pháp luật PVTM của Malaysia

STT	Tên văn bản
1	Luật Chống bán phá giá và chống trợ cấp 1993, sửa đổi bổ sung năm 2000 ¹⁵
2	Luật Tự vệ 2006 ¹⁶
3	Quy định về điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp 1993 ¹⁷
4	Quy định về điều tra tự vệ 2007 ¹⁸

Malaysia quy định đầy đủ các nội dung theo cam kết WTO về lĩnh vực PVTM. Quy trình điều tra cơ bản đối với các biện pháp cụ thể như sau:

- Điều tra chống bán phá giá/chống trợ cấp

Biểu đồ 6: Quy trình điều tra chống bán phá giá/chống trợ cấp của Malaysia



¹⁵ <https://docs.wto.org/dol2fe/Pages/SS/directdoc.aspx?filename=Q:/G/ADP/N1MYS1.pdf&Open=True>

https://docs.wto.org/dol2fe/Pages/FE_Search/FE_S_S006.aspx?Query=%40Symbol%3d+g%2fadb%2fn%2f*+and++%40Symbol%3d+mys&Language=ENGLISH&Context=FomerScriptedSearch&languageUICChanged=true#

¹⁶ https://docs.wto.org/dol2fe/Pages/FE_Search/FE_S_S006.aspx?Query=%40Symbol%3d+g%2fsg%2fq1%2f*+and++%40Symbol%3d+mys&Language=ENGLISH&Context=FomerScriptedSearch&languageUICChanged=true#

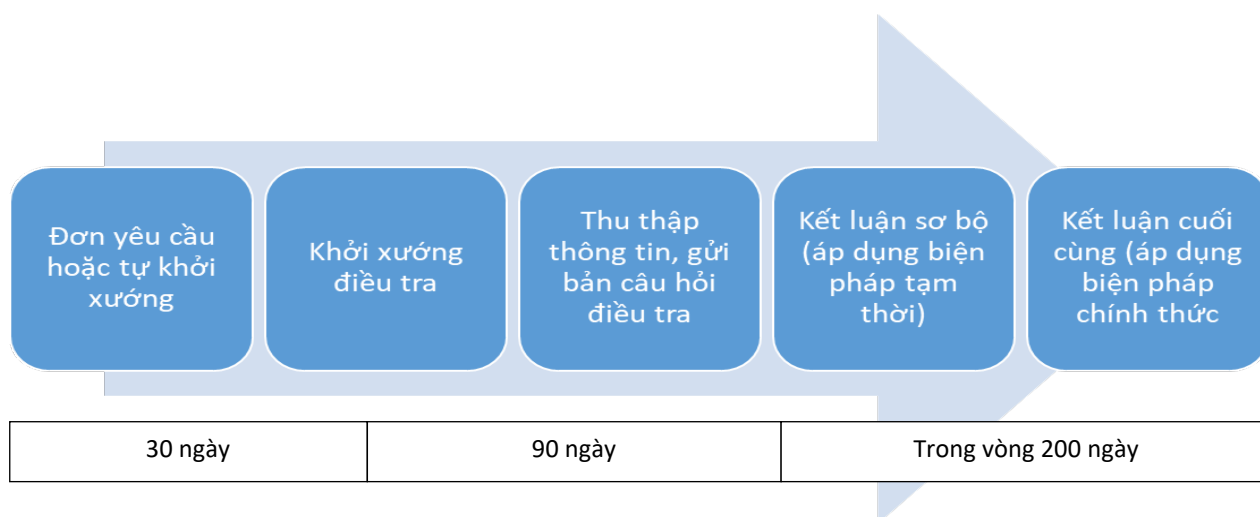
¹⁷ <https://docs.wto.org/dol2fe/Pages/SS/directdoc.aspx?filename=Q:/G/ADP/N1MYS1.pdf&Open=True>

¹⁸ https://docs.wto.org/dol2fe/Pages/FE_Search/FE_S_S006.aspx?Query=%40Symbol%3d+g%2fsg%2fq1%2f*+and++%40Symbol%3d+mys&Language=ENGLISH&Context=FomerScriptedSearch&languageUICChanged=true#

Kết thúc giai đoạn điều tra, các bên liên quan có 10 ngày để rà soát và yêu cầu sửa đổi các lỗi về hành chính và Cơ quan điều tra sẽ chỉnh sửa quyết định áp dụng biện pháp trong vòng 30 ngày kể từ ngày thông báo kết luận cuối cùng.

- Điều tra tự vệ

Biểu đồ 7: Quy trình điều tra tự vệ của Malaysia



Đối với thời gian điều tra của Malaysia trong vụ việc điều tra tự vệ, quy định của pháp luật khá linh hoạt về thời gian. Không có quy định chặt về thời gian thu thập thông tin cũng như trả lời bản câu hỏi điều tra. Từ đó, cơ quan điều tra có thể căn cứ trên tình hình vụ việc để sắp xếp kế hoạch cho phù hợp.

3.6.2. Cơ quan có thẩm quyền điều tra

- Cơ quan điều tra PVTM của Malaysia: Cục Thực thi thương mại – Bộ Thương mại quốc tế và công nghiệp

Thông tin liên hệ:

Trade Practices Section¹⁹
Ministry of International Trade and Industry (MITI)
9th Floor, Menara MITI, No. 7,
Jalan Sultan Haji Ahmad Shah,
50480 Kuala Lumpur, Malaysia.
Email : alltps@miti.gov.my
Facsimile : 03 - 62114429

¹⁹ <https://www.miti.gov.my/index.php/pages/view/2033?mid=169>

3.7. Pháp luật PVTM của Mexico

3.7.1. Quy trình điều tra

Pháp luật PVTM của Mexico gồm có các văn bản sau:

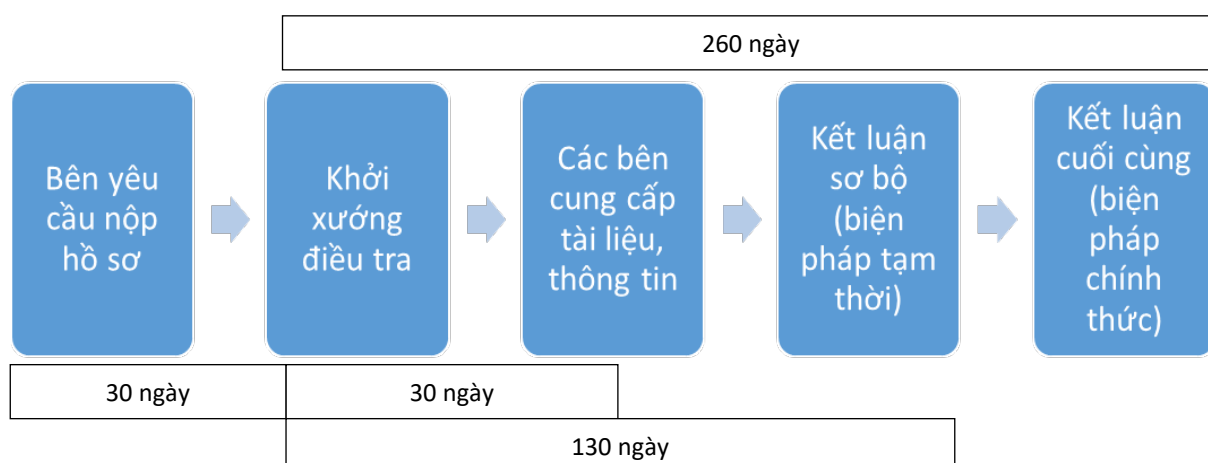
Bảng 8: Danh mục văn bản pháp luật của Mexico

STT	Tên văn bản
1	Luật Ngoại thương 1993 (Được sửa đổi bổ sung năm 2001, 2003, 2006, 2007 và 2014)
2	Quy định một số điều của Luật Ngoại thương 1993 (Được sửa đổi bổ sung năm 2001, 2003, 2006, 2007 và 2014)
Nguồn thông kê: doanh nghiệp có thể chủ động tra cứu thông báo của Mexico trên trang web https://www.wto.org/english/tratop_e/adp_e/adp_e.htm hoặc danh mục thống kê tại trang web: https://enforcement.trade.gov/trcs/downloads/documents/mexico/index.html	

Các biện pháp PVTM của Mexico được quy định chung trong Luật Ngoại thương 1993 và văn bản hướng dẫn luật. Cũng cùng quan điểm với các thành viên khác, Mexico cho rằng biện pháp chống bán phá giá và biện pháp chống trợ cấp là biện pháp chống lại cạnh tranh không công bằng còn biện pháp tự vệ là biện pháp áp dụng với điều kiện thương mại công bằng. Do đó, trong quy định pháp luật, Mexico cũng chia thành hai nhóm biện pháp. Quy trình điều tra của các biện pháp PVTM được quy định cơ bản như sau:

- Điều tra biện pháp tự vệ tự vệ:

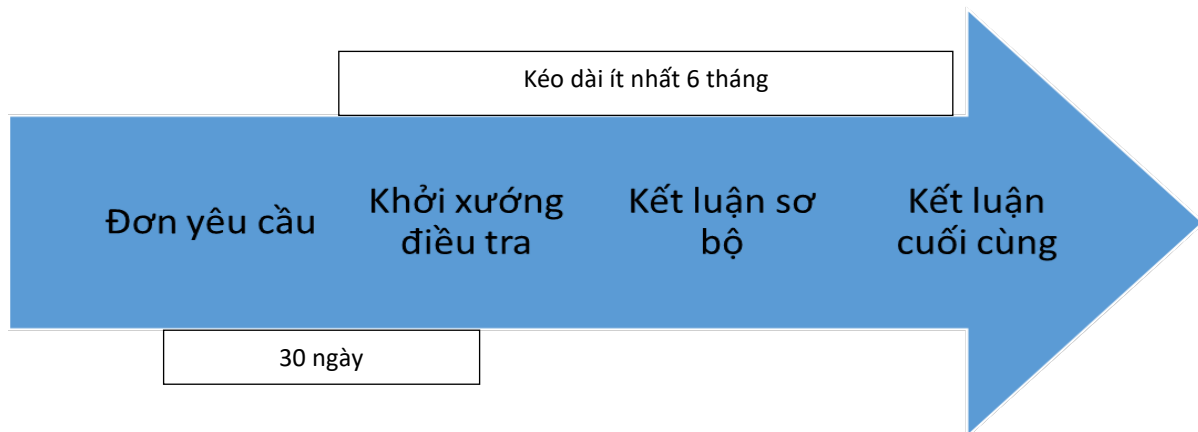
Biểu đồ 8: Quy trình điều tra biện pháp tự vệ của Mexico



Trong quá trình điều tra, các bên có thể yêu cầu cơ quan điều tra tổ chức các buổi tham vấn để bày tỏ ý kiến, quan điểm và lập luận về vụ việc.

- Điều tra chống bán phá giá/chống trợ cấp

Biểu đồ 9: Quy trình điều tra chống bán phá giá/chống trợ cấp của Mexico



3.7.2. Cơ quan có thẩm quyền điều tra

Cơ quan điều tra PVTM của Mexico là Cơ quan thực thi về kinh doanh quốc tế - đơn vị trực thuộc Bộ Kinh tế Mexico.

Thông tin liên hệ:

Secretaría de Economía

Unidad de Prácticas Comerciales Internacionales (UPCI)

Av. Insurgentes sur 1940, piso 11

Col. Florida

C.P. 01030 México, D.F.

Attn: Oliver Ulises FLORES PARRA BRAVO

Tel.: +52 55-5229-61-52

+52 55-5229-61-62

+52 55-5229-61-00, ext. 33100

E-mail: oliver.flores@economia.gob.mx

Website: <http://www.gob.mx/se/acciones-y-programas/industria-y-comercio-unidad-de-practicas-comerciales-internacionales-upci?state=published>

3.8. Pháp luật PVTM của New Zealand

3.8.1. Quy trình điều tra

New Zealand nội luật hóa các quy định của các Hiệp định WTO về PVTM vào 02 văn bản²⁰.

Bảng 9 : Danh mục văn bản pháp luật của New Zealand

STT	Tên văn bản
1	Đạo luật Thương mại năm 1988 về chống bán phá giá và chống trợ cấp ²¹
2	Đạo luật Thương mại năm 2014 về biện pháp tự vệ ²²

Các văn bản của New Zealand tuân thủ chặt chẽ các cam kết tại các hiệp định liên quan của WTO và được quy định theo các nội dung rõ ràng, bám sát quy trình điều tra cũng như các điều kiện áp dụng các biện pháp cụ thể.

- Điều tra chống bán phá giá/chống trợ cấp

Quy trình điều tra được chia thành hai nội dung điều tra:

+ Bước điều tra số 1: Điều tra về các điều kiện áp dụng biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp

+ Bước điều tra số 2: Điều tra về lợi ích công cộng: Những tác động của biện pháp tới lợi ích công cộng được xem xét gồm có:

a. Ảnh hưởng của thuế đối với giá của hàng hóa được bán phá giá hoặc được trợ cấp:

²⁰ Đã thông báo WTO: https://docs.wto.org/dol2fe/Pages/FE_Search/FE_S_S006.aspx?Query=@Symbol=%20g/sg/n/*%20and%20%20@Symbol=%20nzl&Language=ENGLISH&Context=FomerScriptedSearch&languageUIChanged=true#

²¹ <https://www.legislation.govt.nz/act/public/1988/0158/latest/whole.html>

²² <https://www.legislation.govt.nz/act/public/2014/0066/latest/DLM1587410.html>

b. Ảnh hưởng của thuế đối với giá của các hàng hóa tương tự được sản xuất tại New Zealand:

c. Ảnh hưởng của nghĩa vụ đối với sự lựa chọn hoặc sẵn có của hàng hóa tương tự:

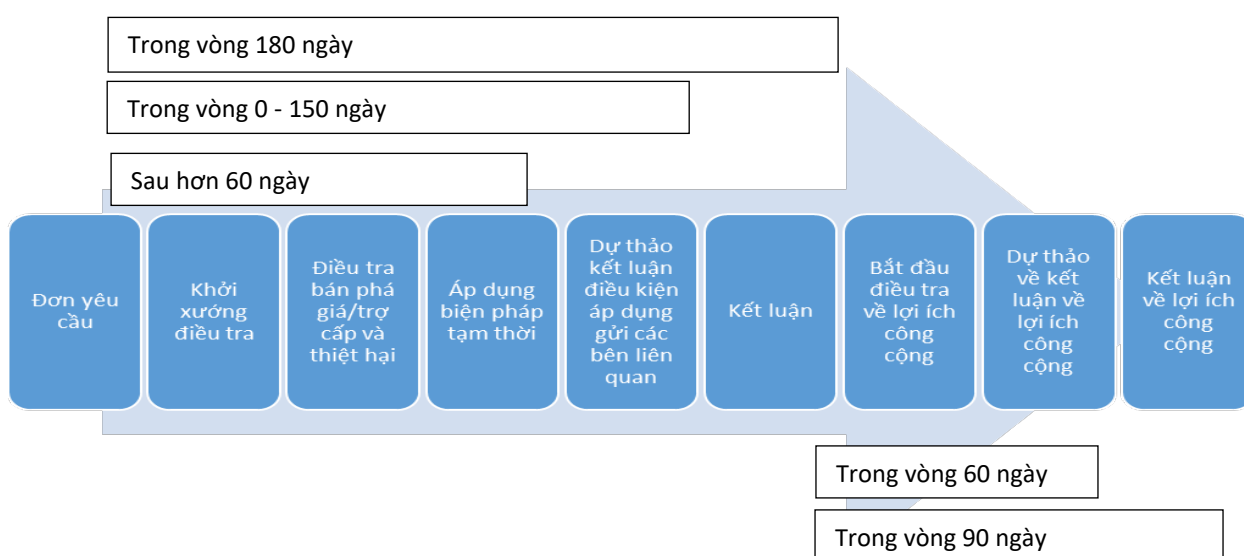
d. Ảnh hưởng của nghĩa vụ đối với chất lượng sản phẩm và dịch vụ:

e. Ảnh hưởng của nghĩa vụ đối với hoạt động tài chính của ngành sản xuất trong nước:

f. Ảnh hưởng của nghĩa vụ đối với mức việc làm:

g. Bất kỳ yếu tố nào mà Bộ trưởng cho là cần thiết để đảm bảo sự tồn tại của cạnh tranh trên thị trường.

Biểu đồ 10: Quy trình điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp



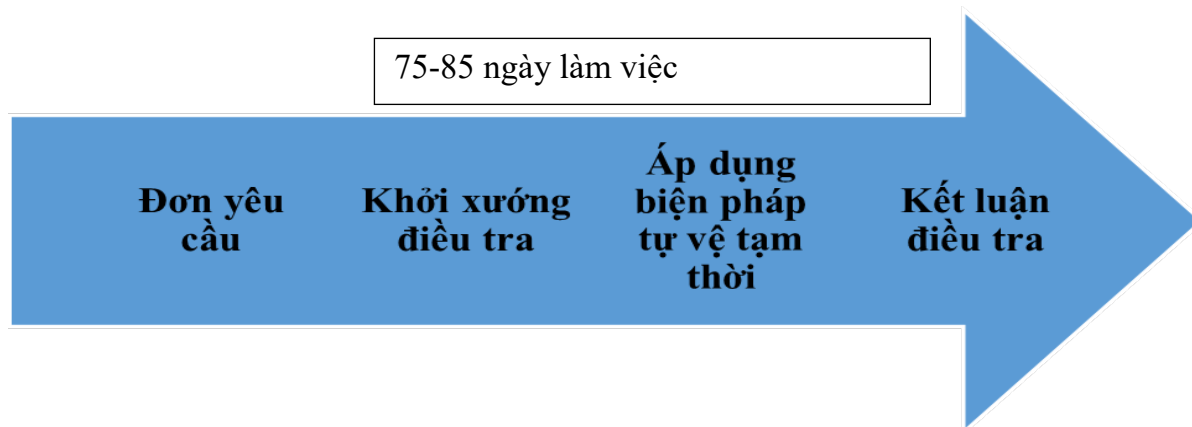
Như vậy, cơ quan điều tra New Zealand sẽ tiến hành lần lượt việc xem xét điều kiện áp dụng vụ việc và yếu tố lợi ích công cộng, đảm bảo biện pháp được áp dụng phù hợp với lợi ích của cả người tiêu dùng và các nhà nhập khẩu sản phẩm bị điều tra dùng làm nguyên vật liệu để sản xuất các sản phẩm hạ nguồn. Bên cạnh đó, thời gian điều tra của New Zealand cũng ngắn hơn so với quy định của WTO. WTO cho phép cuộc điều tra kéo dài từ 12 đến 18 tháng. Đối với New Zealand, cuộc điều tra

chỉ kéo dài trong vòng 180 ngày (6 tháng) đối với bước điều tra về điều kiện áp dụng và 90 ngày (3 tháng) đối với bước điều tra về lợi ích công cộng . Do đó, quá trình điều tra của New Zealand chỉ kéo dài khoảng 9 tháng.

- Điều tra tự vệ

Cuộc điều tra tự vệ theo quy định của New Zealand cũng có thời gian ngắn hơn so với cam kết của WTO. WTO cho phép cuộc điều tra tự vệ kéo dài từ 9 – 12 tháng. Trong khi đó, báo cáo điều tra tự vệ của New Zealand cần được hoàn tất trong 75 - 85 ngày làm việc kể từ ngày khởi xướng điều tra (khoảng gần 4 tháng). Trong trường hợp không thể hoàn tất điều tra, Cơ quan điều tra cần có giải trình hợp lý về sự chậm trễ.

Biểu đồ 11: Quy trình điều tra tự vệ của New Zealand



Có thể nhận thấy New Zealand xây dựng quy trình điều tra rất tinh gọn, hướng đến việc rút ngắn quá trình điều tra vụ việc PVTM. Với thời gian điều tra như vậy, các doanh nghiệp tham gia vụ việc cần có sự tập trung cao để đưa ra các ý kiến tham vấn cần thiết trong quá trình điều tra.

3.8.2. Cơ quan có thẩm quyền điều tra

Cơ quan điều tra PVTM của New Zealand là đơn vị thuộc Bộ Kinh doanh – Đổi mới và Lao động (Ministry of Business, Innovation and Employment – MBIE). Công tác điều tra PVTM là một mảng việc thuộc Nhóm công tác về Thương mại và môi trường quốc tế. Cơ quan trực tiếp tiến hành điều tra là Tổ công tác Phòng vệ

thương mại. MBIE là một Bộ lớn của New Zealand với nhiệm vụ trải rộng trong nhiều lĩnh vực với mục tiêu vì sự phát triển của đất nước và Tổ công tác PVTM là một đơn vị trực thuộc Bộ. Các vụ việc điều tra sẽ được báo cáo Bộ trưởng phụ trách công tác về Thương mại.

Địa chỉ liên hệ cụ thể:

Trade Remedies Team

Trade and International Environment Branch,

Ministry of Business, Innovation and Employment

15 Stout Street

Wellington

PO Box 1473

Wellington 6143

Tel: +64 4 472 0030

E-mail: traderem@mbie.govt.nz

Website: <http://www.med.govt.nz/business/trade-tariffs/trade-remedies>

Để theo dõi vụ việc PVTM do New Zealand tiến hành điều tra, doanh nghiệp và bên liên quan có thể tham khảo các thông báo tại trang điện tử chính thức của MBIE. Các thông tin và báo cáo công khai về vụ việc được đăng tải theo lộ trình từng vụ việc cụ thể để các bên liên quan có thể theo dõi.

3.9. Pháp luật PVTM của Peru

3.9.1. Quy trình điều tra

Trong nhóm các đối tác CPTPP, Peru là thành viên tích cực thứ 3 (sau Úc và Canada) sử dụng các biện pháp PVTM để bảo vệ ngành sản xuất trong nước. Dù Peru chưa tiến hành điều tra vụ việc PVTM nào đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, việc chuẩn bị trước các thông tin về pháp luật PVTM của Peru là hết sức cần thiết.

Pháp luật PVTM của Peru gồm các văn bản như sau:

Bảng 10: Danh mục văn bản pháp luật PVTM của Peru

STT	Tên văn bản
1	Nghị định cấp cao quy định về điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp năm 2003 ²⁴ (Nghị định này thay thế cho Nghị định về điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp năm 1997).
2	Nghị định năm 1998 quy định về Hiệp định Tự vệ và Hiệp định dệt may của WTO ²⁵

Về nội dung các quy định pháp luật của Peru, cơ quan lập pháp đã đưa ra những quy định tương đối chi tiết về nội dung điều tra. Doanh nghiệp cần lưu ý nghiên cứu một số quy định như sau:

Về điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp:

- Quy định về điều kiện thị trường đặc biệt (Particular market conditions - PMC): Điều 6 của Nghị định chống bán phá giá và chống trợ cấp của Peru quy định về điều kiện thị trường đặc biệt gồm có: (1) tình hình thị trường đặc biệt và (2) lượng bán thấp của hàng hóa tương tự trong nước xuất khẩu. Trong đó, Nghị định nêu rõ cách thức xác định về lượng bán hàng thấp cũng như cách thức tính toán, phân bổ chi phí khi xác định giá trị thông thường trong điều kiện thị trường đặc biệt.

- Quy định về nền kinh tế không phải nền kinh tế thị trường: Điều 8 Nghị định quy định về việc tính toán giá trị thông thường trong trường hợp nền kinh tế phi thị trường, bóp méo giá cả khiến cho không thể sử dụng số liệu trong nước để tính giá trị thông thường của hàng hóa bị điều tra. Trong đó, Peru quy định các điều kiện để xác định nền kinh tế thị trường:

+ Giá cả được xác định tự do dưới tác động của nền kinh tế thị trường, không có sự can thiệp của nhà nước;

²³ <https://www.mbie.govt.nz/business-and-employment/business/trade-and-tariffs/trade-remedies/trade-remedy-investigations/>

²⁴ <https://docs.wto.org/dol2fe/Pages/SS/directdoc.aspx?filename=Q:/G/SCM/N1PER2.pdf&Open=True>

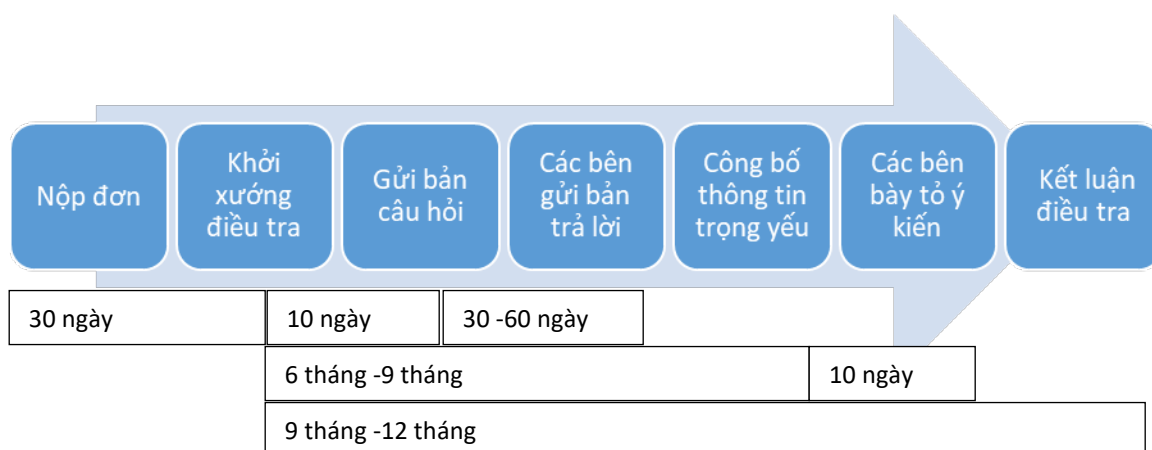
²⁵ <https://docs.wto.org/dol2fe/Pages/SS/directdoc.aspx?filename=Q:/G/SG/N1PER2.pdf&Open=True>

- + Giá cả thiết lập trên cơ sở cạnh tranh công bằng, bình đẳng;
- + Chi phí tiếp thị và sản xuất, bao gồm đầu vào, nguyên liệu thô và dịch vụ, sẽ được xác định không có sự can thiệp của Nhà nước;
- + Các quyết định của các công ty về sản lượng, bán hàng và đầu tư sẽ được thực hiện trên cơ sở tương tác của cung và cầu, không có sự can thiệp của Nhà nước;
- + Các công ty phải duy trì hồ sơ kế toán cơ bản được kiểm toán độc lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán quốc tế và được áp dụng cho mọi mục đích;
- + Sự tồn tại của các quy tắc quản lý quyền sở hữu, gia nhập thị trường và thoát khỏi thị trường đảm bảo tính ổn định và chắc chắn về mặt pháp lý cho hoạt động của các công ty.

Trong khuôn khổ CPTPP, bên cạnh các nước Đông Á (Nhật Bản, Brunei, Malaysia và Singapore) đã công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường từ trước đó thì trong quá trình đàm phán CPTPP, các thành viên khác như Canada, Úc, New Zealand hay Chile cũng đã công nhận nền kinh tế thị trường của Việt Nam. Tuy nhiên, Peru hiện là thành viên duy nhất của CPTPP chưa công nhận Việt Nam có nền kinh tế thị trường. Do đó, trong trường hợp Cơ quan điều tra của Peru điều tra chống bán phá giá đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, doanh nghiệp cần lưu ý chứng minh đầy đủ căn cứ để không bị áp dụng quy định về kinh tế phi thị trường.

Quy trình điều tra biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp của Peru về cơ bản tuân thủ chặt chẽ các cam kết WTO.

Biểu đồ 12: Quy trình điều tra chống bán phá giá/chống trợ cấp của Peru

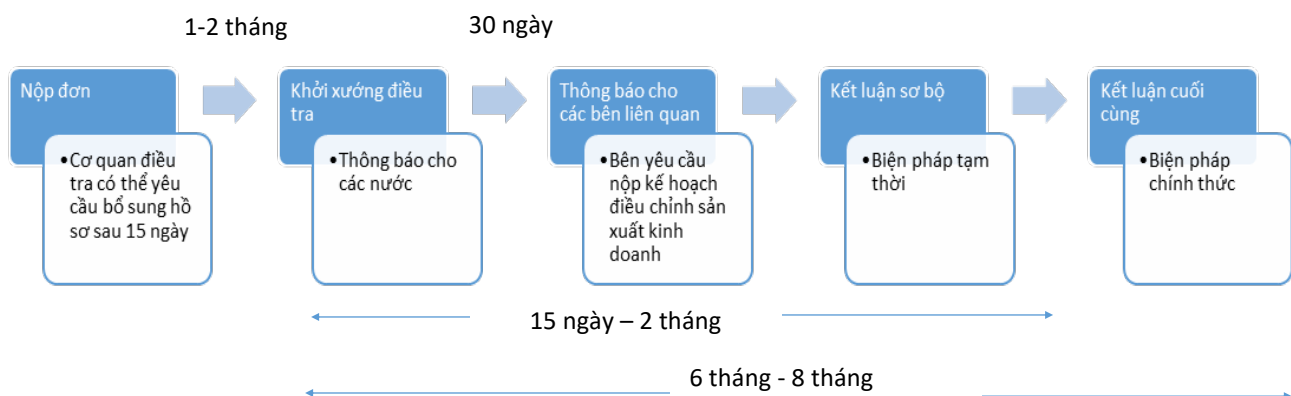


Theo quy định của Điều 26 Nghị định, các nhà xuất khẩu sẽ có 60 ngày để trả lời bản câu hỏi. Thời gian này là hợp lý và đảm bảo cho các doanh nghiệp chuẩn bị và rà soát kỹ lưỡng bản trả lời câu hỏi trước khi gửi.

Về điều tra tự vệ

Nghị định của Peru quy định cụ thể về quy trình điều tra áp dụng biện pháp tự vệ theo Hiệp định Tự vệ của WTO.

Biểu đồ 13: Quy trình điều tra biện pháp tự vệ của Peru



3.9.2. Cơ quan thẩm quyền điều tra

Cơ quan có thẩm quyền điều tra PVTM tại Peru là Ủy ban bán phá giá và trợ cấp của Viện quốc gia về Phòng , Cạnh tranh và Bảo vệ Sở hữu Trí tuệ (INDECOPI)

Thông tin liên hệ:

Miembros de la Comisión de Dumping, Subsidios y Eliminación de Barreras Comerciales

- Renzo Rojas Jiménez (Presidente)
- Manuel Augusto Carrillo Barnuevo (Vicepresidente)
- José Antonio Jesús Corrales Gonzáles
- Gonzalo Martín Paredes Angulo
- Luis Alberto León Vásquez (Secretario Técnico)

Dirección: Calle de la Prosa N°104, Distrito San Borja, Lima 41 – Perú

Telf. +5112247800 – Anexo 3001

E-mail: dumping@indecopi.gob.pe

Página web: www.indecopi.gob.pe

Trong vụ việc tự vệ, bên cạnh Ủy ban chống bán phá giá và trợ cấp là cơ quan tiến hành các thủ tục điều tra, một Ủy ban liên Bộ được thành lập để quyết định áp dụng các biện pháp tự vệ. Thành viên của Ủy ban sẽ bao gồm Bộ trưởng Bộ Kinh tế và Tài chính, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, Du lịch, Hội nhập và Đàm phán Thương mại Quốc tế và Bộ trưởng của ngành mà ngành công nghiệp trong nước bị ảnh hưởng thuộc về. Các quyết định được thực hiện bởi Ủy ban sẽ được chính thức thành lập theo Nghị quyết Bộ trưởng của Bộ Công nghiệp, Du lịch, Hội nhập và Đàm phán Thương mại Quốc tế.

3.10. Pháp luật PVTM của Singapore

3.10.1. Quy trình điều tra

Khi gia nhập WTO, Singapore chưa có pháp luật PVTM. Đến năm 1996, nước này đã hoàn thiện bổ sung các văn bản pháp luật về PVTM. Tuy nhiên, Singapore chỉ xây dựng nội luật đối với biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp tại Đạo luật về chống bán phá giá và chống trợ cấp năm 1996 mà không nội luật hóa các quy định để áp dụng biện pháp tự vệ.

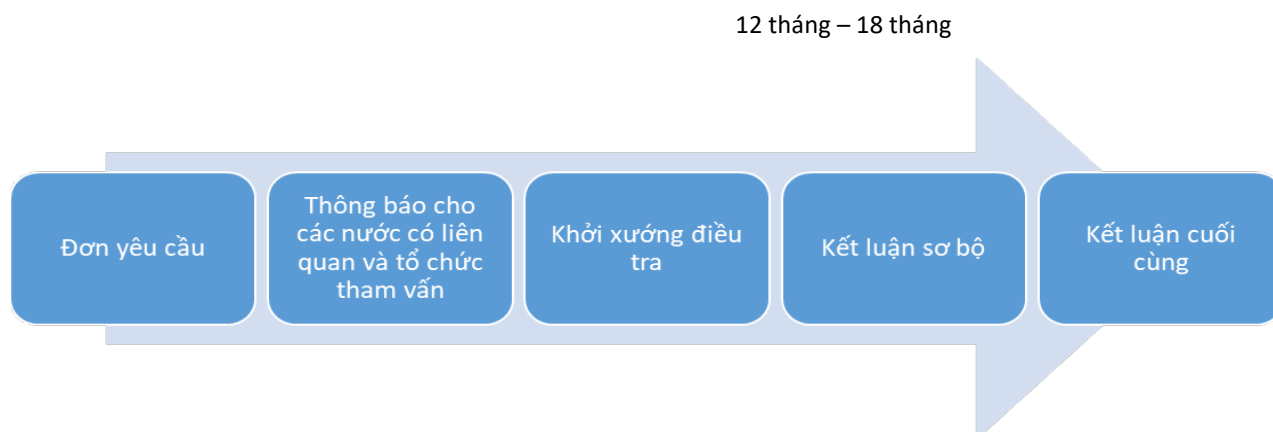
Bảng 11: Danh mục văn bản pháp luật PVTM của Singapore

STT	Tên văn bản
1	Đạo luật về chống bán phá giá và chống trợ cấp 1996 (được sửa đổi năm 1997)
Nguồn tham khảo: https://docs.wto.org/dol2fe/Pages/SS/directdoc.aspx?filename=q:/G/ADP/N1SGP2.pdf&Open=True	

Pháp luật chống bán phá giá và chống trợ cấp của Singapore về cơ bản tuân thủ chặt chẽ các cam kết của WTO. Về mặt quy trình, các quy định cũng không đưa ra các mốc thời gian cụ thể. Tổng thời gian điều tra vụ việc chống bán phá giá và chống trợ cấp là từ 12 đến 18 tháng với các bước điều tra cơ bản.

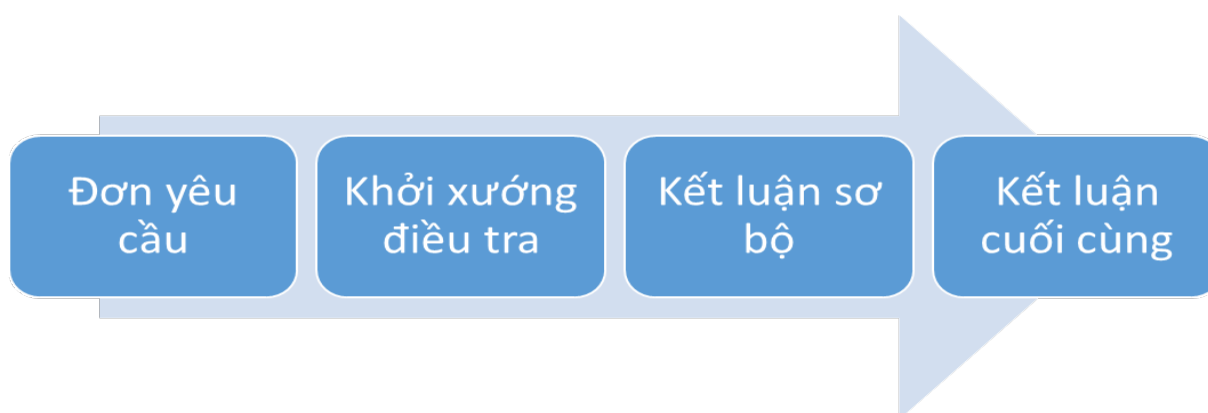
- Điều tra chống trợ cấp

Biểu đồ 14: Quy trình điều tra chống trợ cấp của Singapore



- Điều tra chống bán phá giá

Biểu đồ 15: Quy trình điều tra chống bán phá giá của Singapore



Cho đến nay, Singapore thể hiện là một thành viên không có xu hướng sử dụng các công cụ PVTM để bảo vệ ngành sản xuất trong nước. Do đó, các chuẩn bị về mặt cơ sở pháp lý của Singapore cũng chưa thật cụ thể và đầy đủ.

3.10.2. Cơ quan thẩm quyền điều tra

Cơ quan điều tra PVTM của Singapore được giao cho Bộ Thương mại và Công nghiệp Singapore. Thông tin liên hệ như sau:

Ministry of Trade and Industry

100 High Street #09-01

The Treasury

Singapore 179434

Tel.: +65 6225 9911

Fax: +65 6332 7260

E-mail: mti_email@mti.gov.sg

Website: <http://www.mti.gov.sg>



CHƯƠNG III

THỰC TIỄN ĐIỀU TRA PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI CỦA CÁC THÀNH VIÊN CPTPP

CHƯƠNG III

THỰC TIỄN ĐIỀU TRA PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI CỦA CÁC THÀNH VIÊN CPTPP

1. Tình hình xuất khẩu của Việt Nam sang các nước CPTPP

Sau 03 năm đi vào hiệu lực, cho đến nay, có thể khẳng định rằng Hiệp định CPTPP đã có những tác động rõ rệt đối với tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam. Với thị trường các đối tác CPTPP, Việt Nam hiện nay đang có kết quả xuất siêu với những tăng trưởng đáng ghi nhận, ngay cả khi kinh tế toàn cầu bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch bệnh Covid-19. Phân tích số liệu xuất khẩu của hàng hóa Việt Nam trong 07 tháng đầu năm 2021 có thể dễ dàng nhận thấy tác động này:

Bảng 12: Xuất khẩu 7 tháng đầu năm 2021 sang các nước CPTPP²⁶

Thị trường	7 tháng năm 2021		Tỷ trọng xuất khẩu trong CPTPP (%)		Tỷ trọng trong tổng xuất khẩu của Việt Nam (%)	
	Trị giá (Triệu USD)	So với 7T/2020	7T/2021	7T/2020	7T/2021	7T/2020
Tổng xuất khẩu của Việt Nam	186.354	26,20				
CPTPP	26.047	22,52	100,00	100,00	13,98	14,40
Nhật Bản	11.818	6,73	45,37	52,08	6,34	7,50

²⁶ Các số liệu này là giá trị xuất khẩu thực tế của Việt Nam với Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan từng nước trong bảng, không phân biệt hàng hóa có được hưởng ưu đãi trong khuôn khổ của FTA hay C/O theo cam kết giữa Việt Nam và nước đó hay không

Thị trường	7 tháng năm 2021		Tỷ trọng xuất khẩu trong CPTPP (%)		Tỷ trọng trong tổng xuất khẩu của Việt Nam (%)	
	Trị giá (Triệu USD)	So với 7T/2020	7T/2021	7T/2020	7T/2021	7T/2020
Canada	2.95	33,27	11,33	10,41	1,58	1,50
Mexico	2.519	48,16	9,67	8,00	1,35	1,15
Úc	2.499	28,73	9,59	9,13	1,34	1,31
Malaysia	2.44	33,58	9,37	8,59	1,31	1,24
Singapore	2.172	36,80	8,34	7,47	1,17	1,08
Chile	929	85,73	3,57	2,35	0,50	0,34
New Zealand	379	46,88	1,46	1,21	0,20	0,17
Peru	334	128,19	1,28	0,69	0,18	0,10
Brunei	6	-47,92	0,02	0,06	0,00	0,01

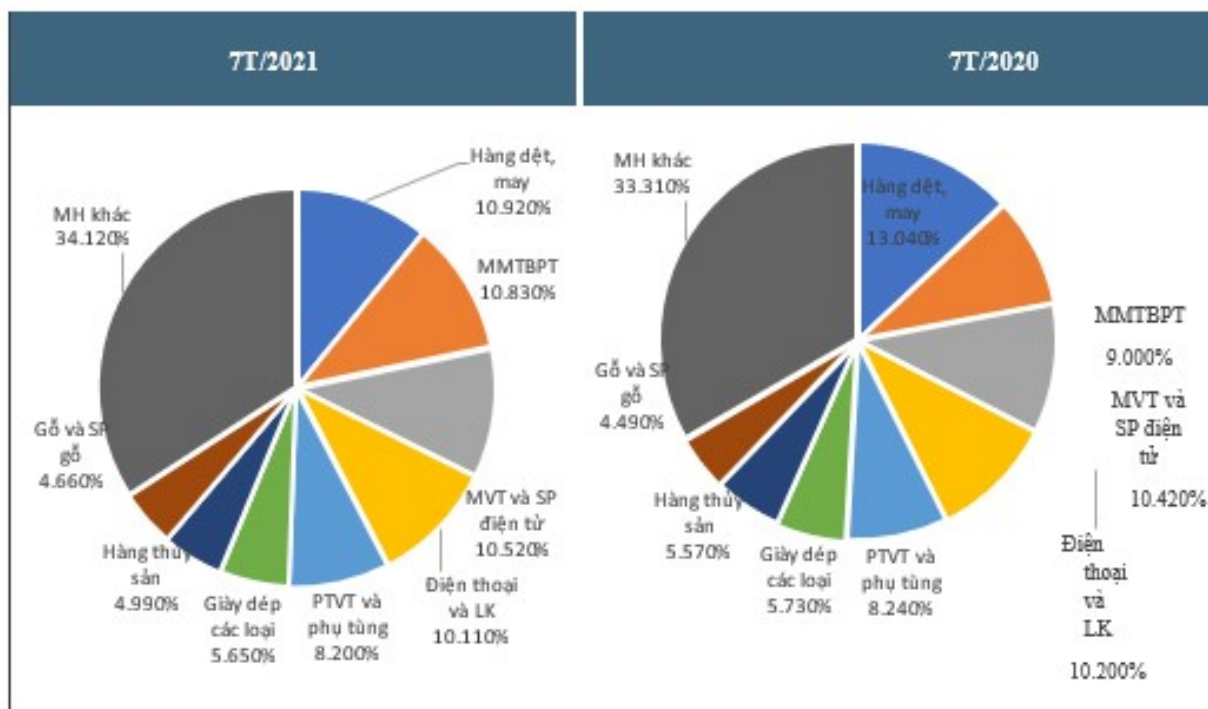
Theo số liệu thống kê, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường các nước thành viên CPTPP trong tháng 7/2021 đạt 3,98 tỷ USD, tăng 0,79% so với tháng 6/2021 và tăng 21,64% so với tháng 7/2020. Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường này đạt 26,04 tỷ USD, tăng 22,52% so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 13,98% tổng trị giá xuất khẩu hàng hóa

của Việt Nam, bị thu hẹp so với tỷ trọng 14,40% trong 7 tháng đầu năm 2020.

Theo dõi trên bảng tổng kết trên đây, có thể nhận thấy rằng, về mặt tỷ trọng, Nhật Bản đang là đối tác xuất khẩu thuộc nhóm CPTPP lớn nhất của Việt Nam, chiếm hơn 52% tỷ trọng xuất khẩu trong nhóm. Bên cạnh đó, các thị trường như Chile, Peru tuy tỉ trọng giá trị xuất khẩu không cao nhưng lại đang có sự gia tăng đáng kể (85% và 128%) so với

cùng kỳ năm trước. Trước thực tiễn này, nguy cơ hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường đối tác CPTPP bị điều tra áp dụng các biện pháp PVTM sẽ gia tăng, cần có sự theo dõi và xây dựng phương án ứng phó phù hợp, kịp thời.

Biểu đồ 16: Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường CPTPP (ĐVT: % tính theo trị giá)²⁷



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan sang các nước, không phân biệt hàng hóa có được hưởng ưu đãi theo CPTPP hay không

Bảng 13: Xuất khẩu 08 nhóm mặt hàng xuất khẩu mạnh nhất sang thị trường các nước đối tác CPTPP trong 07 tháng đầu năm 2021

Mặt hàng	Tháng 7 năm 2021			7 tháng năm 2021		Tỷ trọng xuất khẩu %	
	Trị giá (Triệu USD)	So với T6/2021 (%)	so với T7/2020 (%)	Trị giá (Triệu USD)	So với T7/2020 (%)	7T/2021	7T/2020
CPTPP	3.984	0,79	21,64	26.047	22,52	100,00	100,00
Hàng dệt, may	440,84	-3,36	-7,62	2.845,09	2,60	10,92	13,04
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	525,67	38,63	85,62	2.820,00	47,39	10,83	9,00
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	395,26	-12,54	-3,85	2.741,29	23,71	10,52	10,42
Điện thoại các loại và linh kiện	450,68	69,65	37,27	2.634,18	21,50	10,11	10,20

²⁷ Các số liệu này là giá trị xuất khẩu thực tế của từng mặt hàng.

Mặt hàng	Tháng 7 năm 2021			7 tháng năm 2021		Tỷ trọng xuất khẩu %	
	Trị giá (Triệu USD)	So với T6/2021 (%)	so với T7/2020 (%)	Trị giá (Triệu USD)	So với T7/2020	7T/2021	7T/2020
Phương tiện vận tải và phụ tùng	277,56	-11,25	17,26	2.135,95	21,98	8,20	8,24
Giày dép các loại	163,16	-37,33	-2,03	1.470,70	20,67	5,65	5,73
Hàng thủy sản	196,70	-5,67	5,17	1.298,85	9,73	4,99	5,57
Gỗ và sản phẩm gỗ	186,45	0,59	16,71	1.213,82	27,07	4,66	4,49

Bảng trên đây cho thấy 08 nhóm mặt hàng xuất khẩu sang thị trường các nước đối tác CPTPP trong giai đoạn 07 tháng đầu năm 2021. Trong đó, ngành hàng dệt may và máy móc, thiết bị, phụ tùng và các nhóm hàng chiếm tỷ trọng đáng kể. Các số liệu trên đây về các nhóm ngành hàng cũng là cơ sở để doanh nghiệp cũng đánh giá và lường trước nguy cơ bị điều tra áp dụng các biện pháp PVTM.

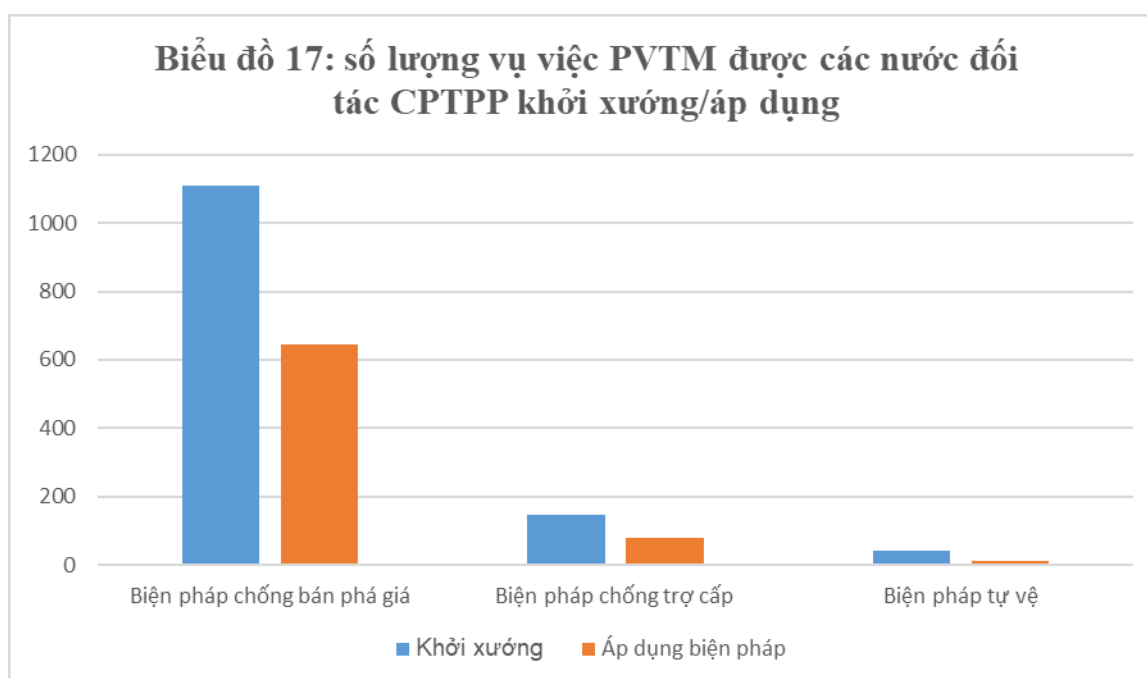
2. Thực tiễn điều tra áp dụng biện pháp PVTM của các thành viên CPTPP

Bảng 14: Số lượng vụ việc PVTM do các đối tác CPTPP khởi xướng điều tra và áp dụng biện pháp tính đến hết năm 2020 (Nguồn WTO)²⁸

Quốc gia	Biện pháp chống bán phá giá		Biện pháp chống trợ cấp		Biện pháp tự vệ	
	Khởi xướng	Áp dụng	Khởi xướng	Áp dụng	Khởi xướng	Áp dụng
Úc	369	168	38	16	4	0
Canada	271	165	76	36	4	1
Chile	33	14	6	2	20	9
Nhật Bản	15	14	1	1	1	0
Newzealand	66	25	9	4	0	0
Peru	80	53	10	7	3	0
Malaysia	106	64	0	0	6	3
Mexico	168	141	6	11	2	0
Singapore	0	0	0	0	0	0
Brunei	0	0	0	0	0	0
Tổng	1108	644	146	77	40	13

²⁸ Số liệu do WTO thống kê đối với các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp sẽ tính theo số nước xuất khẩu có liên quan. Ví dụ, khi một nước điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với hàng hóa nhập khẩu từ 3 nước, số lượng vụ việc được ghi nhận sẽ là 3

Căn cứ số liệu thống kê, có thể nhận thấy rằng ngoại trừ Singapore và Brunei chưa từng điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, 08 đối tác còn lại đều đã có kinh nghiệm sử dụng các công cụ PVTM để bảo vệ ngành sản xuất trong nước. Trong số đó, Úc và Canada thể hiện rõ năng lực điều tra và áp dụng các công cụ này. Theo thống kê của WTO, số lượng biện pháp được áp dụng chỉ bằng khoảng 50% số vụ việc được khởi xướng điều tra. Điều này thể hiện các thành viên đối tác CPTPP rất thận trọng trong việc áp dụng các biện pháp PVTM nhằm đảm bảo tuân thủ các cam kết quốc tế về lĩnh vực này.



Với biểu đồ trên đây về số lượng điều tra/áp dụng với từng biện pháp, có thể nhận thấy biện pháp PVTM được các đối tác CPTPP ưu tiên áp dụng là biện pháp chống bán phá giá. Đây cũng là xu hướng chung của các thành viên WTO. Số lượng các biện pháp chống bán phá giá được áp dụng lên tới 644 biện pháp, trong khi chỉ có 77 biện pháp chống trợ cấp và 13 biện pháp tự vệ được áp dụng.

3. Thực tiễn điều tra PVTM của các thành viên CPTPP đối với Việt Nam

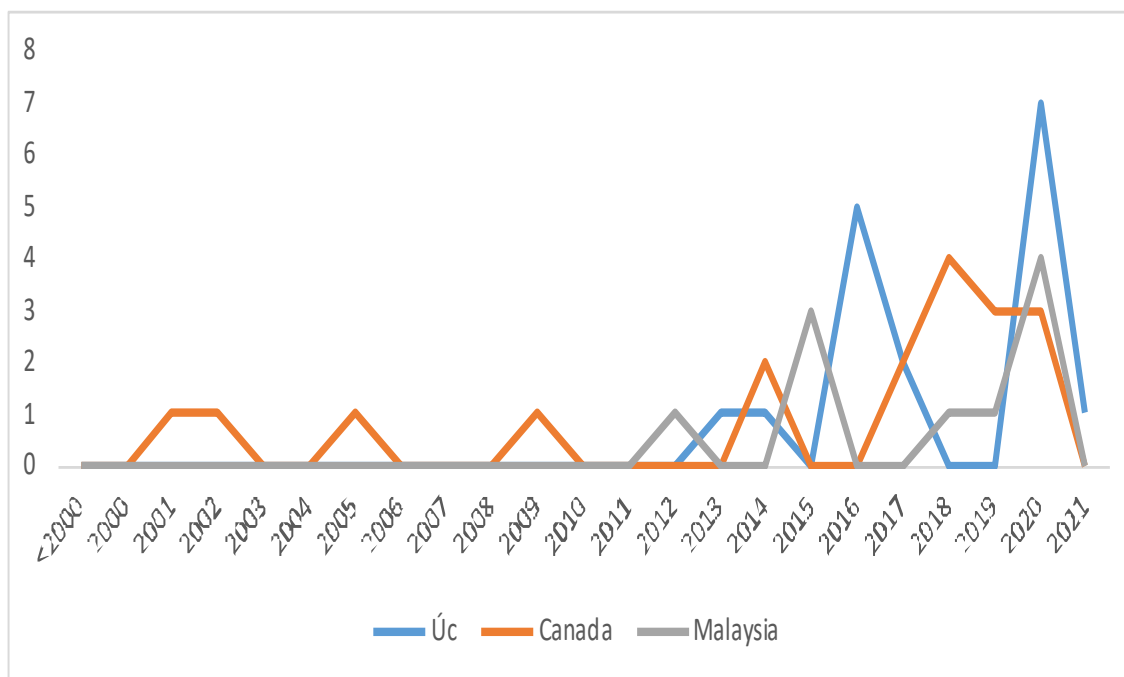
Bảng 15: Số vụ việc PVTM do các đối tác CPTPP điều tra và áp dụng đối với Việt Nam tính đến hết năm 2021

	Biện pháp chống bán phá giá		Biện pháp chống trợ cấp		Biện pháp tự vệ	
	Khởi xướng	Áp dụng	Khởi xướng	Áp dụng	Khởi xướng	Áp dụng
Úc	11	3	5	0	0	0
Canada	10	6	5	2	2	1
Chile	0	0	0	0	0	0
Nhật Bản	0	0	0	0	0	0
Newzealand	0	0	0	0	0	0
Peru	0	0	0	0	0	0
Malaysia	9	6	0	0	1	0
Mexico	0	0	0	0	0	0
Singapore	0	0	0	0	0	0
Brunei	0	0	0	0	0	0
Tổng	30	15	10	2	3	1

Nguồn: WTO

Căn cứ số liệu thống kê có thể nhận thấy rõ rằng trong tổng số 10 đối tác CPTPP, chỉ có 04 thành viên đã từng điều tra, áp dụng biện pháp PVTM với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam (Úc, Canada, Malaysia và Mexico). Tính đến thời điểm hiện tại, các nước thành viên WTO đã tiến hành điều tra 208 vụ việc PVTM đối với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam. Như vậy, với 43 vụ việc được khởi xướng, số vụ việc do các nước đối tác CPTPP khởi xướng chiếm hơn 20% số lượng vụ việc điều tra PVTM liên quan đến hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam.

Biểu đồ 18: Số lượng vụ việc điều tra của các đối tác CPTPP với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam theo năm:



Với biểu đồ số liệu các vụ việc điều tra của các đối tác CPTPP đối với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam trong vòng 20 năm qua, số lượng các vụ việc trong giai đoạn từ 2016 đến nay gia tăng hơn so với giai đoạn trước đó. Thực tiễn này cho thấy mức độ chủ động và năng lực điều tra PVTM của các thành viên này ngày càng được nâng cao. Các nước có xu hướng quan tâm và tích cực sử dụng các công cụ PVTM nhằm bảo vệ ngành sản xuất trong nước trước xu hướng toàn cầu hóa thương mại mạnh mẽ hiện nay.

Cho đến nay, hàng hóa Việt Nam mới là đối tượng điều tra PVTM của 04 đối tác CPTPP. Tuy nhiên, trong nhóm 10 đối tác CPTPP, một số đối tác như Nhật Bản, Chile hay New Zealand cũng là những thành viên rất tích cực sử dụng công cụ PVTM để bảo vệ ngành sản xuất trong nước. Do đó, với tiến trình hội nhập kinh tế của Hiệp định CPTPP, hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam có nguy cơ sẽ trở thành đối tượng điều tra mới của các đối tác CPTPP này.



CHƯƠNG IV

HƯỚNG DẪN DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU SANG CÁC NƯỚC CPTPP ỨNG PHÓ VỚI CÁC VỤ VIỆC PVTM

CHƯƠNG IV

HƯỚNG DẪN DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU SANG CÁC NƯỚC CPTPP ỨNG PHÓ VỚI CÁC VỤ VIỆC PVTM

1. Thông tin đầu mối hỗ trợ doanh nghiệp

Trong các vụ việc PVTM do nước ngoài khởi xướng điều tra đối với các hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, Cục PVTM – Bộ Công Thương là đơn vị đầu mối phụ trách theo dõi và hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó với các vụ việc này. Thông tin liên hệ cụ thể như sau:

Cục PVTM – Bộ Công Thương

Địa chỉ: 23 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội;

Tel: (84-24) 73037898

Fax: (84-24) 73037897

Website: www.trav.gov.vn

Ngoài ra, doanh nghiệp có thể liên hệ các thương vụ Việt Nam tại nước nhập khẩu tiến hành điều tra. Thông tin các thương vụ Việt Nam tại các nước thành viên CPTPP như sau:

Bảng 16: Thông tin liên hệ các Thương vụ Việt Nam tại các nước thành viên CPTPP

1	Úc	9 Poate, Centennial Park, NSW 2021	+61 2 9361 5898/ +61 2 9356 4869	au@moit.gov.vn; vntrade@bigpond.net.au
2	Canada	161 Sherwood Drive, Ottawa, Ontario, K1Y 3V5, Canada	(613)715-968340	ca@moit.gov.vn; dungmex@yahoo.com
3	Mexico	Sudermann # 408, Col. Polanco, Del. Miguel Hidalgo C.P.11560, México D.F.	(+52-55) 5254 0024	mx@moit.gov.vn
4	Chile	Av. Eliodoro Yañez # 2887, Providencia, Santiago, Chile	(562) 232 1135 / 232 1394	cl@moit.gov.vn & viettradeinchile@gmail.com
5	New Zealand	Level 2, 90- 92 Dixon Str, PO Box 11095 Manners, Wellington 6142	(644) 803-3775	nz@moit.gov.vn

6	Nhật Bản	50-11 Motoyoyogicho, Shibuya-ku, Tokyo 151-0062, Japan	+ 81 3 3466 3315	jp@moit.gov.vn
7	Singapore	10 Leedon Park, Singapore 267887	(65) 64683747	vntrade@singnet.com.sg; sg@moit.gov.vn
8	Malaysia	No 4 Persiaran Stonor 50450 Kuala Lumpur, Malaysia	(603)214-14692	my@moit.gov.vn
9	Peru (THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI BRASIL)	Rua Paulo Orazimbo, 675-Conj.91, 92 CEP: 015-35001Bairro da Aclimacao São Paulo –SP- Brasil	+55 11 3276 6776	br@moit.gov.vn

2. Khuyến nghị chung dành cho doanh nghiệp

2.1. Lưu ý các thông tin cảnh báo

Đối với các thị trường xuất khẩu trọng điểm, doanh nghiệp cần có những rà soát và cảnh báo sớm về nguy cơ bị điều tra các vụ việc phòng vệ thương mại. Hiện nay, Bộ Công Thương đang triển khai xây dựng Hệ thống cảnh báo sớm các vụ việc phòng vệ thương mại để doanh nghiệp có thể tiếp cận các thông tin và các tư vấn cảnh báo hiệu quả. Trước khi hệ thống được đi vào vận hành chính thức, Bộ Công Thương vẫn định kỳ đăng tải Danh sách cảnh báo sản phẩm có nguy cơ bị điều tra phòng vệ thương mại, điều tra lẫn tránh thuế phòng vệ thương mại tại website của Cục Phòng vệ thương mại

(www.pvtm.gov.vn.) Doanh nghiệp cần theo dõi sát các cảnh báo này để có những cân nhắc điều chỉnh phù hợp cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Cùng với việc tham khảo các cảnh báo của Cục PVTM, doanh nghiệp cũng có thể chủ động theo dõi một số khía cạnh để tự đưa ra cảnh báo:

- Nghiên cứu về thị trường xuất khẩu cũng như theo dõi về lượng nhập khẩu hàng hóa xuất khẩu để tự có những phân tích cảnh báo cho mình. Theo kinh nghiệm thực tiễn, việc gia tăng hàng hóa nhập khẩu đột biến cũng là một tiêu chí đánh giá về khả năng nước xuất khẩu xem xét điều tra áp dụng biện pháp PVTM. Do vậy, việc theo dõi tình hình nhập khẩu của các thị trường xuất khẩu trọng điểm sẽ là một căn cứ cảnh báo

sớm quan trọng cơ bản của doanh nghiệp.

- Theo dõi xu hướng điều tra áp dụng các biện pháp PVTM của nước xuất khẩu. Với những thị trường thường xuyên sử dụng các biện pháp PVTM như Úc hay Canada, doanh nghiệp cần có những phương án chuẩn bị ngay từ giai đoạn tiếp cận thị trường để đảm bảo những thành quả sau khi tiếp cận thành công.

- Theo dõi các biện pháp PVTM trên thế giới áp dụng với hàng hóa mà mình xuất khẩu. Việc một số thị trường áp dụng biện pháp PVTM với một loại hàng hóa cụ thể có thể dẫn đến việc các thành viên khác cũng sẽ xem xét điều tra áp dụng biện pháp PVTM đối với sản phẩm đó.

2.2. Chủ động xây dựng chiến lược ứng phó

Tham gia ứng phó một vụ việc phòng vệ thương mại, đặc biệt là vụ việc điều tra chống bán phá giá và điều tra chống trợ cấp, doanh nghiệp cần đầu tư rất nhiều nguồn lực. Hầu hết các nhân lực quan trọng của doanh nghiệp (sản xuất, bán hàng, kế toán) đều sẽ phải dành thời gian và nguồn lực chuẩn bị tài liệu và tham gia ứng phó vụ việc trong một khoảng thời gian trải dài trong khoản 01 năm. Cùng với đó, một nguồn chi phí

đáng kể sẽ cần được chuẩn bị trong trường hợp thuê luật sư tư vấn đồng hành cùng giai đoạn kháng kiện. Do vậy, để việc tham gia ứng phó vụ việc hiệu quả và không làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp cần có sự cân nhắc về quy mô và lợi ích của thị trường để đưa ra kế hoạch ứng phó phù hợp.

Doanh nghiệp cần cân nhắc một số vấn đề như sau khi quyết định mức tiêu tốn nguồn lực cho quá trình ứng phó vụ việc:

- Tính toán các chi phí tiếp cận thị trường cũng như lợi ích kỳ vọng đạt được ở thị trường xuất khẩu.

- Tính toán các chi phí, nguồn lực cần thiết để tham gia ứng phó vụ việc.

- Dự đoán mức thiệt hại khi biện pháp PVTM được áp dụng.

Với các tính toán cụ thể, doanh nghiệp có thể tham vấn Cục PVTM để có được những khuyến nghị tối ưu cho quá trình kháng kiện. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng, việc doanh nghiệp không tham gia vụ việc điều tra hoặc tham gia không đầy đủ không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh nghiệp mà còn ảnh hưởng đến thuế suất toàn quốc

(mức thuế áp dụng với những doanh nghiệp không được chọn mẫu). Do vậy, doanh nghiệp luôn cần tham vấn với Cục PVTM để có phương án phù hợp vì lợi ích chung của ngành.

2.3. Hợp tác với các bên có cùng lợi ích

Trong quá trình tham gia một vụ việc PVTM, doanh nghiệp cần lưu ý rằng không nên chỉ làm việc một mình. Sự phối hợp với các bên khác có liên quan là hết sức quan trọng. Các công tác ứng phó cũng như phối hợp với các bên, doanh nghiệp có thể theo dõi các khuyến nghị tại các giai đoạn điều tra cụ thể. Các bên liên quan mà doanh nghiệp cần phối hợp trong giai đoạn điều tra:

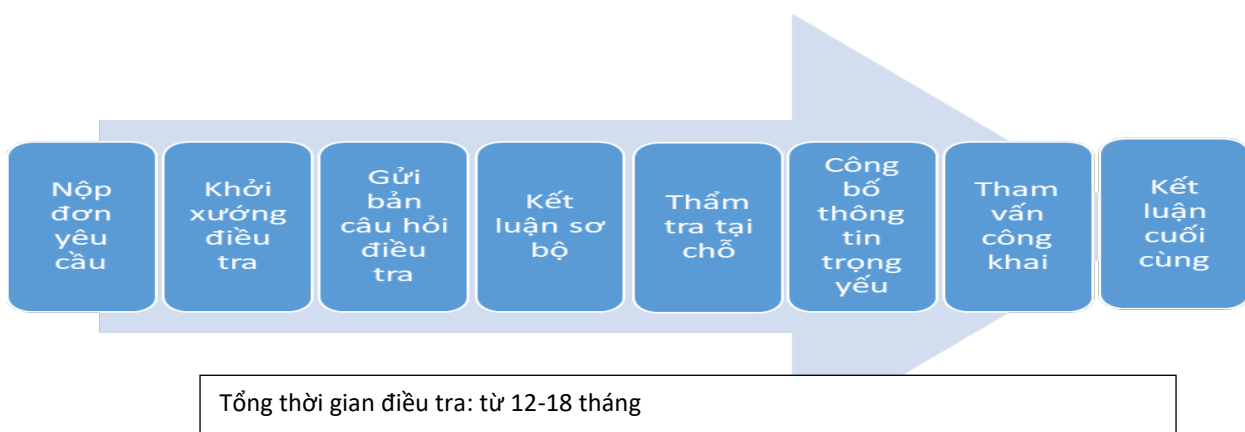
- Cục Phòng vệ thương mại – Bộ Công Thương: đây là cơ quan đầu mối thông tin, tham vấn pháp lý, hỗ trợ doanh

nh nghiệp trong quá trình tham gia vụ việc điều tra PVTM. Đối với vụ việc điều tra chống trợ cấp, Cục PVTM cũng là đầu mối tổng hợp bản trả lời bảng câu hỏi dành cho Chính phủ. Doanh nghiệp cần thường xuyên trao đổi và phối hợp, hợp tác với Cục PVTM để đảm bảo việc trả lời các bản câu hỏi hiệu quả, thống nhất. Với các tham vấn, biện luận gửi tới cơ quan điều tra, doanh nghiệp cũng có thể tham vấn và đề nghị Cục PVTM hỗ trợ chuyển các ý kiến này đến cơ quan điều tra dưới tư cách Chính phủ.

- Hiệp hội và các doanh nghiệp cùng ngành: việc các doanh nghiệp cùng ngành phối hợp với nhau trong quá trình tham gia vụ việc điều tra PVTM sẽ tạo ra sức mạnh đoàn kết, chia sẻ chi phí cũng như kinh nghiệm trong quá trình ứng phó vụ việc.

3. Quy trình ứng phó với các vụ việc PVTM

3.1. Đối với vụ việc điều tra chống bán phá giá của nước ngoài



Trong vụ việc điều tra chống bán phá giá của các nước, bao gồm các đối tác thành viên CPTPP về cơ bản sẽ bao gồm các bước sau:

Trong quá trình điều tra, các nước sẽ tiến hành thẩm tra tại chỗ để xác minh tính chính xác của thông tin điều tra. Việc thẩm tra tại chỗ có thể thực hiện trước hoặc sau khi ban hành kết luận sơ bộ về vụ việc.

Các mốc quan trọng của quá trình điều tra chống bán phá giá đều cần được doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước theo sát, lên kế hoạch ứng phó phù hợp.

3.1.1. Giai đoạn ngành sản xuất trong nước của nước nhập khẩu nộp đơn yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá

Theo khuyến nghị tại Phụ lục 6-A của Hiệp định CPTPP, các nước có thể thông báo cho bên liên quan về việc nhận được hồ sơ hợp lệ yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá. Trong trường hợp này, vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp cụ thể như sau:

Thương vụ Việt Nam tại nước nhập khẩu

- Tiếp nhận và thông báo cho Bộ Công Thương thông tin về khả năng nước nhập khẩu khởi xướng điều tra chống bán phá giá với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam;
- Cung cấp các thông tin nghiên cứu thị trường về ngành sản xuất trong nước của nước nhập khẩu;
- Theo dõi và cập nhật các diễn biến mới về vụ việc.

Cục PVTM

- Tiếp nhận và thông báo cho các doanh nghiệp và hiệp hội liên quan thông tin về khả năng nước nhập khẩu khởi xướng điều tra chống bán phá giá với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam;
- Thu thập thông tin về tình hình xuất khẩu sản phẩm có nguy cơ bị điều tra

Doanh nghiệp có liên quan

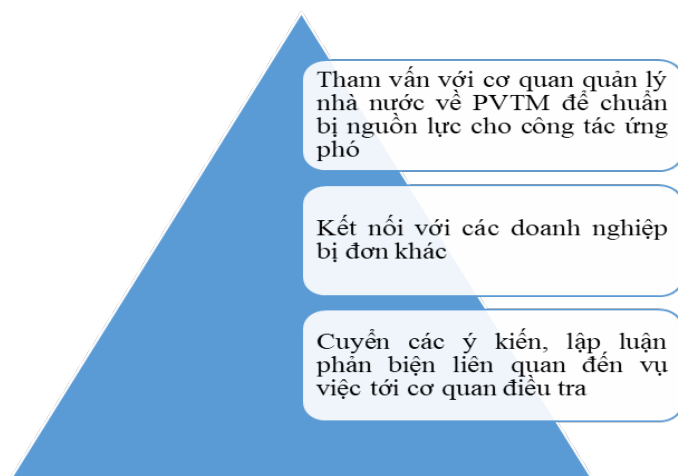
- Chuẩn bị nguồn lực cho công tác kháng kiện
- Phối hợp chặt chẽ và tham vấn ý kiến Cục PVTM về kế hoạch ứng phó với vụ việc điều tra

Trong trường hợp nước nhập khẩu thể hiện sự thiện chí bằng cách thông báo tiền khởi xướng, doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước sẽ có thêm thời gian để liên lạc, thu thập thông tin cũng như lên phương án ứng phó phù hợp.

3.1.2. Giai đoạn khởi xướng điều tra

Theo quy định của WTO, khi khởi xướng điều tra vụ việc chống bán phá giá, cơ quan điều tra có trách nhiệm thông báo cho Chính phủ các nước có doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa bị điều tra. Do đó, trong trường hợp không có thông báo tiền khởi xướng, các bên (doanh nghiệp, Cục PVTM và Thương vụ Việt Nam tại nước nhập khẩu) sẽ triển khai các hoạt động nêu tại mục 1.1.1 trên đây trong giai đoạn sau khi nước nhập khẩu khởi xướng điều tra.

Các công việc triển khai trong giai đoạn này nếu được thực hiện nhịp nhàng và tích cực, mối liên kết giữa doanh nghiệp, hiệp hội và cơ quan quản lý sẽ được hình thành và tạo ra hiệu quả tích cực cho công tác ứng phó vụ việc điều tra. Hiệu quả của công tác ứng phó thể hiện như sau:



- Doanh nghiệp sẽ có cơ hội tham vấn với cơ quan quản lý nhà nước về PVTM để chuẩn bị nguồn lực cho công tác ứng phó. Các bên có thể tham vấn ý kiến của Cục PVTM về một số vấn đề như: kinh nghiệm ứng phó đối với vụ việc từ thị trường của nước liên quan, chuẩn bị nguồn lực về con người (cán bộ đầu mối,

chuyên gia tư vấn pháp lý) và nguồn lực về thời gian để chuẩn bị hồ sơ, thu thập thông tin.

- Doanh nghiệp có điều kiện để kết nối với các doanh nghiệp bị đơn khác để cùng nhau xem xét vấn đề thị trường, thị phần xuất khẩu cũng như chia sẻ các

nguồn lực về tài chính (đặc biệt trong trường hợp cần thuê luật sư tư vấn).

- Doanh nghiệp có điều kiện được Cục PVTM hỗ trợ để chuyển các ý kiến, lập luận phản biện liên quan đến vụ việc tới cơ quan điều tra nhằm phản đối hoặc yêu cầu xem xét trong quá trình điều tra.

- Doanh nghiệp có điều kiện để chứng minh các tiêu chí để được loại trừ áp dụng phương pháp tính toán theo quy định thị trường đặc biệt hoặc nền kinh tế phi thị trường. Đối với doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam, trong nhiều vụ việc điều tra chống bán phá giá, các cơ quan điều tra áp dụng phương pháp tính toán bất lợi do xác định tình hình thị trường đặc biệt hoặc nền kinh tế phi thị trường. Trong nhóm đối tác CPTPP, Úc và Canada là hai đối tác đã từng điều tra hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam và có yêu cầu chứng minh về vấn đề tình hình thị trường đặc biệt. Khi doanh nghiệp hợp tác chặt chẽ với cơ quan quản lý nhà nước mà đầu mối của Cục PVTM, doanh nghiệp sẽ có nguồn lực và lợi thế trong việc chứng minh vấn đề này.

- Bên cạnh đó, Cục PVTM cũng cần chủ động thu thập số liệu xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam cũng như thị phần xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường nước điều tra để xem xét khả

năng yêu cầu loại trừ đối với thành viên đang phát triển có lượng nhập khẩu không đáng kể.

Kinh nghiệm ứng phó với các vụ việc PVTM nói chung và vụ việc chống bán phá giá nói riêng cho thấy các doanh nghiệp hợp tác, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình ứng phó vụ việc sẽ đạt được kết quả tốt hơn so với đơn lẻ tham gia vụ việc hoặc không tham gia vụ việc.

3.1.3. Giai đoạn cơ quan điều tra gửi bản câu hỏi

Trong vụ việc điều tra chống bán phá giá, doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam sẽ nhận được một bản câu hỏi điều tra. Bản câu hỏi điều tra này là căn cứ quan trọng để cơ quan điều tra tính toán biên độ bán phá giá của từng doanh nghiệp. Các bảng câu hỏi bằng ngôn ngữ nước ngoài. Với 10 thành viên đối tác CPTPP, ngôn ngữ được sử dụng có thể là tiếng Anh hoặc tiếng bản địa như Tây Ban Nha (Peru), Bồ Đào Nha (Mehico), Nhật Bản, Malaysia... Với những nước sử dụng ngôn ngữ bản địa, khi nộp thông tin, tài liệu cho cơ quan điều tra doanh nghiệp cần thuê dịch thuật chuyên nghiệp để đảm bảo cung cấp nội dung chính xác. Thậm chí, một số nước (như Mehico) còn yêu cầu bản trả lời câu hỏi

phải được hợp pháp hóa lãnh sự trước khi gửi cơ quan điều tra.

Trong giai đoạn này, doanh nghiệp cần lưu ý một số vấn đề quan trọng:

- Dành nguồn lực (nhân lực và thời gian) để chuẩn bị tài liệu chính xác trả lời bản câu hỏi. Trong trường hợp số liệu của doanh nghiệp không đầy đủ hoặc bị xác định là không trung thực, cơ quan điều tra nước nhập khẩu sẽ sử dụng số liệu sẵn có (thường là bất lợi) để tính toán biên độ bán phá giá cho doanh nghiệp. Do vậy, thái độ hợp tác của doanh nghiệp ngay trong giai đoạn trả lời bản câu hỏi (cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin và nộp bản trả lời đúng hạn).

- Xem xét khả năng cần thiết gia hạn bản trả lời câu hỏi để có yêu cầu gia hạn sớm, đảm bảo bản câu trả lời hoàn thiện và không bị từ chối do nộp muộn.

- Tham vấn với Cục PVTM đối với những nội dung chưa hiểu rõ để đảm bảo chuẩn bị thông tin phù hợp và có lợi.

Theo thông lệ, các nội dung mà bảng câu hỏi yêu cầu thường tập trung vào một số vấn đề như sau:

◊ Thông tin chung về doanh nghiệp: các thông tin cơ bản về doanh nghiệp như người đại diện theo pháp luật, ngành

ngành kinh doanh, lịch sử hình thành, công ty liên kết....

◊ Mô tả hàng hóa: tại mục này, căn cứ theo mô tả về phạm vi hàng hóa bị điều tra, doanh nghiệp sẽ tiến hành phân loại và xác định những mã hàng hóa do doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu thuộc phạm vi điều tra. Các số liệu cần cung cấp có thể bao gồm: đầu tư, phát triển sản phẩm, quy trình sản xuất.

◊ Thống kê về hoạt động: cung cấp thông tin về doanh thu, kết quả hoạt động kinh doanh, sản lượng sản xuất, hàng tồn kho, lao động, đầu tư và các kênh phân phối.

◊ Tình hình xuất khẩu hàng hóa vào thị trường nước điều tra: Cơ quan điều tra sẽ thu thập số liệu về các giao dịch bán hàng xuất khẩu của doanh nghiệp vào thị trường nước điều tra (cần cung cấp đầy đủ các thông tin về hợp đồng mua bán, đơn đặt hàng, hóa đơn thương mại, Phiếu đóng gói, hóa đơn vận chuyển, vận đơn, các chứng từ khác thể hiện các khoản giảm trừ: chiết khấu, bảo hiểm, phí ngân hàng, chứng từ thanh toán.) Số liệu tại mục này được phục vụ để cơ quan điều tra tính toán giá xuất khẩu của hàng hóa bị điều tra.

◊ Bán hàng hóa tương tự hàng hóa bị điều tra tại Việt Nam (nước xuất khẩu):

doanh nghiệp sẽ cần cung cấp các thông tin này làm cơ sở để tính toán trị giá thông thường của hàng hóa. Doanh nghiệp cần cung cấp thông tin về thị phần trong nước, cung cấp thông tin về các giao dịch bán trong nước (các thông tin về hợp đồng mua bán, đơn đặt hàng, xác nhận đơn hàng, hóa đơn thương mại, phiếu đóng gói, hóa đơn vận chuyển, các chứng từ khác thể hiện các khoản giảm trừ, chiết khấu, bảo hiểm, phí ngân hàng và chứng từ thanh toán).

◊ Chi phí sản xuất hàng hóa bị điều tra: doanh nghiệp cần cung cấp các thông tin về chính sách và hệ thống kế toán, quy trình sản xuất, chi phí nguyên vật liệu, chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí bán hàng. Các cách thức phân bổ chi phí tới từng sản phẩm cần được doanh nghiệp giải thích rõ ràng và dễ hiểu để cơ quan điều tra tiếp cận các số liệu một cách hợp lý.

Cùng với bảng câu hỏi chính dành cho nhà xuất khẩu, cơ quan điều tra thường sẽ yêu cầu các doanh nghiệp chuẩn bị bản điện tử các số liệu quan trọng (các giao dịch xuất khẩu vào nước điều tra, các giao dịch nội địa, chi phí sản xuất hàng hóa bị điều tra) và một bản câu hỏi dành cho các bên liên kết.

Bên cạnh bản câu hỏi chính dành cho nhà xuất khẩu, cơ quan điều tra một số nước đối tác (như Úc hay Canada) sẽ gửi thêm bản câu hỏi điều tra về tình hình thị trường đặc biệt (Particular Market Situation - PMS) hoặc tình hình kinh tế thị trường (Market Economy Status - MES) cho Chính phủ Việt Nam. Trong trường hợp này, Chính phủ Việt Nam (cơ quan đầu mối là Cục PVTM – Bộ Công Thương) sẽ chủ trì phối hợp với các đơn vị thuộc các Bộ, ngành, hiệp hội liên quan để trả lời câu hỏi và cung cấp thông tin cho cơ quan điều tra nước bạn.

3.1.4. Giai đoạn Cơ quan điều tra ban hành kết luận sơ bộ

Sau khi thu thập thông tin, tài liệu, cơ quan điều tra sẽ ban hành kết luận sơ bộ và thường sẽ kèm theo biện pháp chống bán phá giá tạm thời. Biện pháp chống bán phá giá tạm thời được áp dụng dưới dạng thuế nhập khẩu bổ sung dựa trên kết quả của điều tra sơ bộ và không được áp dụng sớm hơn 60 ngày kể từ ngày khởi xướng điều tra. Thời gian áp dụng biện pháp chống bán phá giá tạm thời không được quá 120 ngày, trừ trường hợp nhà xuất khẩu yêu cầu gia hạn áp dụng biện pháp tạm thời.

Một số công tác ứng phó mà doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam có liên quan cần lưu ý trong giai đoạn này:

- Nghiên cứu kết luận sơ bộ: Khi ban hành kết luận sơ bộ, cơ quan điều tra sẽ công khai bản tính toán biên độ bán phá giá của từng doanh nghiệp (gửi riêng cho từng doanh nghiệp). Trong trường hợp quy định và thông lệ điều tra không gửi bản tính toán này, doanh nghiệp cần yêu cầu cơ quan điều tra cung cấp nhằm đảm bảo tính minh bạch của quá trình điều tra. Phương pháp tính toán biên độ bán phá giá không phải là một nội dung phân tích đơn giản. Việc đánh giá tính hợp pháp của một bản tính toán đòi hỏi đầu tư nhân lực và thời gian. Doanh nghiệp có thể tham vấn các chuyên gia tư vấn có kinh nghiệm để nghiên cứu về bảng tính biên độ bán phá giá này. Bên cạnh đó, một nội dung rất cần được quan tâm là các phân tích về thiệt hại của ngành sản xuất trong nước. Trong nhiều vụ việc, mặc dù cơ quan điều tra xác định có hành vi bán phá giá, biện pháp chống bán phá giá sẽ không được áp dụng nếu không có thiệt hại của ngành sản xuất trong nước.

Sau khi nghiên cứu kết luận sơ bộ, doanh nghiệp có thể xây dựng một bản lập luận về các ý kiến đối với kết luận sơ

bộ để gửi tới cơ quan điều tra PVTM của nước nhập khẩu. Bản đệ trình này nên được tham vấn với Cục PVTM và các đơn vị chuyên gia tư vấn để gia tăng chất lượng các ý kiến lập luận.

- Chuẩn bị cho việc thẩm tra tại chỗ: Thông thường, sau khi ban hành kết luận sơ bộ, cơ quan điều tra sẽ có bước xác minh thông tin được nộp trong bản trả lời bảng câu hỏi điều tra thông qua hoạt động thẩm tra tại chỗ. Do đó, doanh nghiệp xuất khẩu có liên quan cần chuẩn bị tài liệu, giấy tờ để chứng minh cho các số liệu đã cung cấp, đảm bảo phối hợp, hợp tác chặt chẽ với cơ quan điều tra trong quá trình xác minh số liệu. Trong các trường hợp doanh nghiệp không phối hợp trong giai đoạn thẩm tra tại chỗ, cơ quan điều tra có thể bác bỏ các số liệu tính toán của giai đoạn điều tra sơ bộ để sử dụng số liệu sẵn có. Trường hợp đáng tiếc này có thể khiến cho mọi công sức, nguồn lực đã bỏ ra trong giai đoạn trước đó không còn giá trị nữa.

3.1.5. Giai đoạn thẩm tra tại chỗ

Thẩm tra tại chỗ là giai đoạn cơ quan điều tra xác minh số liệu, thông tin do các bên cung cấp trong bản trả lời bảng câu hỏi điều tra. Đối với các doanh nghiệp xuất khẩu, cơ quan điều tra sẽ

thành lập đoàn công tác tới doanh nghiệp để kiểm tra số liệu gốc, truy xuất số liệu từ máy tính và kiểm tra thực địa kho bãi, nhà máy. Bên cạnh đó, đoàn công tác cũng sẽ làm việc với các cá nhân phụ trách của doanh nghiệp về các mảng sản xuất, kinh doanh, kế toán,... nhằm xác minh tính chính xác của các thông tin đã được cung cấp. Việc thăm tra theo thông lệ sẽ được thông báo trước.

Theo khuyến nghị của Hiệp định CPTPP, các bên cần thông báo về lịch thăm tra tại chỗ cho doanh nghiệp liên quan trước 10 ngày làm việc và thông báo nội dung, tài liệu cần chuẩn bị trước 05 ngày. Hiện nay cơ quan điều tra Việt Nam cũng đang áp dụng một thông lệ tương tự khi điều tra tại chỗ. Tuy nhiên, thời gian chuẩn bị tài liệu thăm tra tại chỗ khoảng 05 ngày vẫn là gấp rút. Do đó, doanh nghiệp cần có sự chuẩn bị từ giai đoạn trước để đảm bảo hệ thống giấy tờ, sổ sách được sắp xếp đầy đủ và khoa học, sẵn sàng cho việc thăm tra của cơ quan điều tra. Doanh nghiệp thường cần chuẩn bị các tài liệu, nguồn lực như sau để chuẩn bị phối hợp trong giai đoạn thăm tra tại chỗ:

Chuẩn bị thăm tra tại chỗ

Bộ bản in đầy đủ bản trả lời câu hỏi điều tra của doanh nghiệp;

Bản sao các bảng tính trích xuất từ hệ thống của công ty được sử dụng trong quá trình chuẩn bị các số liệu liên quan trong bản trả lời câu hỏi điều tra;

Hồ sơ gốc của công ty và các tài liệu nguồn khác được sử dụng để chuẩn bị bất kỳ phần nào của bản trả lời (bao gồm: sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán phụ, bảng cân đối thử, sổ chi tiết, báo cáo sản xuất, v.v.);

Nhân sự phù hợp am hiểu về dữ liệu trong bản trả lời và hệ thống kế toán doanh nghiệp;

Thiết bị máy tính kết nối với máy chiếu có thể truy cập vào dữ liệu bán hàng, sản xuất, hệ thống kế toán tài chính của công ty

Các nội dung sẽ được rà soát trong quá trình thẩm tra tại chỗ đối với vụ việc điều tra chống bán phá giá gồm có:

- **Thông tin chung về doanh nghiệp:** cơ cấu tổ chức, hoạt động, quyền sở hữu và Bên liên kết; danh mục sản phẩm của công ty; quy trình Bán hàng và Phân phối; thực tiễn hoạt động kế toán chi phí; quy trình sản xuất và tham quan nhà máy

- **Số liệu sản xuất trong nước và xuất khẩu sang thị trường nước điều tra:** đối chiếu doanh số và giá trị bán hàng; kiểm tra tính đầy đủ của số liệu; kiểm tra mẫu ngẫu nhiên để xác định tính chính xác của số liệu; xem xét các số liệu điều chỉnh chi phí bán hàng trong nước và mẫu xuất khẩu sang nước điều tra.

- **Rà soát số liệu về chi phí sản xuất:** đối chiếu chi phí; rà soát mẫu phân bổ chi phí, rà soát số liệu về lượng sản xuất, nguyên vật liệu, chi phí lao động, năng lượng, chi phí chung và đánh giá về các giao dịch mua nguyên vật liệu từ công ty liên kết.

3.1.6. Giai đoạn cơ quan điều tra công bố thông tin trọng yếu và giai đoạn tham vấn công khai

Theo quy định của Điều 6.9 Hiệp định Chống bán phá giá WTO, cơ quan điều tra có trách nhiệm công bố các thông tin

trọng yếu là cơ sở cho kết luận cuối cùng trước khi ban hành kết luận chính thức về vụ việc. Giai đoạn công bố thông tin trọng yếu và giai đoạn tham vấn công khai có thể đảo cho nhau tùy theo quy trình điều tra của từng quốc gia. Thông thường, các nước sẽ có bản tóm tắt các bằng chứng cơ bản, quan trọng làm cơ sở cho kết luận cuối cùng để các bên có cơ hội bày tỏ ý kiến trước khi cơ quan điều tra ban hành kết luận chính thức về vụ việc.

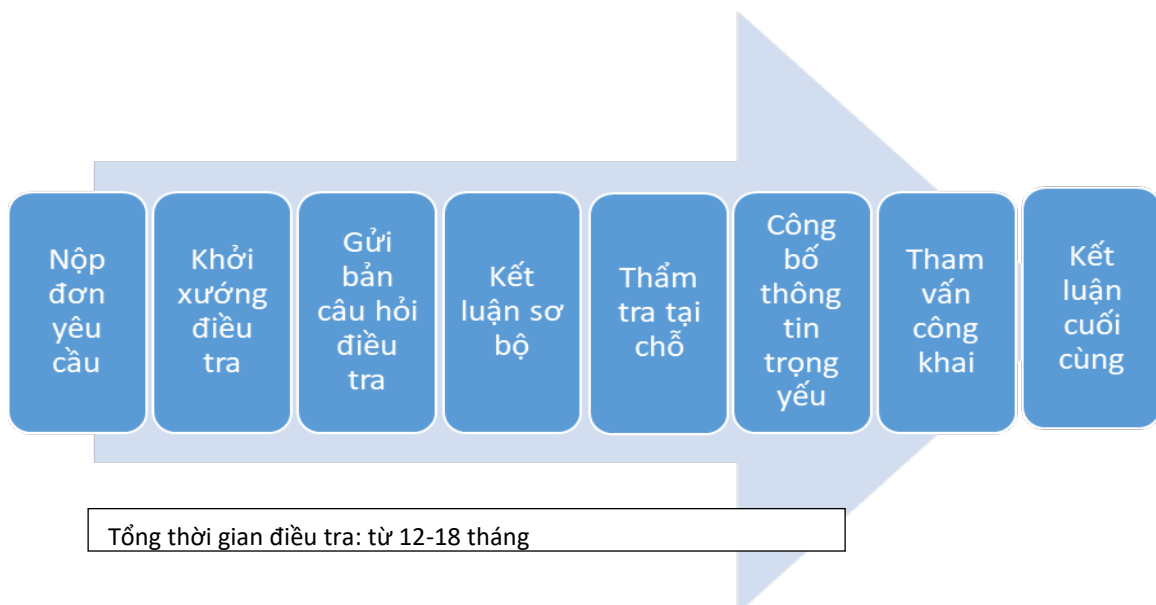
Đối với giai đoạn này, doanh nghiệp, hiệp hội có liên quan và Cục PVTM tiếp tục tham gia tích cực để bày tỏ quan điểm, tìm kiếm các chứng cứ có lợi để tác động tới kết luận cuối cùng của cơ quan điều tra. Doanh nghiệp cần tích cực nghiên cứu các thông tin trọng yếu và tìm kiếm các bằng chứng có lợi cho mình. Việc xây dựng các bản lập luận trình lên cơ quan điều tra là công việc cần có sự tham vấn chuyên gia tư vấn và Cục PVTM để đảm bảo hiệu quả. Thực tiễn cho thấy, khi các doanh nghiệp thể hiện thái độ tích cực tham gia vào các vụ việc điều tra chống bán phá giá, những nội dung tham vấn cũng như các lập luận sẽ được cơ quan điều tra xem xét và đánh giá kỹ lưỡng, từ đó có những tác động nhất định tới kết quả điều tra vụ việc.

3.1.7. Giai đoạn cơ quan điều tra ban hành kết luận cuối cùng về vụ việc

Sau quá trình điều tra kéo dài từ 12 đến 18 tháng, cơ quan điều tra sẽ ban hành kết luận cuối cùng về vụ việc. Trong kết luận điều tra thông thường sẽ thể hiện đầy đủ các bằng chứng, căn cứ cũng như các lập luận của các bên làm căn cứ cho quyết định áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam. Mức thuế được ban hành với các doanh nghiệp là khác nhau và trong nhiều trường hợp, mức thuế có thể chênh lệch rất lớn, tạo ra cách biệt về tính cạnh tranh giữa các doanh nghiệp. Kết quả của việc ứng phó với vụ việc PVTM sẽ phụ thuộc rất nhiều vào nỗ lực và thái độ hợp tác của các doanh nghiệp.

3.2. Đối với vụ việc điều tra chống trợ cấp của nước ngoài

Theo quy định pháp luật quốc tế và thông lệ điều tra của các đối tác CPTPP, vụ việc điều tra chống trợ cấp của nước ngoài gồm các bước sau:

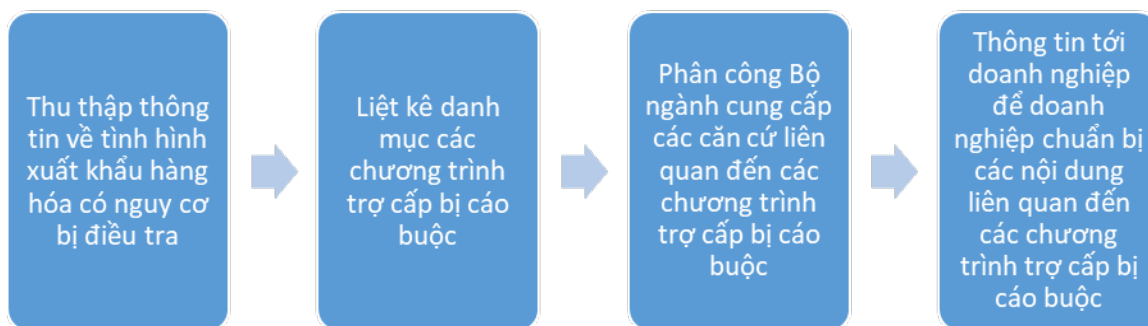


Nhìn vào sơ đồ điều tra, có thể nhận thấy các bước điều tra của vụ việc chống trợ cấp tương tự với vụ việc điều tra chống bán phá giá. Tuy nhiên, về nội dung điều tra thì phức tạp hơn khá nhiều. Đồng thời, do nội dung điều tra liên quan đến các chính sách trợ cấp của nước bị điều tra, vai trò của các cơ quan nhà nước trong quá trình ứng phó vụ việc cũng quan trọng hơn so với vụ việc chống bán phá giá. Các công tác ứng phó cụ thể sẽ được thể hiện theo từng giai đoạn trong phần trình bày dưới đây:

3.2.1. Giai đoạn ngành sản xuất trong nước của đối tác CPTPP nộp đơn yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp chống trợ cấp

Căn cứ theo Điều 13.1 Hiệp định Trợ cấp và các biện pháp đối kháng (Hiệp định SCM) của WTO, sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trước khi quyết định khởi xướng điều tra, cơ quan điều tra phải mời Chính phủ nước có hàng hóa xuất khẩu bị điều tra tham vấn để làm rõ những vấn đề mà ngành sản xuất trong nước nêu ra trong hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp. Do đó, đối với vụ việc điều tra chống trợ cấp đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, ngay sau khi Chính phủ nhận được

thông tin về đơn yêu cầu, doanh nghiệp và Chính phủ Việt Nam (cơ quan đầu mối là Cục PVTM – Bộ Công Thương) đã cần phối hợp chặt chẽ để chuẩn bị các nội dung tham vấn cần thiết. Mặc dù thời gian là không nhiều, tuy nhiên, nếu các cơ quan Chính phủ có cơ chế phối hợp liên ngành chặt chẽ, phiên tham vấn tiền khởi xướng này có khả năng sẽ loại bỏ một số cáo buộc liên quan đến chương trình trợ cấp có thể bị đối kháng. Một số công việc có thể triển khai trong giai đoạn này như sau:



Với thông tin sơ bộ về mặt pháp lý và thực tiễn áp dụng của các chương trình trợ cấp bị cáo buộc, Chính phủ Việt Nam có thể bày tỏ quan điểm hiệu quả trong phiên tham vấn này. Đặc biệt, với các chính sách đã hết hạn áp dụng trong giai đoạn điều tra (thông thường là khoảng 01 năm tính từ ngày nộp đơn yêu cầu), Việt Nam có thể yêu cầu Cơ

quan điều tra nước ngoài loại bỏ khỏi danh mục cáo buộc trong trường hợp khởi xướng điều tra.

Bên cạnh đó, Cục PVTM cũng cần chủ động thu thập số liệu xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam cũng như thị phần xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường nước điều tra để xem xét

khả năng yêu cầu loại trừ đối với thành viên đang phát triển có lượng nhập khẩu không đáng kể.

Cũng giống như trong vụ việc điều tra chống bán phá giá, ngay tại thời điểm nhận được thông tin về khả năng điều tra chống trợ cấp, Cục PVTM và doanh nghiệp cần nhanh chóng có sự kết nối, phối hợp chặt chẽ để các công tác ứng phó được triển khai đồng bộ, hiệu quả, mang lại lợi ích cao nhất cho doanh nghiệp bị điều tra.

3.2.2. Giai đoạn cơ quan điều tra nước ngoài khởi xướng điều tra

Khi nhận được thông tin khởi xướng điều tra chống trợ cấp đối với hàng hóa xuất khẩu Việt Nam, Chính phủ Việt Nam sẽ nhanh chóng tiến hành một số công tác:

- Thống kê số liệu xuất khẩu của hàng hóa.
- Thành lập nhóm công tác về vụ việc bao gồm các đơn vị Bộ ngành có liên quan đến các chương trình trợ cấp bị cáo buộc trong đơn yêu cầu điều tra và trong thông báo khởi xướng điều tra. Nhóm công tác này sẽ phụ trách việc trả lời bản câu hỏi của Chính phủ trong vụ việc điều tra.

Việc thành lập nhóm công tác về vụ việc

trong giai đoạn này có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với công tác ứng phó vụ việc điều tra chống trợ cấp. Chính phủ Việt Nam sẽ là một bên bị điều tra để làm rõ các chính sách đã được ban hành và triển khai có phải là các trợ cấp bị cấm hoặc có thể đối kháng theo quy định của WTO hay không.

Về phía doanh nghiệp, sau khi nhận được thông tin về vụ việc điều tra chống trợ cấp, doanh nghiệp có thể thực hiện một số công tác chuẩn bị như sau:

- Liên hệ với Cục PVTM để kết nối với cơ quan Nhà nước và các doanh nghiệp có liên quan, tạo thuận lợi cho công tác ứng phó trong các giai đoạn tiếp theo.
- Rà soát, tập hợp các tài liệu liên quan, cử cán bộ đầu mối có liên quan để chuẩn bị cho việc trả lời bản câu hỏi điều tra trong giai đoạn sau.
- Xem xét khả năng cần thiết thuê chuyên gia tư vấn có kinh nghiệm tham gia ứng phó vụ việc.

Giai đoạn tiền khởi xướng và khởi xướng điều tra sẽ diễn ra trong thời gian ngắn, khoảng dưới 1 tháng. Nếu doanh nghiệp và các cơ quan Chính phủ tận dụng thời gian này để tạo mối liên hệ chặt chẽ và chuẩn bị các tài liệu cần thiết, quá trình ứng phó vụ việc trong giai đoạn tiếp theo sẽ gặp nhiều thuận lợi.

3.2.3. Giai đoạn cơ quan điều tra gửi bản câu hỏi điều tra

Trong vụ việc điều tra chống bán phá giá, bản câu hỏi điều tra chính sẽ chỉ được gửi cho doanh nghiệp, trừ trường hợp có nội dung điều tra liên quan đến tình hình thị trường đặc biệt, cơ quan điều tra mới gửi bản câu hỏi cho Chính phủ nước xuất khẩu hàng hóa bị điều tra. Đối với vụ việc điều tra chống trợ cấp, cả doanh nghiệp lẫn Chính phủ nước xuất khẩu hàng hóa bị điều tra sẽ nhận được bảng câu hỏi về các chương trình trợ cấp. Do đó, đối với các vụ việc điều tra chống bán phá giá, doanh nghiệp, hiệp hội và các cơ quan Chính phủ cần có sự liên hệ chặt chẽ, đảm bảo việc trả lời các bảng câu hỏi thống nhất và hiệu quả.

Bảng 16: Danh mục một số chương trình trợ cấp có thể cần trả lời trong bảng câu hỏi điều tra chống trợ cấp

Chương trình về thuế • Các hình thức ưu đãi thuế • Các hình thức miễn thuế • Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp • Giảm thuế và thuế giá trị gia tăng • Miễn thuế nhập khẩu với nguyên liệu sản xuất hàng xuất khẩu • Thuế suất thuế thu nhập ưu đãi dành cho doanh nghiệp trong Khu kinh tế, Khu công nghiệp
Các hình thức trợ cấp trên thị trường nội địa • Ưu tiên dùng hàng nội địa
Các hoạt động tái cơ cấu nợ của doanh nghiệp cụ thể
Nợ và bảo lãnh nợ từ ngân hàng Nhà nước
Các chương trình khuyến khích xuất khẩu • Thưởng xuất khẩu • Tín dụng ưu đãi • Miễn giảm thuế từ lợi nhuận xuất khẩu
Các chương trình tài chính được tài trợ bởi Chính phủ • Hỗ trợ dự án • Ưu đãi sử dụng đất phi nông nghiệp

Về phía Chính phủ, bản câu hỏi sẽ tập trung làm rõ về các quy định, chính sách do Nhà nước ban hành bị cáo buộc là trợ cấp. Về phía doanh nghiệp bản câu hỏi sẽ tập trung làm rõ các lợi ích mà doanh nghiệp được hưởng do áp dụng các chương trình trợ cấp bị cáo buộc. Trong điều tra chống trợ cấp, cơ quan điều tra phải căn cứ trên cả mặt pháp lý (giấy tờ, quy định) và trên cả thực tiễn (lợi ích thực sự mà doanh nghiệp được hưởng). Do vậy, trong trường hợp có quy định về chính sách nhưng doanh nghiệp không áp dụng hoặc không hưởng lợi từ các chính sách này, biện pháp chống trợ cấp cũng sẽ không bị áp dụng. Các loại trợ cấp có thể phải làm rõ trong bảng câu hỏi điều tra chống trợ cấp

Với những chuẩn bị từ trước đó, trong giai đoạn trả lời bản câu hỏi điều tra chống trợ cấp, doanh nghiệp cần lưu ý một số vấn đề như sau:

Những điểm doanh nghiệp cần lưu ý trong giai đoạn trả lời bản câu hỏi điều tra chống trợ cấp



Thuê luật sư tư vấn



Liên kết chặt chẽ với cơ quan Chính phủ



Gia hạn bản trả lời

- Thuê luật sư tư vấn: Bản câu hỏi điều tra chống trợ cấp của doanh nghiệp thường đòi hỏi khả năng trả lời với nhiều thông tin, số liệu cập nhật, sắp xếp khoa học. Do đó, trong trường hợp doanh nghiệp không có nguồn nhân lực đủ khả năng đáp ứng việc hoàn thành bản trả lời, doanh nghiệp nên thu xếp nguồn lực tài chính để được tư vấn, hỗ trợ từ đội ngũ luật sư về lĩnh vực phòng vệ thương mại. Trong vòng 05 năm trở lại đây, đội ngũ luật sư về lĩnh vực PVTM của Việt Nam cũng đã được trau dồi nhiều kiến thức và kinh nghiệm, qua đó cũng giảm chi phí của doanh nghiệp khi cần có hỗ trợ pháp lý tham gia vụ việc điều tra chống trợ cấp.

- Liên kết chặt chẽ với cơ quan Chính phủ: Do Chính phủ cũng phải hoàn thành bản trả lời một bảng câu hỏi phức tạp và có mối liên hệ chặt chẽ với bảng câu hỏi của doanh nghiệp. Doanh nghiệp cần sẵn sàng hỗ trợ cơ quan đầu mối của Chính phủ hoàn thành bản trả lời. Việc hỗ trợ của doanh nghiệp trong quá trình này mang lại lợi ích cho chính doanh nghiệp và toàn ngành sản xuất hàng hóa bị điều tra.

- Gia hạn bản trả lời: với khối lượng thông tin số liệu cần cung cấp trong bảng câu hỏi điều tra chống trợ cấp, trong trường hợp doanh nghiệp đã lường trước việc không thể hoàn thành trong thời gian yêu cầu (thường là 01 tháng), doanh nghiệp cần chủ động đăng ký gia hạn trả lời bảng câu hỏi với cơ quan điều tra để có thể kịp thời hoàn thiện hiệu quả bản trả lời.

3.2.4. Giai đoạn ban hành kết luận sơ bộ

Đối với giai đoạn Cơ quan điều tra ban hành kết luận sơ bộ, các khuyến nghị và phân tích tương tự như ứng phó đối với vụ việc chống bán phá giá. Các doanh nghiệp cần tập trung nghiên cứu, rà soát kết luận sơ bộ của cơ quan điều tra. Các nội dung quan trọng cần rà soát:

- Các chương trình trợ cấp bị cáo

buộc: Dựa trên các nội dung đã cung cấp trong bản trả lời bảng câu hỏi điều tra, doanh nghiệp cần rà soát để xác định việc cơ quan điều tra có ghi nhận các căn cứ, chứng minh do doanh nghiệp cung cấp liên quan đến các chương trình trợ cấp bị cáo buộc hay không. Trong trường hợp có vướng mắc, doanh nghiệp cần chủ động, mạnh dạn tham vấn với cơ quan điều tra, cung cấp thêm căn cứ hoặc đề nghị có giải thích hợp lý từ cơ quan điều tra.

- Mức trợ cấp mà cơ quan đã tính toán: Việc tính toán mức trợ cấp hết sức phức tạp và cần nhiều kỹ năng phân tích số liệu. Trong quá trình rà soát nội dung này, doanh nghiệp cần nhờ đến hỗ trợ của luật sư tư vấn cũng như cơ quan đầu mối về PVTM của Việt Nam. Nếu có những điểm chưa thỏa đáng, doanh nghiệp cần mạnh dạn tham vấn với cơ quan điều tra, đề nghị cơ quan điều tra làm rõ về phương pháp tính toán mức trợ cấp.

Cùng với giai đoạn tham vấn cũng như cung cấp thông tin trọng yếu, việc doanh nghiệp chủ động tham vấn với cơ quan điều tra từ giai đoạn ban hành kết luận sơ bộ thể hiện sự hợp tác, theo dõi chặt chẽ vụ việc điều tra của doanh nghiệp. Cơ quan điều tra sẽ có sự thận trọng và

xem xét đầy đủ các ý kiến hơn nếu doanh nghiệp thể hiện sự quan tâm và sát sao của mình. Tuy nhiên, để thực sự đưa ra các ý kiến tham vấn có chất lượng và hiệu quả, doanh nghiệp cần đầu tư nhiều nguồn lực và thời gian tham gia vụ việc từ đầu đến cuối.

3.2.5. Giai đoạn thẩm tra tại chỗ

Cũng như các lưu ý đã nêu trong giai đoạn tương ứng với vụ việc điều tra chống bán phá giá, doanh nghiệp cần có sự chuẩn bị hồ sơ tài liệu ngay từ giai đoạn trả lời bản câu hỏi để việc xác minh số liệu trong quá trình thẩm tra tại chỗ được thuận lợi và hiệu quả. Các tài liệu mà doanh nghiệp cần chuẩn bị đối với vụ việc điều tra chống trợ cấp phụ thuộc rất nhiều vào việc doanh nghiệp giải trình trong bản trả lời về các chương trình trợ cấp bị cáo buộc. Các tài liệu, nguồn lực mà doanh nghiệp cần chuẩn bị gồm có:

Chuẩn bị thẩm tra tại chỗ

Bộ bản in đầy đủ bản trả lời câu hỏi điều tra của doanh nghiệp;

Bản sao các bảng tính trích xuất từ hệ thống của công ty được sử dụng trong quá trình chuẩn bị các số liệu liên quan trong bản trả lời câu hỏi điều tra;

Hồ sơ gốc của công ty và các tài liệu nguồn khác được sử dụng để chuẩn bị bất kỳ phần nào của bản trả lời (bao gồm: sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán phụ, bảng cân đối thử, sổ chi tiết, báo cáo sản xuất, các hồ sơ liên quan đến việc nhận trợ cấp v.v.);

Nhân sự phù hợp am hiểu về dữ liệu trong bản trả lời và hệ thống kế toán doanh nghiệp;

Thiết bị máy tính kết nối với máy chiếu có thể truy cập vào dữ liệu bán hàng, sản xuất, hệ thống kế toán tài chính của công ty

Nội dung rà soát trong quá trình thẩm tra tại chỗ vụ việc điều tra chống trợ cấp chủ yếu gồm các vấn đề chính như sau:

- **Thông tin chung về doanh nghiệp:** cơ cấu tổ chức, hoạt động, quyền sở hữu và Bên liên kết; danh mục sản phẩm của công ty; quy trình Bán hàng và Phân phối; thực tiễn hoạt động kế toán chi phí; quy trình sản xuất và tham quan nhà máy

- **Số liệu sản xuất trong nước và xuất khẩu sang thị trường nước điều tra:** đối chiếu doanh số và giá trị bán hàng; kiểm tra tính đầy đủ của số liệu; kiểm tra mẫu ngẫu nhiên để xác định tính chính xác của số liệu; xem xét các số liệu điều chỉnh chi phí bán hàng trong nước và mẫu xuất khẩu sang nước điều tra.

- **Số liệu, tài liệu tính toán về mức trợ cấp:** rà soát các hồ sơ, giấy tờ nhằm xác định mức trợ cấp mà doanh nghiệp được hưởng và căn cứ phân bổ phù hợp đối với hàng hóa bị điều tra.

Trong quá trình phối hợp với cơ quan điều tra tiến hành thẩm tra tại chỗ, doanh nghiệp nên trao đổi với cơ quan đầu mối của Chính phủ (Cục PVTM) tham gia hỗ trợ hoặc tổng hợp thông tin. Như đã thông tin bên trên, Chính phủ nước xuất khẩu cũng là một bên bị điều tra trong vụ việc điều tra chống trợ cấp. Do đó, cơ

quan điều tra cũng sẽ tiến hành thẩm tra tại chỗ đối với các cơ quan Chính phủ. Việc Chính phủ và doanh nghiệp có liên hệ chặt chẽ và phối hợp hiệu quả trong quá trình trả lời bản câu hỏi cũng như quá trình thẩm tra tại chỗ sẽ đảm bảo các thông tin được cung cấp cho cơ quan điều tra thống nhất và không gây nhầm lẫn.

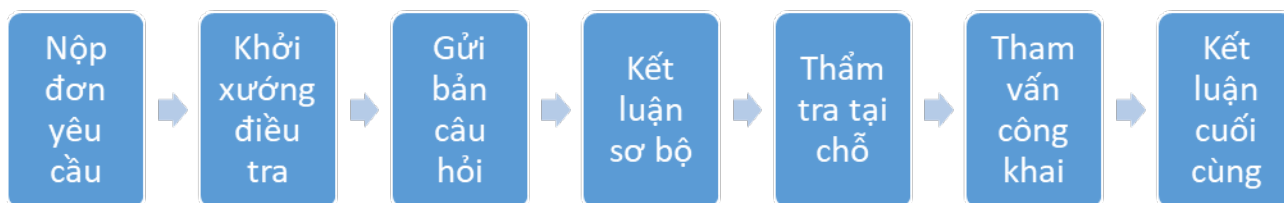
2.2.6. Giai đoạn công bố thông tin, tham vấn công khai và ban hành kết luận cuối cùng

Các khuyến nghị dành cho doanh nghiệp đối với các giai đoạn này trong vụ việc điều tra chống trợ cấp tương tự như trong vụ việc điều tra chống bán phá giá. Trước tiên, doanh nghiệp cần chủ động bày tỏ quan điểm về các nội dung liên quan đến thủ tục, nội dung điều tra tới cơ quan điều tra nước ngoài. Thứ hai, doanh nghiệp phải có thái độ hợp tác, phối hợp chặt chẽ với Cục PVTM và các cơ quan ban ngành khác để đảm bảo việc kháng kiện từ cả phía doanh nghiệp lẫn Chính phủ đạt hiệu quả tối ưu. Doanh nghiệp cần hiểu rõ rằng việc Chính phủ hoàn thành các bản trả lời câu hỏi trong vụ việc điều tra chống trợ cấp có ý nghĩa lớn, ảnh hưởng không chỉ đến kết quả vụ việc hiện tại mà còn cả trong các vụ việc tiếp theo, đối với ngành sản xuất của

mình hoặc các ngành khác có liên quan.

3.3. Đối với vụ việc điều tra tự vệ

Quy trình điều tra áp dụng biện pháp tự vệ tương đối đơn giản so với điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp. Tổng thời gian điều tra thường kéo dài từ 09 đến 12 tháng.



Trong vụ việc điều tra tự vệ, các nội dung điều tra mà cơ quan điều tra cần làm rõ sẽ liên quan đến lượng nhập khẩu hàng hóa bị điều tra và thiệt hại của ngành sản xuất trong nước. Trong đó, số liệu về lượng nhập khẩu được thu thập tổng hợp từ cơ quan hải quan hoặc hệ thống thống kê hải quan quốc tế. Thông tin đánh giá thiệt hại được thu thập thông qua bản câu hỏi điều tra dành cho nhà sản xuất trong nước. Hầu hết trong các vụ việc điều tra tự vệ, sự tham gia của các doanh nghiệp sản xuất/ xuất khẩu nước ngoài là không nhiều. Do đó, đối với vụ việc điều tra tự vệ có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, doanh nghiệp chủ yếu tập trung theo dõi các thông báo và rà soát các kết luận điều tra trong các giai đoạn quan trọng như sau:

3.3.1. Giai đoạn khởi xướng điều tra

Đối với vụ việc điều tra tự vệ, hầu hết thông tin về việc điều tra sẽ chỉ được công khai khi cơ quan điều tra ban hành Quyết định khởi xướng điều tra. Cam kết theo Hiệp định về biện pháp tự vệ của WTO liên quan đến nghĩa vụ thông báo trong vụ việc điều tra tự vệ rất chặt chẽ tại Điều 12 Hiệp định. Theo đó, ngay khi khởi xướng điều tra tự vệ, cơ quan điều tra phải thông báo cho Ủy ban tự vệ của WTO về các thông tin về sản phẩm bị điều tra và việc tiến hành điều tra về vấn đề thiệt hại.

Khi nhận được thông tin về cuộc điều tra, doanh nghiệp sẽ được thông báo để theo dõi về vụ việc nhằm cân đối và có kế hoạch điều chỉnh về sản xuất kinh doanh nếu cần thiết. Trong quá trình này, Cục PVTM sẽ là đầu mối triển khai thu thập thông tin về lượng xuất khẩu để xem xét khả năng yêu cầu được loại trừ khỏi vụ việc

do Việt Nam là nước đang phát triển có lượng nhập khẩu không đáng kể.

3.3.2. Giai đoạn ban hành kết luận sơ bộ và tham vấn công khai

Sau khi ban hành kết luận sơ bộ về biện pháp tự vệ, cơ quan điều tra có trách nhiệm thông báo ngay với Ủy ban Tự vệ của WTO để các thành viên WTO có được thông tin về nội dung điều tra thiệt hại của vụ việc cũng như mức thuế tự vệ tạm thời (nếu có). Với các nội dung được thông báo, trong trường hợp các thông tin chưa rõ ràng hoặc chưa thể hiện được thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước, Cục PVTM hoặc doanh nghiệp xuất khẩu bị ảnh hưởng bởi vụ việc điều tra có thể xem xét yêu cầu làm rõ hoặc đưa ra các nội dung tham vấn cần thiết.

Theo kinh nghiệm thực tiễn, đối với vụ việc điều tra tự vệ, mức độ tham gia của doanh nghiệp tập trung vào hoạt động tham vấn. Các nội dung tham vấn chủ yếu là:

- Xem xét lượng nhập khẩu có đủ điều kiện được loại trừ áp dụng biện pháp hay không.
- Các phân tích về thiệt hại của ngành sản xuất trong nước có đủ để xác định là

thiệt hại nghiêm trọng hay không.

- Nguyên nhân của thiệt hại của ngành sản xuất trong nước có phải do hàng nhập khẩu gia tăng gây ra hay không.

Do yêu cầu chứng minh thiệt hại nghiêm trọng/ đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước trong vụ việc điều tra tự vệ có vai trò quyết định đối với việc áp dụng/ không áp dụng biện pháp, doanh nghiệp xuất khẩu và Chính phủ nước xuất khẩu cần tập trung rà soát các kết luận về điều tra thiệt hại để làm căn cứ cho các lập luận có lợi.

3.3.3. Giai đoạn ban hành kết luận cuối cùng

Đối với giai đoạn này, các ý kiến tham vấn đã tham gia trong giai đoạn trước sẽ được đưa vào xem xét trong kết luận cuối cùng của cơ quan điều tra. Doanh nghiệp và Cục PVTM cần rà soát nội dung kết luận và nếu biện pháp có dấu hiệu không phù hợp với quy định của Hiệp định WTO, cân nhắc về mức độ ảnh hưởng của biện pháp, doanh nghiệp có thể phối hợp với Chính phủ để tham vấn và khiếu kiện ra WTO trong trường hợp có nhiều dấu hiệu cho thấy việc áp dụng biện pháp tự vệ không phù hợp với các quy định của WTO.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn này, Chính phủ cũng cần nhắc việc bảo lưu quyền yêu cầu bồi thường đối với nước nhập khẩu áp dụng biện pháp tự vệ. Quá trình tham vấn sẽ cần sự tham gia của cả doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi biện pháp nhằm tính toán, xác định mức độ ảnh hưởng của biện pháp tới hàng xuất khẩu Việt Nam. Doanh nghiệp cần lưu ý và phối hợp chặt chẽ với cơ quan Chính phủ, đảm bảo lợi ích chung của xuất nhập khẩu Việt Nam.

3.4. Đối với biện pháp tự vệ chuyển tiếp theo Hiệp định CPTPP

Biện pháp tự vệ chuyển tiếp theo Hiệp định CPTPP là biện pháp được thực hiện theo các cam kết tại Hiệp định (Điều 6.3-6.7 Hiệp định CPTPP). Về cơ bản, biện pháp tự vệ chuyển tiếp sẽ được tiến hành điều tra tương tự như biện pháp tự vệ toàn cầu. Do đó, doanh nghiệp Việt Nam nếu có hàng hóa xuất khẩu bị điều tra áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp cần lưu ý theo dõi và tham gia tham vấn trong quá trình điều tra như trong cuộc điều tra biện pháp tự vệ toàn cầu. Một số quy định liên quan đến nguyên tắc áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp đã được nêu trong mục 2 Chương 1 của Cẩm nang. Các nội dung chủ yếu cần tham vấn đối với vụ việc điều tra tự vệ chuyển tiếp:

- Thời gian chuyển tiếp của hàng hóa bị điều tra có đủ đảm bảo cho việc áp dụng biện pháp hay không?
- Lượng nhập khẩu của các nước CPTPP sau khi Hiệp định có hiệu lực có gia tăng (tuyệt đối hoặc tương đối) hay không?
- Thiệt hại của ngành sản xuất có phải là thiệt hại nghiêm trọng/ đe dọa thiệt hại nghiêm trọng hay không?
- Quan hệ nhân quả giữa hàng hóa nhập khẩu từ các nước CPTPP đối với thiệt hại của ngành sản xuất trong nước có thể hiện rõ hay không?

Báo cáo kết luận về vụ việc cần thể hiện rõ sự tách biệt giữa hàng hóa nhập khẩu từ các nước CPTPP so với hàng nhập khẩu từ các thị trường khác. Do vậy, doanh nghiệp cần theo sát để nghiên cứu các lập luận của cơ quan điều tra cũng như phối hợp với Cục PVTM để thảo luận về các phương án ứng phó.

3.5. Đối với biện pháp khẩn cấp dành cho hàng dệt may

Biện pháp khẩn cấp dành cho hàng dệt may và biện pháp tự vệ chuyển tiếp là hai biện pháp có nhiều điểm tương đồng. Do đó, các lưu ý đối với vụ việc điều tra biện pháp khẩn cấp dành cho hàng dệt may cũng tương tự như đối với

vụ việc điều tra áp dụng biện pháp tự vệ chuyên tiếp theo Hiệp định CPTPP. Tuy nhiên, doanh nghiệp cần chú ý các điểm khác biệt giữa hai biện pháp để có những tham vấn phù hợp và chính xác:

- Thời gian chuyển tiếp của hai biện pháp là không giống nhau
- Biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may chỉ áp dụng với ngành hàng dệt may.

The top portion of the page features a blue gradient background. On the right side, there is a graphic of interlocking gears, with the most prominent one being a large, dark blue gear. Swirling white and light blue lines, resembling motion or data flow, sweep across the scene from the top left towards the bottom right, passing behind the gears. A fine grid of small, light blue squares is visible across the entire blue area.

CÁC PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: NỘI DUNG PVTM TRONG HIỆP ĐỊNH CPTPP

CHƯƠNG 6

PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

Mục A: Các Biện pháp Tự vệ

Điều 6.1: Định nghĩa Để áp dụng cho Mục này: **ngành sản xuất trong nước** đối với một hàng hóa nhập khẩu là toàn bộ các nhà sản xuất hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp hoạt động trong lãnh thổ của một Bên, hoặc các nhà sản xuất mà tổng sản lượng hàng hóa tương tự hoặc cạnh tranh trực tiếp chiếm tỷ lệ đa số trên tổng sản lượng sản xuất trong nước của loại hàng hóa đó; **thiệt hại nghiêm trọng** là một sự suy giảm tổng thể đáng kể đối với vị trí của ngành sản xuất trong nước; **đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng** là thiệt hại nghiêm trọng rõ ràng sẽ xảy ra dựa trên cơ sở thực tế và không chỉ dựa trên cáo buộc, phỏng đoán hoặc các khả năng khó xảy ra; **giai đoạn chuyển tiếp** liên quan tới một hàng hóa cụ thể, là thời gian ba năm kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực, trừ trường hợp việc cắt giảm thuế hoặc giảm thuế hàng hóa diễn ra trong thời gian dài hơn, trong trường hợp đó giai đoạn chuyển tiếp sẽ là thời gian cắt giảm thuế theo giai đoạn đối với hàng hóa đó; và

biện pháp tự vệ chuyển tiếp có nghĩa là một biện pháp được quy định tại Điều 6.3.2 (Áp dụng Biện pháp Tự vệ Chuyển tiếp)

Điều 6.2: Tự vệ Toàn cầu

Không điều khoản nào trong Hiệp định này ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các Bên theo Điều XIX Hiệp định GATT 1994 và Hiệp định về các biện pháp Tự vệ.

Ngoại trừ các quy định tại Đoạn 3, không có điều khoản nào trong Hiệp định này đưa ra thêm bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ đối với các Bên liên quan đến các hành động thực hiện theo Điều XIX Hiệp định GATT 1994 và Hiệp định về các biện pháp Tự vệ.

Bên khởi xướng một quy trình điều tra tự vệ phải cung cấp cho các Bên khác một bản sao điện tử thông báo gửi tới Ủy ban WTO về Các biện pháp tự vệ theo quy định tại Điều 12.1 (a) của Hiệp định về các biện pháp Tự vệ.

Không Bên nào được áp dụng hoặc duy trì một biện pháp tự vệ theo quy định của Chương này đối với bất kỳ hàng hóa nào được nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan (TRQ) do Bên đó thiết lập. Một Bên tiến hành một biện pháp tự vệ theo quy định tại Điều XIX Hiệp định GATT 1994 và Hiệp định về các biện pháp Tự vệ có thể loại trừ biện pháp tự vệ đối với hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ theo TRQ theo Hiệp định này và được liệt kê tại Phụ lục A trong Biểu Phụ lục 2-D của Bên đó (Các Cam kết Thuế quan), nếu hàng nhập khẩu đó không phải là nguyên nhân gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng.

Không Bên nào được áp dụng hoặc duy trì hai hoặc nhiều biện pháp dưới đây đối với cùng một hàng hóa, tại cùng một thời điểm:

một biện pháp tự vệ chuyển tiếp theo quy định của Chương này;

một biện pháp tự vệ theo Điều XIX Hiệp định GATT 1994 và Hiệp định về các biện pháp Tự vệ.

một biện pháp tự vệ được quy định tại Phụ lục B trong Biểu Phụ lục 2-D (Các Cam kết

Thuế quan); hoặc

một hành động khẩn cấp theo Chương 4 (Hàng hóa Dệt may và Phụ kiện)

Điều 6.3: Áp dụng Biện pháp Tự vệ Chuyển tiếp

1. Một Bên có thể áp dụng một biện pháp tự vệ chuyển tiếp như mô tả trong Đoạn 2, chỉ trong giai đoạn chuyển tiếp, nếu kết quả của việc giảm hoặc miễn thuế quan theo Hiệp định này dẫn đến:

một hàng hóa có nguồn gốc từ một Bên khác được nhập khẩu vào lãnh thổ của Bên đó với số lượng tăng tuyệt đối hoặc tăng tương đối so với hàng hóa sản xuất nội địa của Bên nhập khẩu, và với điều kiện gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất hàng hóa tương tự hoặc cạnh tranh trực tiếp trong nước, hoặc

một hàng hóa có nguồn gốc từ hai hoặc nhiều Bên, cùng lúc được nhập khẩu vào lãnh thổ của Bên kia với số lượng tăng lên một cách tuyệt đối hoặc tương đối so với ngành sản xuất trong nước, và với điều kiện gây ra hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất hàng hóa tương tự hoặc cạnh tranh trực tiếp trong nước, Bên áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp chứng minh được rằng hàng hóa nhập khẩu xuất xứ từ Bên khác đã tăng tuyệt đối hoặc tương đối so với ngành sản xuất trong

nước kể từ khi Hiệp định này có hiệu lực.

2. Nếu các điều kiện trong Đoạn 1 được đáp ứng, một Bên có thể ngăn chặn hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng trong phạm vi cần thiết và tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều chỉnh các vấn đề sau:

đình chỉ việc tiếp tục giảm bất kỳ thuế suất nào theo quy định của Hiệp định này đối với hàng hóa đó; hoặc

tăng thuế suất đối với hàng hóa đó đến một mức không cao hơn mức thấp hơn trong các mức sau:

thuế suất theo nguyên tắc tối huệ quốc (MFN) có hiệu lực tại thời điểm áp dụng biện pháp này; và

thuế suất theo nguyên tắc tối huệ quốc có hiệu lực vào ngày liền trước ngày Hiệp định này có hiệu lực cho Bên đó.

Các Bên hiểu rằng cả hạn ngạch thuế quan và biện pháp hạn chế số lượng đều không phải là một biện pháp tự vệ chuyển tiếp được cho phép.

Điều 6.4: Tiêu chuẩn áp dụng Biện pháp Tự vệ Chuyển tiếp

Một Bên chỉ được duy trì một biện pháp tự vệ chuyển tiếp trong một khoảng thời gian cần thiết đủ để ngăn chặn hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng và nhằm tạo thuận lợi cho việc điều chỉnh.

Thời hạn này không được vượt quá hai năm, trừ trường hợp nếu cơ quan có thẩm quyền của

Bên áp dụng biện pháp quyết định rằng, phù hợp với các thủ tục quy định tại Điều 6.5 (Thủ tục Điều tra và Yêu cầu Minh bạch hóa), việc duy trì các biện pháp tự vệ chuyển tiếp là cần thiết để ngăn chặn hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng và tạo thuận lợi cho việc điều chỉnh thì khoảng thời gian này có thể được kéo dài thêm tối đa một năm.

Không Bên nào được duy trì một biện pháp tự vệ chuyển tiếp vượt quá thời hạn của giai đoạn chuyển tiếp.

Để tạo thuận lợi cho việc điều chỉnh trong trường hợp thời gian dự kiến của việc áp dụng biện pháp tự vệ chuyển đổi nhiều hơn một năm, Bên áp dụng biện pháp phải dần nói lỏng biện pháp tự vệ chuyển đổi một cách đều đặn trong suốt thời gian áp dụng biện pháp.

Khi chấm dứt một biện pháp tự vệ chuyển tiếp, Bên áp dụng biện pháp này phải áp dụng mức thuế quan được nêu trong Biểu cam kết của Bên đó theo Phụ lục 2-D (Cam kết Thuế) như chưa từng áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp

Không Bên nào được áp dụng một biện pháp tự vệ chuyển tiếp nhiều hơn một lần đối với cùng một hàng hóa.

Điều 6.5: Thủ tục Điều tra và Yêu cầu Minh bạch hóa

Một Bên chỉ được áp dụng một biện pháp tự vệ chuyển tiếp sau khi cơ quan có thẩm quyền của Bên đó tiến hành cuộc điều tra theo quy định tại các Điều 3 và 4.2 (c) Hiệp định về biện pháp Tự vệ; và khi đó, các Điều 3 và 4.2 (c) Hiệp định về biện pháp Tự vệ cũng được đưa vào và trở thành một phần của Hiệp định này, *với những sửa đổi thích hợp*.

Trong cuộc điều tra được mô tả trong Đoạn 1, Bên đó phải tuân theo các yêu cầu của Điều 4.2 (a) và 4.2 (b) Hiệp định về biện pháp Tự vệ; và khi đó, Điều 4.2 (a) và 4.2 (b) của Hiệp định về biện pháp Tự vệ cũng được đưa vào và trở thành một phần của Hiệp định này, *với những sửa đổi thích hợp*.

Điều 6.6: Thông báo và Tham vấn

1. Một bên sẽ phải ngay lập tức thông báo cho các Bên khác, bằng văn bản, nếu bên đó:

khởi xướng một cuộc điều tra tự vệ chuyển tiếp theo Chương này;

đưa ra kết luận về thiệt hại nghiêm trọng, hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng do việc hàng nhập khẩu gia tăng gây ra quy định tại Điều 6.3 (Áp dụng Biện pháp Tự vệ Chuyển tiếp);

đưa ra quyết định áp dụng hoặc gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp; và

đưa ra quyết định sửa đổi biện pháp tự vệ chuyển tiếp đã được thực hiện trước đó.

Một bên phải cung cấp cho các bên khác bản sao các bản báo cáo công khai của cơ quan có thẩm quyền của mình theo quy định tại Điều 6.5.1 (Thủ tục Điều tra và Yêu cầu Minh bạch hóa).

Khi một Bên tiến hành thông báo theo đoạn 1(c) rằng Bên đó đang áp dụng hoặc gia hạn áp dụng một biện pháp tự vệ chuyển tiếp, Bên đó phải đưa vào trong thông báo:

bằng chứng thiệt hại nghiêm trọng hoặc nguy cơ gây ra thiệt hại nghiêm trọng do

việc tăng lên của hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ một hoặc nhiều Bên khác do việc cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan theo Hiệp định này;

mô tả chính xác về hàng hóa có nguồn gốc thuộc đối tượng áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp bao gồm nhóm và phân nhóm của hàng hóa này theo mã HS là cơ sở của các biểu cam kết thuế tại Phụ lục 2-D (Cam kết Thuế);

mô tả chính xác về biện pháp tự vệ chuyển tiếp; (d) ngày áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp, thời hạn áp dụng dự kiến và nếu có thể, thời gian biểu cho việc nói lỏng từng bước biện pháp đó, và

(e) trong trường hợp gia hạn áp dụng biện pháp, thì đưa ra bằng chứng cho thấy ngành sản xuất trong nước có liên quan đang điều chỉnh.

Theo yêu cầu của một Bên có hàng hóa thuộc đối tượng của trình tự áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp theo Chương này, Bên thực hiện phải tham vấn với Bên yêu cầu để xem xét thông báo theo Đoạn 1 hoặc bất kỳ thông báo hoặc báo cáo công khai nào do cơ quan điều tra có thẩm quyền đưa ra liên quan đến cuộc điều tra.

Điều 6.7: Đền bù

Sau khi tham vấn với từng bên có hàng hóa bị áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp, Bên áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp phải đưa ra hình thức đền bù tự do hóa thương mại được thống nhất giữa các bên dưới hình thức nhượng bộ có tác động thương mại đáng kể tương đương hoặc tương đương với trị giá các khoản thuế bổ sung của biện pháp tự vệ chuyển tiếp. Bên đó phải tạo cơ hội tiến hành tham vấn không muộn hơn 30 ngày sau khi áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp.

Nếu việc tham vấn theo Đoạn 1 không đưa đến một thỏa thuận về đền bù tự do hóa thương mại trong vòng 30 ngày, bất kỳ Bên nào có hàng hóa bị áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp có thể đình chỉ áp dụng nhượng bộ tương đương đáng kể đối với thương mại của Bên áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp.

Một Bên có hàng hóa bị áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp phải thông báo cho Bên áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp bằng văn bản ít nhất là 30 ngày trước khi đình chỉ nhượng bộ phù hợp với Đoạn 2.

Nghĩa vụ đưa ra đền bù theo Đoạn 1 và quyền đình chỉ nhượng bộ theo Đoạn 2 sẽ chấm dứt vào thời điểm chấm dứt biện pháp tự vệ chuyển tiếp.

Mục B: Thuế Chống Bán phá giá và Thuế Đối kháng

Điều 6.8: Thuế Chống Bán phá giá và Thuế Đối kháng

Mỗi Bên duy trì quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều VI Hiệp định GATT 1994, Hiệp định Chống bán phá giá và Hiệp định trợ cấp.

Không có điều nào trong Hiệp định này được hiểu là tạo thêm quyền hoặc nghĩa vụ nào liên quan đến thủ tục hoặc biện pháp được tiến hành theo Điều VI Hiệp định GATT 1994, Hiệp định Chống bán phá giá hoặc Hiệp định trợ cấp.

Không Bên nào được áp dụng cơ chế giải quyết tranh chấp theo Chương 28 (Giải quyết Tranh chấp) đối với bất kỳ vấn đề nào phát sinh theo mục này hoặc Phụ lục 6-A (Thông lệ Liên quan đến Thủ tục Chống Bán phá giá và Thuế Đối kháng).

Phụ lục 6-A

Thông lệ Liên quan đến Thủ tục Chống Bán phá giá và Thuế Đối kháng

Các Bên công nhận tại Điều 6.8 (Thuế Chống Bán phá giá và Thuế Đối kháng) về quyền của các Bên áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại phù hợp với Điều VI Hiệp định GATT 1994, Hiệp định Chống Bán phá giá và Hiệp định Trợ cấp, và công nhận các thông lệ sau²⁹ nhằm thúc đẩy các mục tiêu minh bạch hóa và quy trình đúng đắn đối với các biện pháp phòng vệ thương mại:

a. Khi nhận được hồ sơ hợp lệ về việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá và đối kháng đối với hàng nhập khẩu từ một Bên khác, và không quá 7 ngày trước khi khởi xướng điều tra, Bên đó cần đưa ra văn bản thông báo đã nhận được yêu cầu của Bên kia.

b. Đối với bất kỳ thủ tục nào khi cơ quan điều tra xác định sẽ tiến hành xác minh trực tiếp thông tin do bên bị điều tra cung cấp³⁰ và thông tin này liên quan đến việc tính toán biên độ phá giá hoặc mức độ trợ cấp đối kháng, cơ quan điều tra sẽ thông báo ngay lập tức cho mỗi bên bị điều tra về dự định của họ, và:

i. cung cấp cho mỗi bên bị điều tra trong vòng ít nhất 10 ngày làm việc một thông báo trước về thời gian các cơ quan chức năng có ý định tiến hành xác minh thông tin trực tiếp;

ii. ít nhất 5 ngày trước khi tiến hành xác minh trực tiếp, cung cấp cho bên bị điều tra một tài liệu nêu những chủ đề mà bên bị điều tra phải chuẩn bị để giải quyết trong thời gian xác minh và mô tả các loại tài liệu hỗ trợ sẵn có thể rà soát được; và sau khi việc xác minh trực tiếp được hoàn thành, và theo quy định bảo mật thông tin³¹, ban hành một báo cáo bằng văn bản mô tả các phương pháp và thủ tục tiếp theo

²⁹ Các thông lệ đưa ra trong Phụ lục này không phải là một danh sách đầy đủ các thông lệ liên quan đến thủ tục chống bán phá giá và thuế đối kháng. Không một suy luận nào được đưa ra từ nội dung hoặc từ việc loại trừ một vấn đề đặc biệt nào đó liên quan đến các thủ tục chống bán phá giá và áp thuế đối kháng trong danh sách này.

³⁰ Theo như mục đích của Đoạn này "bên bị điều tra" có nghĩa là một nhà sản xuất, nhà chế tạo, nhà xuất khẩu, nhập khẩu, và nếu phù hợp thì đó có thể là chính phủ hoặc một thực thể thuộc chính phủ bị cơ quan điều tra yêu cầu phản hồi đối với các câu hỏi về thuế chống bán phá giá và thuế đối kháng.

³¹ Theo mục đích của Phụ lục này, "thông tin bí mật" bao gồm các thông tin được cung cấp theo chế độ mật và bản chất là thông tin mật, ví dụ, nếu tiết lộ thông tin này sẽ có được các lợi thế cạnh tranh đáng kể so với đối thủ cạnh tranh hoặc việc tiết lộ thông tin sẽ gây ra một ảnh hưởng bất lợi đáng kể đối với người cung cấp thông tin hoặc đối với người nắm giữ thông tin.

trong việc thực hiện xác minh và mức độ các thông tin bên bị điều tra cung cấp được hỗ trợ bởi các tài liệu rà soát trong quá trình xác minh. Báo cáo này cần cho các bên quan tâm được biết trong khoảng thời gian phù hợp để bảo vệ lợi ích của họ. Cơ quan điều tra của một Bên duy trì tài liệu công khai cho mỗi cuộc điều tra và rà soát bao gồm: tất cả các tài liệu không bí mật là một phần của hồ sơ điều tra hoặc

iii. rà soát; và các bản tóm tắt không bí mật về thông tin bí mật có trong hồ sơ của mỗi cuộc điều tra hoặc rà soát ở mức độ không tiết lộ các thông tin bí mật. Nếu các thông tin riêng lẻ không nhạy cảm để tóm tắt thì có thể được cơ quan điều tra thu thập.

c. Các tài liệu công khai và danh sách tất cả các tài liệu có trong hồ sơ điều tra hoặc rà soát cần được có sẵn để thẩm tra và sao chép trong giờ làm việc bình thường của cơ quan điều tra hoặc có sẵn bản điện tử để tải về³².

d. Nếu một hành động chống bán phá giá và áp dụng thuế đối kháng liên quan đến hàng hóa nhập khẩu từ một Bên khác, cơ quan điều tra của một Bên xác định rằng phản hồi của một Bên đối với một yêu cầu cung cấp thông tin đủ kịp thời nhưng lại không phù hợp với yêu cầu của Bên đó, cơ quan điều tra sẽ thông báo cho bên quan tâm nguyên nhân thiếu sót ở mức độ khả thi, trong giới hạn thời gian cho phép đủ để hoàn thành hành động chống bán phá giá và áp dụng thuế đối kháng. Nếu Bên quan tâm đưa thêm thông tin để bổ sung cho thiếu sót đó và cơ quan điều tra nhận thấy vẫn chưa hài lòng với phản hồi này, hoặc phản hồi này được đưa ra quá thời gian giới hạn cho phép, và nếu cơ quan điều tra bác bỏ tất cả hoặc một phần của phản hồi ban đầu hoặc phản hồi tiếp sau đó, cơ quan điều tra phải giải thích rõ trong quyết định hoặc các tài liệu bằng văn bản khác về lý do bác bỏ những thông tin này.

e. Trước khi đưa ra quyết định cuối cùng, cơ quan điều tra thông báo cho tất cả các Bên quan tâm các lập luận quan trọng hình thành cơ sở quyết định liệu có áp dụng biện pháp cuối cùng hay không. Vì các thông tin này cần phải giữ bí mật, cơ quan điều tra có thể sử dụng bất kỳ cách thức hợp lý nào để tiết lộ các lập luận cần thiết, bao gồm một báo cáo tổng kết các dữ liệu trong hồ sơ, dự thảo hoặc quyết định sơ bộ để cung cấp cho các Bên quan tâm cơ hội phản hồi đối với việc tiết lộ các lập luận cần thiết.

³² Phí phải trả cho các bản sao, nếu có, sẽ được giới hạn trong khoảng chi phí ước lượng của các dịch vụ được cung cấp.

Điều IV.3: Hành động khẩn cấp (Chương dệt may)

1. Theo các điều khoản của Điều này nếu, sau khi giảm trừ hoặc loại bỏ thuế quan theo quy định tại Hiệp định này, một mặt hàng dệt may được hưởng ưu đãi thuế quan theo quy định tại Hiệp định này được nhập khẩu vào lãnh thổ của một Bên với số lượng gia tăng, và theo đó gây thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa thực tế cho ngành công nghiệp nội địa sản xuất ra các sản phẩm tương tự hoặc các sản phẩm cạnh tranh trực tiếp, Bên nhập khẩu, xét thấy cần thiết nhằm ngăn chặn hoặc phòng vệ những thiệt hại đó và để thuận lợi các điều chỉnh, áp dụng hành động khẩn cấp phù hợp với khoản 6, bao gồm việc tăng thuế suất đối với hàng hóa đó của một hoặc các Bên xuất khẩu tới mức không vượt quá mức nào thấp hơn trong hai mức sau:

a. thuế suất tối huệ quốc (MFN) áp dụng tại thời điểm hành động khẩn cấp được thực hiện; và

b. thuế suất MFN áp dụng vào ngày ngay sau ngày Hiệp định có hiệu lực cho Bên đó.

2. Không quy định nào trong Điều này được hiểu nhằm hạn chế quyền và nghĩa vụ của một Bên theo Điều 19 của GATT 1994, Hiệp định tự vệ của WTO, hoặc Chương HH (Các biện pháp phòng vệ thương mại).

3. Để xác định thiệt hại nghiêm trọng, hoặc đe dọa thực tế gây thiệt hại nghiêm trọng, Bên nhập khẩu:

a. sẽ kiểm tra ảnh hưởng của việc gia tăng nhập khẩu từ một hoặc các Bên xuất khẩu hàng dệt may được hưởng ưu đãi thuế quan theo quy định của Hiệp định này tới ngành công nghiệp cụ thể, được phản ánh trong việc thay đổi các biến số kinh tế tương ứng như yếu tố đầu ra, sản lượng, công suất sử dụng, lượng hàng tồn kho, thị phần, lượng xuất khẩu, tiền lương, nhân công, giá nội địa, lợi nhuận và đầu tư, không một yếu tố nào trong các yếu tố kể trên tính riêng hoặc

b. gộp lại với các yếu tố khác, được coi là yếu tố quyết định khi cần thiết; và

c. sẽ không xem xét đến việc thay đổi công nghệ hoặc thị hiếu của người tiêu dùng tại Bên nhập khẩu như là yếu tố hỗ trợ trong việc quyết định thiệt hại nghiêm trọng

hoặc đe dọa thực tế gây thiệt hại nghiêm trọng.

4. Bên nhập khẩu có thể áp dụng hành động khẩn cấp theo quy định của Điều này tuân theo duy nhất các quy trình thủ tục của họ đã công bố mà xác định được các tiêu chí để phát hiện thiệt hại nghiêm trọng và tuân theo duy nhất cuộc điều tra tiến hành bởi các cơ quan có thẩm quyền của Bên đó. Cuộc điều tra này phải sử dụng dữ liệu dựa vào các yếu tố được mô tả tại khoản 2(a) chỉ ra rằng thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa thực tế gây ra thiệt hại nghiêm trọng rõ ràng được tạo ra bởi việc gia tăng nhập khẩu của sản phẩm liên quan theo Hiệp định này.

5. Bên nhập khẩu sẽ gửi cho một hoặc các Bên xuất khẩu, không chậm trễ, thông báo bằng văn bản về việc khởi xướng điều tra theo quy định tại khoản 3, cũng như ý định áp dụng hành động khẩn cấp, và, theo yêu cầu của một hoặc các Bên xuất khẩu, sẽ tiến hành tham vấn với một hoặc các Bên đó liên quan đến vấn đề này. Bên nhập khẩu sẽ cũng cấp cho Bên xuất khẩu chi tiết đầy đủ của hành động khẩn cấp được áp dụng. Các Bên liên quan sẽ bắt đầu tham vấn không chậm trễ và, trừ khi có quyết định khác, sẽ hoàn tất các cuộc tham vấn trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Sau khi hoàn tất tham vấn, Bên nhập khẩu sẽ thông báo cho Bên xuất khẩu về bất kỳ quyết định nào. Nếu Bên nhập khẩu quyết định áp dụng biện pháp tự vệ, thông báo sẽ bao gồm chi tiết về biện pháp đó, thời điểm biện pháp có hiệu lực.

6. Các điều kiện và hạn chế sau sẽ áp dụng đối với bất kỳ hành động khẩn cấp nào được thực hiện theo quy định của Điều này:

- a. không hành động khẩn cấp nào có thể được duy trì trong khoảng thời gian 2 năm với khả năng có thể gia hạn thêm 2 năm;
- b. không hành động khẩn cấp nào đối với một hàng hóa có thể được áp dụng hoặc duy trì quá thời gian chuyển đổi;
- c. không hành động khẩn cấp nào có thể được áp dụng bởi Bên nhập khẩu đối với bất kỳ hàng hóa cụ thể nào của một hoặc các Bên khác hơn một lần; và
- d. khi hết thời hạn áp dụng hành động khẩn cấp, Bên nhập khẩu sẽ áp cho hàng hóa

chịu biện pháp khẩn cấp mức thuế có hiệu lực khi không bị áp dụng hành động khẩn cấp.

7. Bên áp dụng hành động khẩn cấp quy định tại Điều này sẽ cung cấp cho Bên xuất khẩu khoản bồi thường tự do hóa thương mại mà hai Bên đã thỏa thuận với nhau dưới hình thức nhượng bộ có tính đến hiệu quả thương mại cơ bản tương đương hoặc tương đương với trị giá tính thuế bổ sung dự kiến thu được từ việc áp dụng hành động khẩn cấp. Những nhượng bộ này sẽ chỉ giới hạn đối với nhóm hàng dệt may, trừ phi các Bên có thỏa thuận khác liên quan. Nếu các Bên liên quan không thể thỏa hiệp về việc bồi thường trong vòng 60 ngày hoặc khoảng thời gian lâu hơn được các Bên liên quan thống nhất, một hoặc các Bên mà hàng hóa bị áp hành động khẩn cấp có thể áp dụng hành động thuế quan với hiệu quả thương mại cơ bản tương đương với hiệu ứng thương mại do việc áp dụng hành động khẩn cấp quy định tại Điều này mang lại. Những hành động thuế quan này sẽ được áp dụng đối với bất kỳ hàng hoá nào của Bên áp dụng hành động khẩn cấp. Bên áp dụng hành động thuế quan sẽ chỉ áp dụng hành động thuế quan trong khoảng thời gian tối thiểu cần thiết nhằm đạt được hiệu quả thương mại cơ bản tương đương. Nghĩa vụ của Bên nhập khẩu về việc bồi thường thương mại và quyền của Bên xuất khẩu được áp dụng hành động thuế quan sẽ hết hiệu lực khi hành động khẩn cấp hết hiệu lực.

8. Một Bên có thể không áp dụng hoặc duy trì hành động khẩn cấp theo quy định của Hiệp định này đối với một mặt hàng dệt may hiện đang hoặc sẽ bị áp dụng biện pháp tự truyền thống theo quy định của Chương HH (Các biện pháp phòng vệ thương mại), hoặc biện pháp tự vệ mà một Bên áp dụng theo quy định tại Điều 19 của GATT 1994, hoặc theo Hiệp định tự vệ của WTO.

Cuộc điều tra được nói tới tại Điều này sẽ được tiến hành theo các quy trình thủ tục được thiết lập bởi mỗi Bên. Mỗi Bên sẽ, tại thời điểm Hiệp định có hiệu lực hoặc trước khi khởi xướng cuộc điều tra, thông báo cho các Bên khác các quy trình thủ tục này.

Mỗi Bên sẽ, trong bất kỳ năm nào Bên đó áp dụng hoặc duy trì hành động khẩn cấp theo quy định của Điều này, cung cấp báo cáo về các hành động đó cho các Bên khác.

PHỤ LỤC 2:
THÔNG TƯ 19/2019/TT-BCT NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2019
CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG QUY ĐỊNH VỀ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP
TỰ VỆ ĐẶC BIỆT ĐỂ THỰC THI HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC TOÀN
DIỆN VÀ TIẾN BỘ XUYỀN THÁI BÌNH DƯƠNG

BỘ CÔNG THƯƠNG
Số: 19/2019/TT-BCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2019

THÔNG TƯ

Quy định về áp dụng các biện pháp tự vệ đặc biệt để thực thi Hiệp định
Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 72/2018/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội về việc phê chuẩn Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương và các văn kiện có liên quan;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của

Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về áp dụng các biện pháp tự vệ đặc biệt để thực thi Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về áp dụng các biện pháp tự vệ đặc biệt để thực thi Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương bao gồm:

1. Biện pháp tự vệ trong giai đoạn chuyển tiếp.
2. Biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Các cơ quan quản lý nhà nước của Việt Nam có thẩm quyền điều tra, áp dụng và xử lý biện pháp tự vệ đặc biệt để thực thi Hiệp định.
2. Thương nhân Việt Nam, thương nhân của nước thành viên của Hiệp định, các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài khác có liên quan đến điều tra, áp dụng và xử lý biện pháp tự vệ đặc biệt để thực thi Hiệp định.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Theo quy định tại Thông tư này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hiệp định là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương.
2. Nước thành viên là bất kỳ Nhà nước hoặc lãnh thổ hải quan riêng biệt nào thực thi Hiệp định.
3. Hàng hóa tương tự là hàng hóa có tất cả các đặc tính giống với hàng hóa bị điều tra. Trong trường hợp không có hàng hóa nào như vậy thì hàng hóa tương tự là hàng hóa có nhiều đặc tính cơ bản giống với hàng hóa bị điều tra.
4. Hàng hóa cạnh tranh trực tiếp là hàng hóa có khả năng được người mua chấp nhận thay thế cho hàng hóa thuộc phạm vi áp dụng các biện pháp tự vệ do ưu thế về giá

và mục đích sử dụng.

5. Giai đoạn chuyển tiếp đối với một hàng hóa cụ thể là 03 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực. Trong trường hợp lộ trình xóa bỏ thuế nhập khẩu vào Việt Nam của hàng hóa đó diễn ra trong thời gian dài hơn, giai đoạn chuyển tiếp sẽ là thời gian xóa bỏ thuế của hàng hóa đó.

6. Biện pháp tự vệ trong giai đoạn chuyển tiếp (sau đây gọi là biện pháp tự vệ chuyển tiếp) là biện pháp được quy định tại Điều 99 Luật Quản lý ngoại thương và quy định tại Điều 6.3 Chương 6 của Hiệp định.

7. Giai đoạn chuyển tiếp đối với hàng dệt may là thời gian bắt đầu từ khi Hiệp định có hiệu lực cho đến hết 05 năm sau ngày Việt Nam xóa bỏ thuế cho hàng dệt may của Nước thành viên xuất khẩu theo Hiệp định.

8. Biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may là biện pháp được quy định tại Điều 99 Luật Quản lý ngoại thương và quy định tại Điều 4.3 Chương 4 của Hiệp định.

9. Ngành sản xuất trong nước là tập hợp các nhà sản xuất hàng hóa tương tự hoặc cạnh tranh trực tiếp trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam hoặc đại diện của họ chiếm tỷ lệ chủ yếu trong tổng sản lượng hàng hóa của ngành đó được sản xuất trong nước.

10. Ngày Hiệp định có hiệu lực là ngày 14 tháng 01 năm 2019.

Điều 4. Bên liên quan trong vụ việc điều tra, áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp và biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may

1. Bên liên quan trong vụ việc điều tra biện pháp tự vệ chuyển tiếp, biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may gồm:

a) Tổ chức, cá nhân của nước thành viên sản xuất, xuất khẩu hàng hóa bị điều tra vào lãnh thổ Việt Nam;

b) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa bị điều tra;

c) Hiệp hội của nước thành viên có đa số thành viên là các tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu hàng hóa bị điều tra;

d) Chính phủ và cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên xuất khẩu hàng hóa bị điều tra;

đ) Tổ chức, cá nhân có hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp, biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may;

e) Tổ chức, cá nhân trong nước sản xuất hàng hóa tương tự, hàng hóa cạnh tranh trực tiếp;

g) Hiệp hội trong nước có đa số thành viên là các tổ chức, cá nhân sản xuất hàng hóa tương tự, hàng hóa cạnh tranh trực tiếp;

h) Tổ chức, cá nhân khác có quyền và lợi ích hợp pháp liên quan đến điều tra hoặc có thể giúp ích cho quá trình điều tra hoặc tổ chức đại diện bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Tổ chức, cá nhân phải đăng ký và được Cơ quan điều tra chấp thuận để trở thành bên liên quan trong vụ việc điều tra phù hợp với quy định của Luật Quản lý ngoại thương về thủ tục đăng ký.

3. Bên liên quan trong vụ việc điều tra được tiếp cận thông tin, tài liệu mà bên liên quan khác đã cung cấp cho Cơ quan điều tra theo quy định tại khoản 2 Điều 75 của Luật Quản lý ngoại thương và Điều 11 của Nghị định số 10/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

Chương II

BIỆN PHÁP TỰ VỆ CHUYỂN TIẾP

Điều 5. Nguyên tắc áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp

1. Không áp dụng đồng thời biện pháp tự vệ chuyển tiếp đối với cùng một hàng hóa, trong cùng một thời điểm, với một trong các biện pháp dưới đây:

a) Biện pháp tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam được quy định tại Luật Quản lý ngoại thương;

b) Biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may được quy định tại Thông tư này.

2. Không áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp vượt quá giai đoạn chuyển tiếp.

3. Không áp dụng quá một lần biện pháp tự vệ chuyển tiếp đối với cùng một hàng hóa.

4. Không áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc trường hợp áp dụng hạn ngạch thuế quan theo cam kết trong Hiệp định.

5. Không áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp bằng biện pháp áp dụng hạn ngạch thuế quan hoặc hạn ngạch nhập khẩu.

6. Việc điều tra, áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp phải được thực hiện phù hợp với Luật Quản lý ngoại thương, Nghị định số 10/2018/NĐ-CP và các quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Thông tư này.

Điều 6. Quy định về thông tin trong Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp

1. Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp (trong Chương này gọi là Hồ sơ yêu cầu) gồm Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp và các giấy tờ, tài liệu có liên quan theo quy định tại Điều 47 Nghị định 10/2018/NĐ-CP.

2. Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Nghị định 10/2018/NĐ-CP phải đáp ứng bổ sung các nội dung cụ thể sau đây:

a) Thông tin mô tả về hàng hóa nhập khẩu theo điểm d Khoản 2 Điều 47 Nghị định 10/2018/NĐ-CP là thông tin về hàng hóa nhập khẩu từ một hoặc nhiều nước thành viên bị yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp. Trong đó, thông tin về mã số hàng hóa và mức thuế nhập khẩu phải căn cứ theo Biểu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định.

b) Thông tin về khối lượng, số lượng và trị giá hàng hóa nhập khẩu bị điều tra theo điểm e Khoản 2 Điều 47 Nghị định 10/2018/NĐ-CP trong thời kỳ 03 năm trước khi nộp Hồ sơ yêu cầu và đã bao gồm ít nhất có 06 tháng sau khi Hiệp định có hiệu lực;

c) Thông tin về khối lượng, số lượng và trị giá hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp của ngành sản xuất trong nước quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 47 Nghị định 10/2018/NĐ-CP trong thời kỳ 03 năm trước khi nộp Hồ sơ yêu cầu và đã bao gồm ít nhất có 06 tháng sau khi Hiệp định có hiệu lực. Trong trường hợp ngành sản xuất trong nước hoạt động ít hơn 03 năm, dữ liệu thu thập là toàn bộ thời gian hoạt động của ngành sản xuất trong nước tính đến thời điểm nộp hồ sơ yêu cầu;

d) Thông tin về giai đoạn chuyển tiếp của hàng hóa nhập khẩu bị yêu cầu điều tra, áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp.

Điều 7. Lập Hồ sơ yêu cầu trong trường hợp không có tổ chức, cá nhân nộp Hồ sơ yêu cầu

1. Trong trường hợp không có tổ chức, cá nhân nộp Hồ sơ yêu cầu nhưng có dấu hiệu rõ ràng về việc hàng hóa nhập khẩu quá mức do giảm thuế hoặc xóa bỏ thuế theo Hiệp định từ một hoặc nhiều nước thành viên vào Việt Nam trong giai đoạn chuyển tiếp gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước, Cơ quan điều tra có thể lập Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp gửi Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét quyết định điều tra.

2. Nội dung Hồ sơ yêu cầu do Cơ quan điều tra lập phải bảo đảm các nội dung quy định tại Điều 6 của Thông tư này, ngoại trừ điểm a, điểm b và điểm c khoản 2 Điều 47 Nghị định 10/2018/NĐ-CP.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin

cần thiết theo yêu cầu của Bộ Công Thương.

Điều 8. Áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp

1. Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định về việc áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp khi kết luận điều tra của Cơ quan điều tra có các nội dung sau đây:

a) Có sự gia tăng nhập khẩu tuyệt đối hoặc tương đối so với khối lượng, số lượng sản xuất trong nước của hàng hoá nhập khẩu bị điều tra từ một hay nhiều nước thành viên do kết quả của việc giảm thuế hoặc xóa bỏ thuế của hàng hóa đó theo Hiệp định.

Trong trường hợp sự gia tăng nhập khẩu từ hai nước thành viên bị điều tra trở lên, khối lượng, số lượng nhập khẩu bị điều tra của từng nước thành viên phải có sự gia tăng nhập khẩu tuyệt đối hoặc tương đối so với khối lượng, số lượng sản xuất trong nước kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực của các nước thành viên;

b) Ngành sản xuất trong nước bị thiệt hại nghiêm trọng hoặc bị đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng;

c) Việc gia tăng nhập khẩu quy định tại điểm a khoản này là nguyên nhân gây ra thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước.

2. Biện pháp tự vệ chuyển tiếp được áp dụng gồm:

a) Đình chỉ việc tiếp tục giảm thuế suất theo quy định của Hiệp định đối với hàng hóa bị điều tra;

b) Tăng thuế suất đối với hàng hóa đó nhưng không vượt quá thuế suất ưu đãi có hiệu lực tại thời điểm áp dụng biện pháp này hoặc thuế suất ưu đãi có hiệu lực vào ngày liền trước ngày Hiệp định có hiệu lực, tùy mức thuế suất nào thấp hơn.

3. Thời hạn áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp không được vượt quá 02 năm. Trong trường hợp Cơ quan điều tra kết luận rằng cần tiếp tục áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp để ngăn chặn hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng và tạo thuận lợi cho việc điều chỉnh của ngành sản xuất trong nước, thời hạn áp dụng có thể kéo dài

thêm tối đa 01 năm.

4. Trong trường hợp biện pháp tự vệ chuyển tiếp dài hơn 01 năm, biện pháp tự vệ chuyển tiếp phải được nới lỏng dần đều trong suốt quá trình áp dụng biện pháp.

5. Sau khi hết thời hạn áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp, mức thuế nhập khẩu áp dụng cho hàng hóa liên quan thực hiện theo Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện Hiệp định có hiệu lực tại thời điểm chấm dứt áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp đó.

Chương III

BIỆN PHÁP KHẨN CẤP ĐỐI VỚI HÀNG DỆT MAY

Điều 9. Nguyên tắc áp dụng biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may

1. Không áp dụng đồng thời biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may đối với cùng một hàng hóa, trong cùng một thời điểm, với một trong các biện pháp dưới đây:

a) Biện pháp tự vệ trong nhập khẩu hàng nước ngoài vào Việt Nam được quy định tại Luật quản lý ngoại thương;

b) Biện pháp tự vệ chuyển tiếp được quy định tại Thông tư này.

2. Không áp dụng biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may quá giai đoạn chuyển tiếp đối với hàng dệt may đó.

3. Không áp dụng quá một lần biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may đối với cùng một hàng hóa.

4. Việc điều tra, áp dụng biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may phải được thực hiện phù hợp với Luật Quản lý ngoại thương, Nghị định số 10/2018/NĐ-CP và các quy định Điều 10, Điều 11, Điều 12 Thông tư này.

Điều 10. Quy định về thông tin trong Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may

1. Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may (trong Chương

này gọi là Hồ sơ yêu cầu) gồm Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may và các giấy tờ, tài liệu có liên quan theo quy định tại Điều 47 Nghị định 10/2018/NĐ-CP.

2. Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Nghị định 10/2018/NĐ-CP phải đáp ứng bổ sung các nội dung cụ thể sau đây:

a) Thông tin mô tả về hàng hóa nhập khẩu theo điểm d Khoản 2 Điều 47 Nghị định 10/2018/NĐ-CP là thông tin mô tả về hàng dệt may bị yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp khẩn cấp bao gồm tên khoa học, tên thương mại, tên thường gọi; thành phần; các đặc tính vật lý, hóa học cơ bản; mục đích sử dụng chính; quy trình sản xuất; tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế và Việt Nam; mã số hàng hóa và mức thuế nhập khẩu có hiệu lực áp dụng theo Biểu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ưu đãi thực hiện Hiệp định;

b) Thông tin về khối lượng, số lượng và trị giá hàng dệt may nhập khẩu quy định tại điểm a khoản này trong thời kỳ 03 năm trước khi nộp Hồ sơ yêu cầu và trong đó ít nhất có 03 tháng sau khi Hiệp định có hiệu lực;

c) Thông tin về khối lượng, số lượng và trị giá hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp của ngành sản xuất trong nước quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 47 Nghị định 10/2018/NĐ-CP trong thời kỳ 03 năm trước khi nộp Hồ sơ yêu cầu và đã bao gồm ít nhất 03 tháng sau khi Hiệp định có hiệu lực.

d) Thông tin về giai đoạn chuyển tiếp của hàng dệt may nhập khẩu bị yêu cầu điều tra, áp dụng biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may.

Điều 11. Lập Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may trong trường hợp không có tổ chức, cá nhân nộp Hồ sơ yêu cầu

1. Trong trường hợp không có tổ chức, cá nhân yêu cầu nhưng có dấu hiệu rõ ràng về việc gia tăng nhập khẩu hàng dệt may vào Việt Nam do cắt giảm thuế theo Hiệp định trong giai đoạn chuyển tiếp gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước, Cơ quan điều tra tiến hành lập Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét quyết định điều tra.

2. Nội dung Hồ sơ do Cơ quan điều tra lập phải bảo đảm các nội dung quy định tại Điều 10 của Thông tư này, ngoại trừ trừ điểm a và điểm b khoản 2 Điều 47 Nghị định 10/2018/NĐ-CP.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin cần thiết theo yêu cầu của Bộ Công Thương.

Điều 12. Áp dụng biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may

1. Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định việc áp dụng biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may khi Kết luận điều tra của Cơ quan điều tra có các nội dung sau đây:

a) Có sự gia tăng nhập khẩu tuyệt đối hoặc tương đối so với khối lượng, số lượng sản xuất trong nước của hàng dệt may bị điều tra từ một hay nhiều nước thành viên do kết quả hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định.

b) Ngành sản xuất trong nước bị thiệt hại nghiêm trọng hoặc bị đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng;

c) Việc gia tăng nhập khẩu quy định tại điểm a khoản này là nguyên nhân gây ra thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước.

2. Trên cơ sở xem xét các yếu tố gồm sản lượng, công suất thực tế, năng suất, tồn kho, thị phần, xuất khẩu, lao động, tiền lương, giá bán trong nước, lợi nhuận và đầu tư, cơ quan điều tra xác định thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này. Các yếu tố liên quan đến thay đổi công nghệ hoặc thay đổi thị hiếu người tiêu dùng sẽ không được xem xét.

3. Biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may được áp dụng dưới hình thức tăng thuế suất đối với hàng hóa đó nhưng không vượt quá thuế suất ưu đãi có hiệu lực tại thời điểm áp dụng biện pháp này hoặc thuế suất ưu đãi có hiệu lực vào ngày liền trước ngày Hiệp định có hiệu lực, tùy mức thuế suất nào thấp hơn.

4. Thời hạn áp dụng biện pháp tự vệ chuyên tiếp không được vượt quá 02 năm và có

thể gia hạn thêm tối đa 02 năm.

5. Sau khi hết thời hạn áp dụng biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may, mức thuế nhập khẩu áp dụng cho hàng hóa liên quan thực hiện theo Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện Hiệp định có hiệu lực tại thời điểm chấm dứt áp dụng biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may đó.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký.
2. Cơ quan điều tra xem xét tiếp nhận hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp hoặc hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may theo hiệu lực của Hiệp định.